



**TÂM TỰ
SAOBIEN
2025**

TÂM TƯ SAO BIỂN 2025

Tâm tư Sao Biển 2025
Sao Biển Sài Gòn và Phụ cận
trình bày Midway Press, hình bìa TL. NTT

Copyright © 2025 sao bien sg&pc

TÂM TỰ SAOBIEN 2025

lưu hành nội bộ

Mục lục

Lời mở	9
Giêsu qua kỳ khảo hạch thành niên	12
60 Năm của lớp 65	23
Anh thấp sinh nhật tuổi mình	29
Những ngày xưa thân ái	31
Điểm danh lớp 69 Sao Biển	45
Giấu nhân gian chuyện chúng mình trộm yêu	49
Tây du ký sự của lớp 60	51
Tôi là chiếc boomerang của Thiên Chúa	63
Cuộc bể dâu 50 Năm nhìn lại	79
Chuyện người di tản	92
Tại sao có đau khổ?	102
Một ngày ở cảng Nước Mặn, Bình Định	
TK XVII	109
Trích một phụ lục về chữ quốc ngữ	115
Cảm xúc về Mùa	125
Cha già Dương	127
Lan man tháng 6	130
Ngày xưa Sao Biển!	134

Nỗi buồn Sao Biển	137
Tu đâu cho thiếp tu cùng!	140
22 Năm chung sống với GX. Hòa yên	146
Ngày ấy đâu rồi	148
“Bom nữ” Dương Nguyệt Ánh	155
Kỳ thi tú tài IBM tại Sài Gòn năm 1974	163
Mùi trường học	176
Kỷ niệm về cây cau	182
Thánh Gia ở Ai Cập	189
Chúa Giêsu sống bên Ai Cập lâu mau?	198
Mông nhưng mà mông nào?	203
Ngôi nhà Đức Mẹ ở trước lúc lên Trời	208
Hồ dzếnh – con thiên nga hót	
trước khi nhắm mắt	214
Mà hình bóng cũ, thiếu trong tôi,	
mỗi khi nghe chiều rơi	224
Tưởng nhớ một người Thầy	243
Ngư trường ai có qua cầu mới hay	246
Cô gái đồng trinh	254
In manus tuas Domine	256
Salve regina	258
Veni, Creator Spiritus	260
Tantum ergo	262
Lời cầu ngu ngơ	264
Của lễ hài nhi	266



Thời gian trôi vù vù. Đến kỳ, đại sứ huynh thủ lĩnh *Tâm Tư Sao Biển* Nguyễn Hữu Hoàng 60 vẫn với câu hỏi thường niên: năm nay có ra *Tâm Tư Sao Biển* 2025 không. Được trả lời: Có người viết, có bài thì có ra. Yếu tố sống còn là tìm đâu ra bột để gột nên hồ. Đến đây mới nhớ đến “một nắm bột trong hũ với một ít dầu trong bình” của một quả phụ mà tiên tri Êlia gặp ở thành Sarephta. Ông đã nói với bà: “Bà đừng lo, cứ đi và làm như bà đã nói. Nhưng, với chút bột ấy trước hết hãy làm cho tôi một cái bánh nhỏ, đem ra đây cho tôi, sau đó hãy làm cho bà và con trai bà. Vì Chúa là Thiên Chúa Israel truyền

rằng: ‘Hũ bột sẽ không cạn và bình dầu sẽ không vơi đi cho đến ngày Chúa cho mưa xuống trên mặt đất’.

Đối để lắm không đủ tiền thì làm bản điện tử. Thế là bắt tay vào làm.

Anh Hoàng 60 phụ được một số bài của anh viết và từ một số anh em gửi như Nguyễn Kim Ngân 59, Nguyễn Thế Hùng 62, Nguyễn Lục Khoa 67, Huỳnh Thế Hy 71, Lê Hồng Bảo 72, Nguyễn Văn Nghệ 74. Đặc biệt năm nay có Trịnh Đình Biên 69, dường như dồn nén bao nhiêu năm gửi bài lia lịa. Mail cứ đến vào lúc giờ rất trễ ở bên Việt Nam. Trong số bài Biên gửi, qua đó có thể biết thêm được thông tin của anh em Sao Biển 69 hải ngoại.

Ngoài ra, để cho đầy đặn cuốn sách, buộc lòng và mạn phép đưa vào những bài sưu tầm được cho là hạp tạng và hữu ích với người đọc.

Năm nay, nhờ công nghệ AI phát triển nên các phần mềm enlarger photo và enhancer photo đã giúp cho bên sản xuất và trình bày vô cùng thuận lợi trong việc tìm kiếm và nâng cấp hình ảnh.

Thời gian trôi vù vù, tin báo hỷ ít hơn tin báo ưu, anh em mỗi ngày mỗi luống tuổi, chẳng mấy ai còn sức để viết lách. Năm nay cũng là năm Kim Khánh Linh mục của các đàn anh Giuse Nguyễn Bình An 58, Phêrô Phạm Ngọc Phi 58, Joachim Đoàn Sĩ Thục 59-58, Giuse Ngô Mạnh Điệp 59, Giuse Đinh Vĩ Đại 60-59, J.B Hoàng Văn Khanh 59, F.X Nguyễn Nhị 59 và Phêrô Mai Tính 59.

Bài tuy khan nhưng tình vẫn tràn đầy. Đăng chỗ lớp 73 một anh em gởi cho hai tờ xanh. Một ẩn danh gởi cho, nói theo thế giới mạng, một chai. Đại diện anh em Sài Gòn và phụ cận có lời cảm ơn nghĩa tình.

Tạ ơn hồng ân Thiên Chúa và Mẹ Sao Biển đã khiến tập sách được ra đời chứa những tâm tình của bọn đàn con của Mẹ.

Hy vọng có thể truyền thừa Tâm Tư Sao Biển cho giòng Sao Biển Con trong những năm sắp tới. Mong Ban Đại diện anh em vùng Sài Gòn và phụ cận phát động việc truyền thừa và bắt đầu quy trình huấn luyện từ sau số 2025 này.

GIÊSU QUA KỶ KHẢO HẠCH THÀNH NIÊN

MARIA VALTORTA, NGUYỄN KIM NGÂN 59 CHUYỂN NGỮ

Dần thờ vào những ngày lễ. Đám đông ra vào bằng các cửa chính của bờ thành, vượt qua các sân, sân trước và hàng hiên, rồi biến vào trong nhà này nhà kia ở các độ cao khác nhau, ở đó khối các kiến trúc được phân bố.

Đây là nhóm gia đình của Đức Giêsu đi vào đồng thời vừa hát nhỏ tiếng các Thánh Vịnh. Tất cả những đàn ông đi phía trước, sau đó đến các phụ nữ. Những người khác đi tiếp theo sau họ, có lẽ đến từ Nadarét, các bạn hữu từ Giêrusalem. Tôi không biết.

Sau khi thờ lạy Đấng Tối Cao, từ nơi – ước gì tôi biết rõ những người đàn ông có thể làm việc đó ở đâu – (các phụ nữ dừng lại ở vị trí thấp hơn), thánh Giuse có con trai đi kèm tự tách riêng. Ngài quay sang một nơi khác và đi vào một phòng rộng lớn có vẻ như là một hội đường (*synagogue*). Tôi không rõ lắm. Cũng có những hội đường trong Đền Thờ phải



Mô hình Thánh Địa Jerusalem mô tả Jerusalem vào cuối thời kỳ Đền Thờ Thứ Hai. Núi Đền và Đền Thờ Herod được thể hiện ở giữa. Nhìn từ phía đông. Hình: Berthold Werner

không? Ngài nói với một người Lêvi, và người này biến mất phía sau một tấm màn kẻ sọc để rồi quay lại với các thầy tư tế luống tuổi. Tôi tin chắc đó là các thầy tư tế. Đó là các thầy chuyên môn am hiểu Luật và có nhiệm vụ khảo sát các tín hữu.

Thánh Giuse giới thiệu Đức Giêsu. Trước tiên cả hai người cúi mình thật sâu trước mười hai vị tiến sĩ đã an toạ một cách đạo mạo trên những chiếc ghế đầu bằng gỗ không cao lắm. “Đây là Con Trai tôi”, ngài nói. Từ ba tuần trăng và mười hai ngày, cậu đã đến tuổi mà Luật cho là tuổi trưởng thành. Nhưng tôi muốn nó thành niên theo các bài dạy của Israel. Tôi cầu xin quý thầy xem xét thể chất của cậu, cậu



Một bức không ảnh chụp The Dome of the Rock, một ngôi đền Hồi giáo nằm ở trung tâm của khu phức hợp đền thờ Al-Aqsa trên Núi Đền ở Thành phố Cổ Jerusalem. Hình: Avram Graicer

chúng tôi đã bước qua tuổi ấu thơ và không còn là vị thành niên nữa. Tôi cầu xin quý thầy xem xét cậu thật độ lượng và công bằng để phán xét điều mà tôi, cha của cậu ấy xác nhận là thực. Tôi đã chuẩn bị cho cậu vào lúc này về phẩm cách của con trai theo Luật mà cậu có thể đón nhận. Cậu thuộc các bài học, các truyền thống, các quyết định, các phong tục từ các cuộn giấy da và túi đựng thơ Torah. Cậu biết đọc các kinh nguyện và các kinh chúc phúc hàng ngày. Vì biết Luật và ba nhánh *Halascia*, *Midrasc* và *Agada*, cậu có thể cư xử với tính cách đàn ông. Vì lý do này, tôi ước ao được giải thoát khỏi trách nhiệm về các

hành động và những tội lỗi của cậu ấy. Từ bây giờ, cậu nên tuân phục các bài học và chịu trách nhiệm về những hình phạt đối với những thiếu sót về việc đó. Xin quý thầy hãy kiểm tra cậu.

“Chúng tôi sẽ làm điều đó. Hãy bước tới, cậu bé. Tên cậu là gì?

“Giêsu, con của Giuse thành Nadarét”

“Người Nadarét... Vậy cậu có biết đọc không?

“Vâng, thưa Rabbi, tôi biết đọc những lời nói được viết ra và những lời chúa đựng trong chính những lời nói”.

“Cậu muốn nói gì?”

“Tôi muốn nói rằng tôi cũng hiểu ý nghĩa của phúng dụ hoặc tín điều được giấu dưới vẻ bề ngoài của nó, giống như viên ngọc trai không ai thấy nhưng tồn tại trong vỏ ốc thô sơ và khép kín”.

“Câu trả lời không chung chung, nhưng rất khôn ngoan. Hiếm khi chúng ta nghe điều đó trên môi của một người trưởng thành và nơi một cậu bé... và người Nadarét phía trên chợ”!

Sự chú ý của mười người đã thức tỉnh. Không mất một phút nào, mắt họ nhìn thẳng vào Cậu Bé tóc hoe xinh đẹp đang nhìn họ. Cậu tự tin, mà không trâng tráo hay sợ sệt.

“Cậu làm vinh dự cho người thầy của cậu, chắc chắn là ông ấy rất thông minh”.

“Sự Khôn ngoan của Chúa ngự trị trong tâm hồn công chính của cậu”.

“Nhưng hãy lắng nghe đây! Hạnh phúc cho ông vì là cha của một Đứa Con Trai như thế”!

Thánh Giuse ở cuối phòng mỉm cười và cúi mình. Người ta trao cho Đức Giêsu ba cuộn giấy da khác nhau và nói: “Cậu hãy đọc cuộn giấy da có dải băng mạ vàng này xem”.

Đức Giêsu mở cuộn giấy da ra và đọc. Đó là Mười Điều Răn. Nhưng sau những từ đầu tiên, một thẩm phán lấy đi cuộn giấy da của cậu và lên tiếng: “Cậu hãy tiếp tục đọc thuộc lòng xem sao”. Đức Giêsu nói một cách tự tin đến nỗi người ta cho là cậu đang đọc. Mỗi lần nêu danh Thiên Chúa, cậu cúi đầu thật sâu.

“Ai đã dạy cho cậu điều đó? Tại sao cậu làm điều đó?”

“Bởi vì danh xưng này là thánh và chúng ta đọc cùng với những dấu chỉ bên trong và bên ngoài vì lòng kính trọng. Trước mặt đức Vua, cho dù chỉ là một ít thời gian, các thần dân cúi đầu, cho dù ông ta chỉ là bụi đất. Trước mặt Vua của các vua, Đấng Tối Cao của Israel, cho dù hiện diện đối với tâm hồn, bất cứ thụ tạo nào cũng đều lệ thuộc vĩnh cửu vào Người và phải cúi đầu”.

“Hoan hô! Hỡi người đàn ông, chúng tôi khuyên ngài hãy để cho Hillel hay Gamaliel dạy dỗ Con Trai ông. Đó là một chàng trai Nadarét... nhưng các câu trả lời của cậu làm chúng ta hy vọng cậu sẽ là một tân tiến sĩ vĩ đại”.

“Con Trai là thành niên. Cậu sẽ làm như cậu

muốn. Phần tôi, nếu ý muốn của cậu là trung thực. Tôi sẽ không phản đối”.

“Cậu Bé, hãy nghe này. Cậu đã nói: ‘Cậu nên nhớ thánh hoá các ngày lễ. Nhưng không chỉ đối với cậu, nhưng còn đối với con trai, con gái, đây tớ trai, đây tớ gái của cậu, cho đến những gia súc thờ nữa, có lời chép rằng không nên làm việc vào ngày Sabbat’. Vậy hãy nói cho tôi biết: Nếu một con gà mái đẻ trứng hay một chiên mẹ đẻ con ngày Sabbat, có được phép dùng kết quả từ cung lòng của nó hay có nên xem nó như là một điều đáng nguyên rủa hay không?”

“Tôi biết nhiều thầy Rabbi – người cuối cùng, Sciammai vẫn còn sống – khẳng định rằng quả trứng được đẻ ra vào ngày Sabbat đã không tôn trọng bài dạy. Nhưng tôi nghĩ rằng con người là khác, con vật là khác hoặc bất cứ ai thực hiện một hành vi động vật về sinh sản cũng vậy. Nếu tôi bắt buộc một con vật thờ làm việc, tôi chịu trách nhiệm vì tội của nó, bởi vì tôi ra sức bắt nó làm việc bằng cách dùng roi đe dọa. Nhưng nếu một con gà mái đẻ trứng đã chín trong bụng trứng hoặc một chiên mẹ đẻ con vào ngày Sabbat, bởi vì đã đến lúc chiên con phải chào đời, hành động này không phải là một tội cho dù đối với bản thân nó, hay trước mặt Thiên Chúa, không phải trứng và chiên con xuất hiện vào ngày Sabbat bị hoen ố vì tội”.

“Tại sao như vậy, nếu như bất cứ công việc được hoàn thành nào trong ngày Sabbat đều là một tội lỗi?”

“Bởi vì việc thụ thai và sinh hạ tương thích với ý

muốn của Chúa và được quy định bởi định luật mà Người đã ban cho bất cứ loài thụ tạo nào. Vì vậy, gà mái chỉ là vâng theo qui luật này, luật dự kiến sau một số giờ tạo thành trứng được trọn vẹn và sẵn sàng cho việc đẻ trứng. Chiên mẹ cũng chỉ làm công việc tuân phục được áp đặt bởi Đấng đã thực hiện mọi thứ. Đấng Sáng Tạo đã quy định hai lần mỗi năm, khi diễn ra nụ cười mùa xuân trên các đồng cỏ đâm bông, và khi những cây cối trụi lá, cái lạnh siết chặt lấy bộ ngực của con người, các con chiên vâng theo bản năng trong giai đoạn khác để cung cấp nào sữa, nào thịt, nào pho mát bổ dưỡng cho những tháng nhọc nhằn nhất vì những mùa gặt hái hoặc những tháng đau buồn nhất vì băng giá. Vì vậy nếu một chiên mẹ sinh hạ một chiên con khi đã đến giờ, chúng ta có thể xem con của nó như là thiêng liêng, thậm chí đối với bàn thờ bởi đó là kết quả của sự tuân phục Đấng Sáng Tạo.”

“Phần tôi, tôi ngừng việc khảo sát. Sự khôn ngoan đáng kinh ngạc của cậu vượt quá sự khôn ngoan của những người trưởng thành”.

“Không. Cậu cũng đã nói cậu có thể hiểu các tín điều, chúng ta nên lắng nghe cậu”.

“Cậu nói trước về một Thánh vịnh, những kinh chúc phúc, những kinh nguyện”.

“Các bài dạy nữa”.

“Vâng. Cậu hãy nói đến các *midrasciot*”.

Đức Giêsu điểm tĩnh phát biểu một chuỗi về

“không làm điều này... không làm điều nọ”... Nếu chúng ta còn phải chịu đựng tất cả những hạn chế, những người hay công kích này, tôi chắc chắn sẽ không có ai được cứu thoát nữa”...



Chúa Giêsu giữa các tiến sĩ. Tranh: Johann von Sandrart (1673-1678)

“Đủ rồi. Hãy mở cuộn giấy da có dải băng xanh”.
Đức Giêsu mở ra và bắt đầu đọc.

“Xa hơn, xa hơn nữa”.

Đức Giêsu vâng lời.

“Đã đủ. Cậu hãy đọc và giải thích, nếu cậu nhận thấy có một tín hiệu”.

“Trong Lời Thánh, sự thiếu sót là điều hiếm hoi. Chính vì chúng ta không biết khám phá nó. Tôi đọc: Quyển thứ Tư, Sách Các Vua, chương XXII, câu 10: “Ký lục Shâphân, tiếp tục nói với vua: Thượng tế

Elcias đã cho tôi một quyển sách. Shaphan đã đọc nó trước mặt đức vua, sau khi nghe những lời của Luật Chúa, ông liền xé áo mình, rồi ông ban bố”...

“Hãy bỏ qua các danh xưng”.

“... mệnh lệnh này: Hãy tham khảo Chúa vì ta, vì dân chúng, vì toàn thể Giuđa, vì điều liên quan đến quyển sách mà chúng ta đã khám phá. Vì thế, cơn thịnh nộ của Thiên Chúa đã bùng cháy chống lại chúng tôi, bởi vì cha ông chúng ta đã không lắng nghe những lời nói từ quyển sách này để tuân theo những quy định”...

“Đủ rồi. Sự kiện đã xảy ra từ nhiều thế kỷ trước chúng ta. Cậu có tìm thấy tín điều nào trong một sự kiện sử biên niên xưa hay không?

“Tôi thấy rằng không nên vạch giới hạn trong một thời gian nào đó điều gì là vĩnh cửu. Thiên Chúa và linh hồn chúng ta là vĩnh cửu, các mối quan hệ giữa Thiên Chúa và linh hồn là vĩnh cửu. Điều đã gây nên những việc trừng phạt, đó cũng chính là điều gây ra chúng ngay lúc này, và những hậu quả của tội lỗi đều giống nhau”.

“Nghĩa là gì vậy”?

“Israel không còn biết đến sự khôn ngoan đến từ Thiên Chúa nữa. Cần phải cầu xin ánh sáng nơi Người, chứ không phải nơi con người đáng thương, không có ánh sáng nếu như không có sự công chính và trung thành đối với Thiên Chúa. Lúc bấy giờ, người ta phạm tội, và Thiên Chúa nổi cơn thịnh nộ trừng phạt”.

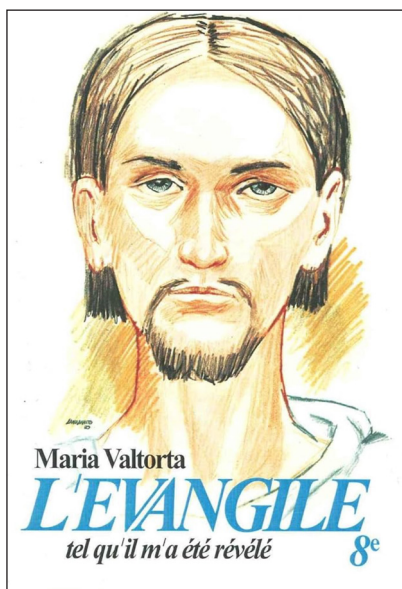
“Chúng ta không có khoa học nữa hay sao? Nhưng cậu sẽ nói gì, cậu bé? Và 613 bài dạy thì sao?”

“Có những bài dạy, nhưng đó chỉ là những lời nói. Chúng ta biết chúng, nhưng chúng ta không đưa chúng ra thực hành. Vì vậy chúng ta không biết đến

chúng: tín điều là như thế này: bất cứ người nào trong bất cứ thời đại nào đều cần phải tham vấn Chúa để biết thánh ý của Người và gắn kết vào đó để không gây ra cơn thịnh nộ của Người”.

“Cậu bé thật hoàn hảo. Thậm chí cạm bẫy từ câu hỏi đánh lừa cũng không gây rối loạn cho câu trả lời của cậu. Ước mong cậu được dẫn vào hội đường đích thực”.

Mọi người bước qua một căn phòng rộng lớn hơn và trang hoàng đẹp đẽ hơn. Ở đây, việc làm đầu tiên là người ta cắt ngắn mái tóc cho Đức Giêsu. Thánh Giuse thu nhặt lại các lọn tóc. Rồi người ta cuộn áo đỏ của cậu với một thắt lưng dài quanh thân bằng



nhiều vòng. Người ta quấn các băng rôn lên trán, cánh tay và áo măng tô của cậu. Người ta cố định chúng bằng những đủ loại ghim băng. Rồi người ta hát các Thánh vịnh và thánh Giuse ca ngợi Thiên Chúa trong một lời nguyện dài và đọc tất cả các kinh chúc phúc trên Con Trai.



Đức Mẹ Maria, cô giáo của Chúa Giêsu.
Tranh Peter Paul Rubens

Nghi lễ kết thúc.

Đức Giêsu bước ra cùng với thánh Giuse. Các ngài trở về nơi mà từ đó các ngài đến. Cuộc đoàn tụ của những người đàn ông trong gia đình. Người ta mua và dâng một con chiên và với lễ vật hiến tế được cắt cổ, người ta trở lại với các phụ nữ.

Đức Maria ôm hôn Đức Giêsu. Mọi người cho là đã nhiều năm ngài đã không nhìn thấy Con trai. Ngài ngắm nhìn con, bây giờ con đã mặc áo và có mái tóc của một người đàn ông. Ngài âu yếm mơn trớn con trai.

Mọi người bước ra bên ngoài. Thế là kết thúc nghi lễ.

Trích từ: L'Évangile tel qu'il m'a été révélé.

60 NĂM CỦA LỚP 65

HOÀNG CHÂU 60

Được biết anh em lớp 65 sẽ tổ chức mừng kỷ niệm 65 tuổi của lớp tại Bà Rịa vào đầu năm 2025; ngày giờ cụ thể sẽ được thông báo sau khi được sự thống nhất của anh em. Lớp 65, mấy năm gần đây bị mất mát nhiều. Sau cái chết của Rev. Lưu Thanh Kỳ và BS. Trần Duy Thực, anh Nguyễn Viết Khai từ Mỹ trở về dưỡng bệnh và mất tại Bình Tuy và anh Nguyễn Dương cũng vì bạo bệnh từ già cỗi đời tại Châu Thủy Bình Tuy cuối năm 2024 vừa qua. Như thế sĩ số của lớp đã giảm đi 4 thành viên trong mấy năm gần đây. Số còn lại ở nước ngoài và không đi lại được nên sẽ không tham dự được. Mặc dù thế, nhưng anh em vẫn tổ chức và quyết định chọn ngày giờ và địa điểm. Anh em đã thống nhất bắt đầu vào ngày 11 tháng 3 năm 2025, kết thúc vào ngày 13 tháng 3 năm 2025. Địa Điểm: Bà Rịa Vũng Tàu. Cụ thể tại khu Retreat của vợ chồng con gái Đậu Thái Hồ 65 buổi chiều và đêm 11 tháng 3. Ngày 12 tháng 3, viếng nhà thờ Mồ



Họp mặt Sao Biển 65. Hình: Lớp 65 cung cấp

Bà Rịa, tham quan đài Kitô Vua và Đức Mẹ Bãi Dâu. Chỉ ở dưới chân núi chứ không thể leo lên tận nơi vì tuổi già, sức yếu, gân cốt không còn như xưa... Đi du ngoạn trên biển và sông bằng tàu du lịch, tối về nghỉ tại TP. Bà Rịa (này là phường Bà Rịa).

Chiếc xe 16 chỗ do con trai anh Phan Văn Triêm, em của Phan Văn Phước 60 lái sẽ khởi hành trở tại Hà Dừa vì phải chờ Kim từ Vạn Giã vô. Trên xe có Phẩm, Triêm, Kim, vào Hộ Diêm đón Trần An Bình, đi thẳng đến giáo xứ Đức Thắng đón Rev. Khẩn và người con

thiên liêng là cô Chi; ghé nhà Nguyễn Trọng Tôn 60 để cùng nhau dùng bữa trưa tại Phan Thiết. Trên đường đến Bà Rịa, sẽ đón Nguyễn Xuân Phượng ở gần nhà thờ Hồi Giáo cách ngã 3 Ông Đồn trên dưới 10 Km về phía Bắc (xin mở dấu ngoặc, lớp có nhã ý mời anh Nguyễn Trọng Tôn 60, Rev. Hoàng Minh Hùng 64, Nguyễn Hữu Hoàng 60, Cao đức Thắng 67, vợ chồng Cao Ngôn Ngũ, cựu Chủng sinh Lê Bảo Tịnh, Ban Mê Thuật cũng là sui gia với Đậu Thái Hồ và nhà thơ Hoàng Công Nga, cựu Lê Bảo Tịnh; nhưng chiều ngày 11 tháng 3, vợ chồng anh sui Cao Ngôn Ngũ, có đám tang ở Phan Thiết và anh Hoàng Công Nga, bận việc gia đình nên xin kiểu không tham dự được. Vợ chồng nhạc sĩ Vinam từ Buôn Mê Thuật đã đến Bà Rịa sáng sớm ngày 11 tháng 3, gia chủ Đậu Thái Hồ chỉ còn chờ Võ Đồng từ Đà Lạt đi xe đồ xuống, có lẽ đầu giờ chiều sẽ đến nơi. Theo dự tính, bản thân sẽ cùng đi xe của vợ chồng Ngũ đến điểm hẹn, nhưng do tang lễ đột xuất, vợ chồng anh ta phải đi Phan Thiết, nên được báo sẽ được tháp tùng cùng với vợ chồng Đậu Thái Hồ, vợ chồng Vinam, Võ Đồng lên Suối Nghệ đón Đậu Hiệu trước khi đến điểm hẹn tại Suối Rau, Châu Đức, Bà Rịa-Vũng Tàu.

Khi được Đậu Thái Hồ báo tin Đồng đã từ Đà Lạt xuống đến nơi và bảo trong vòng mười lăm phút nữa có mặt tại Bà Rịa để cùng đi lên khu retreat. Thế là tắm rửa qua loa rồi lên xe. Thực ra từ nhà đến Bà Rịa chỉ cần năm phút là tới nhưng dù sao chuẩn bị trước

vẫn hơn. Đến nhà HỒ, đã thấy Vinam và Đồng đang ngồi tại bàn ngoài và gia chủ đang gọi xe Grab... Lên xe đến điểm hẹn, ghé nhà Hiệu đón anh ta, nhưng nhà đóng cửa... gọi điện báo cho HỒ và được biết chiếc xe sau chở các phu nhân cùng HỒ đã đón tại ngã ba rồi... Thế là quay xe, nối đuôi xe trước chạy vào Suối Rau. Một trục trặc nữa... HỒ quên lối vào, phải gọi điện hỏi thăm đường... Đến cổng khu retreat, lại phải chờ thêm vài phút nữa vì chưa liên lạc với người bảo vệ... Thấy Hiệu xuống xe hút thuốc và Cao Đức Thắng 67 cũng vừa đến bằng Honda... Cuối cùng Cửa cổng cũng tự động được mở ra, anh em tiến về nhà nghỉ. HỒ lắng xăng chỉ chỗ và giới thiệu View của gia đình con gái... liên hệ với phái đoàn từ Nha Trang vô... Thắng và HỒ lên Honda đi đón anh em... Chiếc xe 16 chỗ đi lạc đường do cô Google Map chỉ lung tung, nhưng cuối cùng rồi cũng đến nơi an toàn... Lăn lượt xuống xe, thấy có Phẩm, Kim, Triêm, hai cha con Rev. Khấn, Bình, Phượng và con trai của Triêm, tài xế lái xe... Mấy bà lên xe điện luôn có sẵn tại khu retreat, các ông mở mỗi xếp rượu bia lên bàn và bắt đầu lai rai...

Thức ăn cho bữa cơm chiều đã đến... Các phu nhân đi du ngoạn bằng xe điện xung quanh khu nghỉ mát đã trở về, không quên mang những quả ổi và trái cây trong vườn. Đã đến giờ ăn và mở màn cho cuộc họp mặt mừng 60 năm của lớp; chỉ có trên dưới mười người cộng với hai khách mời là Nguyễn Hữu Hoàng 60 và Cao Đức Thắng 67. Nguyễn Trọng

Tôn 60, Rev. Hùng 64, hai anh cựu Lê Bảo Tịnh Nga và Ngũ không đến được. Thức ăn rất phong phú và ngon: cà ri dê, dê hấp và mấy món hải sản. Anh em Nha Trang góp gió bằng món nem Ninh Hòa nổi tiếng. Ăn uống chuyện vãn mãi gần đến 20g... Anh em lớp 65 lo chuẩn bị về hai ngôi nhà nghỉ trong khu retreat, sẵn có xe về Bà Rịa, bản thân vì khó ngủ nên xin quá giang về nhà... Đâu Hiệu thấy thế cũng bắt chước, lấy cớ vì ngáy to sợ anh em ngủ không được nên xin đi về nhà luôn, hẹn ngày mai sẽ gặp nhau với anh em trên đường đi Bà Rịa và Vũng Tàu...

10g ngày 12 tháng 3 năm 2025, Hồ gọi điện hỏi xem có đi Vũng Tàu cùng với lớp 65 không. Thấy trời nóng và muốn để anh em riêng tư hơn nên trả lời không đi. Hình như sáng nay có Phạm Văn Phương từ Kê Sặt Biên Hòa Đồng Nai đã đến cùng đồng hành. Đỗ Bắc Du, Gò Vấp bị bệnh không tham dự... Thế là anh em lên đường tham quan Bà Rịa và Vũng Tàu như dự kiến. Nghe nói cuộc hành trình đi tham quan và vui chơi rất thoải mái và vui vẻ

18g30 ngày 12 tháng 3 năm 2025, Ngũ, người anh em Cựu Lê Bảo Tịnh, gọi điện mời dự cơm tối với anh em 65 tại số 09 Lý Ban, TP. Bà Rịa. Lúc 19g, vợ chồng Ngũ đã từ Phan Thiết trở về. Mặc dù đã ăn cơm tối rồi, nhưng vẫn đồng ý và chính Ngũ đã lái xe lên nhà đón xuống. Thế là đi thôi vì cùng thuộc nhóm Bonaventura mà! Đến nhà Ngũ gần 7g tối, anh em ngồi nói chuyện chờ khách. Qua 19g, vẫn chưa

thấy ai đến, bảo gia chủ gọi điện hỏi thăm và được biết giờ mới chuẩn bị đi. Gần 19g30, anh em mới tới. Hai cha con Rev. Khẩn đã đi Sài Gòn tái khám, vợ chồng Vinam cũng đã lên xe đêm để về Ban Mê. Đậu Hiệu, vì sợ phải ngủ đêm xa nhà nên cũng đã rút về nhà ở Suối Nghệ, chỉ còn anh em ở Nha Trang, Phan Rang cộng với Phương Kê Sặt Đồng Nai vừa mới nhập với nhóm sáng nay.

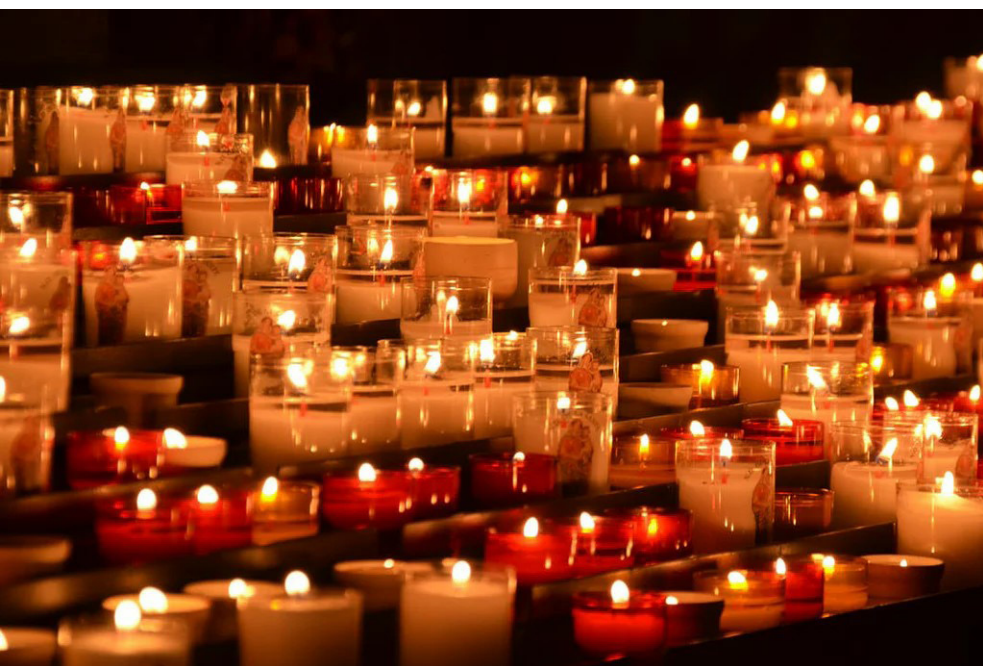
Anh em bắt đầu lai rai với những món ở nhà có sẵn cộng với món lẩu dê Nam Bộ gần nhà Ngũ, vừa thưởng thức món ăn, vừa chuyện vãn, vừa hát karaoke. Mặc dù anh em đã lót dạ bằng món bún riêu để ăn chiều, nhưng mọi người cũng tích cực tiếp nhận sự hiếu khách của gia đình chủ nhà. Được biết, trong ngày hôm nay anh em đã bầu lại tân trưởng lớp 65 vì nhiệm kỳ đã hết. Phan Văn Triêm, Hà Dừa đã được anh em tín nhiệm chọn thay thế anh Trần An Bình. Xin chúc mừng tân trưởng lớp 65...

Cuộc vui nào cũng phải đến lúc tàn: đứa con trai đã xuống để chở về, anh em 65 cũng xin từ giã gia đình sui gia Đậu Thái Hồ để về khách sạn ngủ nghỉ sáng mai về lại chốn cũ... Thế là anh em cùng chia tay nhau... và kết thúc buổi hội ngộ ấm cúng này... Có một điều trùng hợp là những ngày gặp gỡ giữa anh em 65 với nhau trùng vào ngày 11 đến 13 giống như những ngày gặp gỡ của anh em 60, chỉ khác tháng thôi. Anh em 65 gặp gỡ nhau sau anh em 60 đúng hai tháng: 11-13/3/2025 và 11-13/01/2025.

ANH THẤP SINH NHẬT TUỔI MÌNH

NGUYỄN THẾ HÙNG 62

Tạ ơn Chúa
tạ tình em,
Anh còn nguyên vẹn
dù mềm buốt vai.
Riêng em miễn nắng trang đài,
Chọn tình thánh thiện, trâm cài giữ nhau.
Chúa ban độ lượng từ cao,



Con gom nhặt ý ca dao đàn tình.
Thăm vùng ký ức trắng tinh,
Soi gương tưởng niệm khép mình tạ ơn.
Tim anh đang dở ủa mòn,
Chắt chiu em đắp vện tròn bớt vơi.
Tạ tình em
trân quý đời,
Quét rừng phiền muộn, quăng rồi vùi quên.
Tuổi mình tiếc thuở hồn nhiên,
Em canh hoa muộn nở riêng chung cảnh.
Túi yêu
túi nhớ
dặm dành,
Hồn em quảng đại, gót anh hoang đàng.
Cuối năm sinh nhật muộn màng,
Vườn ươm hạnh ngộ vỡ toang nẩy mầm.
Nâng niu cảm xúc riêng thầm,
Lội vùng tâm tưởng, nếm trầm luân quen.

TẠ ƠN CHÚA
TẠ TÌNH EM,
ANH THẮP SINH NHẬT, GÓP THÊM TUỔI
MÌNH.



NHỮNG NGÀY XƯA THÂN ÁI

TRỊNH ĐÌNH BIÊN, SB69

Những ngày đầu thập niên 1980-1990, một số nhỏ anh em cựu Sao Biển lớp 69-70 tự nguyện chọn thung lũng Hoa Vàng (San Jose, California) làm nơi mưu sinh nơi đất khách quê người. Nỗi buồn xa quê hương cộng thêm thân phận người di tản buồn là mẫu số chung, không cần nói nhưng đám bạn bè nỗi khổ ai cũng trân quý và thật mau mắn, muốn tụ họp nhau chung sống!

Thung lũng Hoa Vàng đầy dẫy những công việc “điện tử”: IBM, Apple Computer, Atari (games), Intel Inc., Seagate, etc. nên “đất lành chim đậu”.

Trình Đình Biên SB69: lúc ấy đang làm cho Apple Computer tại San Jose. Mẹ Sao Biển sắp đặt tân Linh mục Gioan Têrêsa Nguyễn Minh Hiền SB69, nhận bài sai về San Jose giúp cộng đoàn Công giáo Việt Nam tại giáo xứ St. Maria Goretti; nghĩa là cần một ca trưởng cho ca đoàn Đồng Tâm mà không ai xứng đáng hơn là Dũng Phú Nhơn SB70 đang sinh

sống ở Santa Rosa, Bắc San Francisco. Được mời và chỉ trong vòng một hai tuần, Dũng đã bỏ lại sau lưng tất cả, em ruột Đức, và hơn thế nữa: rời người tình nhỏ xíu nhỏ xíu, anh thương để theo tiếng Sao Biển San Jose gọi đàn!

Thời gian không lâu sau, khi nhà cháu dọn về khu South San Jose, gần nhà xứ Maria Goretti, nơi Cha Hiền (nay là Đức ông) làm phó xứ và là nơi ca đoàn Đồng Tâm sinh hoạt, để tiện cho việc sinh hoạt ca đoàn, Dũng, Ánh, Tuyển (Sao Biển), Ninh (em họ, Giuse), Các (cùng quê Cha Hiền) về share phòng, Nguyễn Khắc Đoan tu ra lần hai sau 2-3 tháng với lý do khổ vì yêu! một kiểu mini Sao Biển nổi dài, nhưng không tìm được cha bề trên... may quá!

Vì là chủ nhà độc thân khó nết nên nhà cháu được nâng lên hàng Lão Trại Chủ, nghe cũng hay hay, cập nhật với phong trào phim bộ Kim Dung: *Thi kiếm ân cừu lục*, *Phi hồ ngoại truyện*, *Tuyết sơn phi hồ*, *Liên thành quyết*, *Thiên long bát bộ*, *Anh hùng xạ điêu*, *Thần điêu đại hiệp*, *Ỗ thiên đồ long ký*, *Bạch mã khiêu Tây Phong*, *Lộc đỉnh ký*, *Tiểu Ngạo Giang Hồ*, *Hiệp khách hành*, *Bích huyết kiếm*; hay *Sở Lưu Hương*, v.v.

Nhiều ngày cả bọn đi làm trễ vì thức qua đêm luyện chuông! Thăng Ánh cứ nài nỉ thêm cuốn nữa, cuốn nữa... thế là cả đám: thăng thì mê Hoàng Dung, thăng thì Cô Long, đứa Chu Chỉ Nhược... Khi đến đoạn Cô Long định tự vận, vì đau lòng khám phá đêm mặn nồng kia không phải với học trò Dương

Quá, mà là do thầy tăng Triệu Chí Kính dê lừa...
thằng Ánh đứng trước tivi đồng dục phán: “Đừng
dại, đừng dại, Ánh đây, Ánh đây!”

Thời ấy, Lão Trại Chủ, đang theo đuổi bà xã tương
lai, aka. Hoàng Dung, cô em kế Tiểu Long Nữ, cô
kế tiếp Chu Chỉ Nhược, đủ hiểu các cô đẹp cỡ nào!
Mà bà xã tương lai chủ trì việc cho mượn phim tiệm
Hoàng Video của gia đình. Thật khó công cho Lão
Trại Chủ: coi phim được phim mất, chẳng bao nhiêu
(vì cũng đang đi “học đại” thêm buổi chiều, tối, sau
những giờ cày buổi sáng) nhưng vẫn cứ hiên ngang
vui vẻ, hăng say đi mượn và trả phim; lý do chính
đáng để gặp người tình. Hú hồn cho những lần phải
đối diện với bố vợ tương lai, Hoàng Dược Sư mà ánh
mắt soi mói sau đôi kiếng trễ xuống nhìn thằng khờ
Quách Tĩnh cố ý dê con gái Hoàng Dung!

Bóng rổ, bia, bia, và craw fish (giống như tôm
hùm, nhưng nhỏ) do công Cha Hiền đi câu từ
nhưng con lạch nhỏ quanh vùng San Jose vào những
ngày Cha được nghỉ phép (hình như mỗi chiều thứ
Tư...) chiều đi làm về. Nghè nghè bia rồi ôm đàn hát
nghe ngao... *Khi người yêu tôi bệnh, Một cô đi về,
Nổi vòng tay lớn, Tôi yêu, Khóc một giòng sông*, v.v.
và thỉnh thoảng, khi có anh em hoặc các cha ở xa
ghé thăm sắp chia tay thì: “Ngày rời Cali, anh đã để
quên con... chim”, xin lỗi lộn, “con Tim”. Khách như
Khoa Hộ Diêm SB69 bác sĩ nội khoa; Cha Mai Nghi
Luận (†) từ Hawaii, bố tinh thần của Đông SB68;

Cha Bùi Duy Nghiệp từ Pháp với những tâm sự kín về phận “làm dâu” nơi xứ đạo người). Anh em San Jose may mắn được gia đình thầy cô Nguyễn Phúc Hậu gần kề, khuyến khích tinh thần, và lâu lâu đãi món nem nướng, bún riêu... Cha giáo Nguyễn Ngọc Trọng thuộc giáo phận San Francisco láng giềng, lâu lâu gặp lại tại nhà thầy cô Hậu... Cùng với Cha chú Trịnh Thế Hùng, Nguyễn Đức Trọng và Nguyễn Minh Hiền đồng tế trong ngày cưới của Trịnh Đình Biên và Hoàng Thị Thùy Linh ngày (song thập) 10 tháng 10 năm 1987...

Cũng nhờ tình cảnh thuận buồm đó mà cuốn Nội san liên lạc cựu chủng sinh Sao Biển Nha Trang được ra đời. Hồi đó hầu như cả đám độc thân vui tính, đang độ tuổi xuân xanh mới nhớn và chỉ biết yêu thôi chẳng hiểu gì nên văn thơ nhạc tích lũy ứ đọng chờ cơ hội bùng phát.

Hơn nữa ngài Hiền tâm linh mục thích giảng nên xúi làm báo để viết thêm bài giảng đăng vì sân nhà thờ hạn hẹp chưa giảng đã giáo dân thích nghe ngài giảng vì luôn có phụ đề kiểm hiệp thêm những tình tiết phim chương (như Quách Tĩnh, Hoàng Dung, Cô Long, Chu Chỉ Nhược, v.v. và v.v.) vừa luyện xong trong tuần với đám Sao Biển, gọi là thời sự nóng hổi vừa thổi vừa ăn... khách. Cũng nhờ vậy mà lễ Cha Hiền chủ tế lúc nào cũng chật ních mà ngay cả Khiêm SB71 đi trễ xúi phải đứng ngoài. Ngoài bận rộn đi làm hằng ngày, anh em đã hằng

say đóng góp công sức để liên lạc anh em nội (Đỗ Vy Hạ, Cha Phong...), hải ngoại (Cha Đoàn Sĩ Thục khi ấy đó làm đài Veritas ở Phi Luật Tân, Cha Bùi Duy Nghiệp bên Pháp) và các anh em hải ngoại. Ông chủ bút Hoàng Quang Ánh cặm cùi duyệt và gõ bài dùng vi tính Apple Macintosh và máy in LaserWriter, sau khi anh em, kể cả Cha Hiền được ngày nghỉ, cũng phụ sức nối kết, ghép bài, sắp xếp, rồi Dũng đem vào hãng in lén hy vọng Chúa Mẹ không chấp tội lạm của... Cũng may có anh kỹ sư Lê Văn Chương, thạc sĩ Computer Science, bạn đồng nghiệp hãng Apple viết 3, 4 phong Việt Nam gài vào máy Apple Macintosh nên từ số thứ hai anh em đỡ phải đánh dấu tay, cảm ơn kỹ thuật vi tính của Apple... Báo là bán nguyệt san. Tổng cộng được 6 số. Sau khi nhà cháu lập gia đình, anh em sợ phiền xin được ra riêng. Nhà cháu cậy chúc Lão Trại Chủ được phong làm Chủ Nhiệm hời có tiếng không có tài... hay, ha ha ha. Nhà cháu đã gửi hết báo cho anh em theo yêu cầu, được biết người còn giữ được nguyên bộ là Bùi Đình Thạch SB69, em anh Bùi Minh Sơn SB64, Gia Nã Đại. iPhone hiện giờ có chức năng scan báo thành phiên bản pdf files mà Thạch vì vừa hưu (đang bận du lịch khắp nơi bù cho chuỗi ngày lênh đênh sóng biển và lao động lau bến...)

*

Nguyễn Thành Tâm (Dzồi) SB 69: ngày chân ướt chân ráo tới Mỹ, gặp nhau tại New Orleans, tiểu bang

Louisiana 1989/ 1990, lúc đó Tâm đang làm cho dàn khoan dầu Alaska về nghỉ 6 tháng! Dàn dầu ngoài khơi lạnh, lâu nên chỉ bơ sữa mà nuốt nên khỏe, đô con, da dẻ hồng hào. Tâm sở hữu một xe van có giường (không biết để làm gì với bạn/traai hay gái? Vài lần được mời đi xuyên bang như Houston, Ohio thăm anh Thức, North Virginia, etc. mới Việt Nam qua, thú quá! Hình như Tâm cũng chở đi thi bằng lái xe ở New Orleans thì phải. Sau này khi bỏ dàn khoan tìm vợ, nghe kể lưu lạc tận Minnesota, ở đây làm hàng bỏ chợ, còn làm đậu hủ đường bán các chợ Việt Nam, đêm đêm. Còn phục vụ bà xã hết mình. Bây giờ thì đang ở Nam Florida, làm chả cá bỏ mối các chợ tận đến New Orleans, Louisiana thường vào cuối tuần lái xe nguyên đêm để sáng về kịp chở vợ đi làm nghề neo (nails), có nhà lớn đẹp. Đúng là thằng học giỏi gương chiếu vợ, vang danh Sao Biển gương thương Mẹ Maria...

*

Nguyễn Văn Khoa (Hộ Diêm) SB69: sau khi có thạc sĩ Mechanical, đi làm nhưng thấy chán, có lẽ sợ người em yêu chê chưa xứng nên quyết chí học bác sĩ nội khoa, sau này nghe nói bà xã cũng là bác sĩ nhi khoa chăm cho đàn con tương lai; dù thuở hàn sinh đã hăng say đóng góp cho quỹ Sao Biển. Có lần ghé thăm trại Sao Biển nhưng sợ ham vui quên học nên đành giấu mất ướm chia tay.

Lâu nay cố liên lạc lại nhưng không thành công. Nhớ bạn!

*

Trần Ngọc Khánh SB69: khi nghe tin Khánh vượt biên đến trại Phi Luật Tân thì phải, nhà cháu đã ngỏ ý bảo lãnh đi Hoa Kỳ cầu may, nhưng bị từ chối vì khả năng tài chánh còn ít (mới đi làm), hơn nữa đang là diện thường trú nhân chưa là công dân Mỹ. Sau đó nước Thụy Sĩ rộng tay đón mời, ý Mẹ Sao Biển cho chàng nghệ sĩ, nhạc sĩ lang thang tài hoa đi giúp xứ lạ, bây giờ thì có nguyên mấy ca đoàn? Vui lây!

*

Trần Đình Vĩnh SB69: ở xứ Kan gờ ru xa xôi nửa vòng trái đất mà mỗi kỳ họp Sao Biển hằng năm ở San Jose cũng không ngại điện thoại viễn liên thăm hỏi và đồng chia vui, tâm hồn Sao Biển mặn mà. Khi chia sẻ tình duyên mới, nhà cháu phải công nhận là một chuyện tình thú vị nhưng không can đảm nổi gót: “Chuyện thành duyên của tao là sau lần hò hẹn trong lùm cây hay bụi chuối gì đó một ngày nắng sớm có chim hót reo vui, sau giờ lễ sáng, bây giờ là bà xã”, thật khâm phục người bạn Sao Biển”.

*

Đỗ Tiến Dũng (Bà Đỏ) SB69: Chưa có dịp gặp dù đang định cư tại Hoa Kỳ. Vẫn âm thầm lặng lẽ như ngày xưa ở Sao Biển. Có lẽ đang gảy bass đơn côi và hằng say lao động vinh quang như lời bác Hồ dạy chẳng...

*

Nguyễn Trung Nhân SB68-69: du học từ lớp 68.

Hình như năm đầu tiên Hội ngộ Sao Biển tháng 9 năm 1989, có ghé tham dự, sau đó ít thấy liên lạc. Mừng đã gặp lại sau bao năm xa cách.

*

Lê Thành Nhân SB69: định cư xứ Kan gờ ru, rất tiếc đã không gặp được kỳ ghé San Jose khoảng 201x? Lúc ấy đang ở Florida, Cha có liên lạc khi ghé Tampa hay Orlando, nhưng nhà cháu không có may mắn gặp lại. Xin lỗi Cha. Lâu lâu tình cờ thấy Ngài trên lễ trực tuyến Viet Catholic Úc Châu, thấy to khỏe và trán cao thông minh hơn...

*

Nguyễn Văn Dũng (Phú Nhơn) SB 70: ở Sao Biển, Dũng cao, gầy; giò gặp lại cao ráo, phương phi, đẹp “giai” với nụ cười hiền “chết gái.” Bởi thế, đám Sao Biển “nhà quê” còn lại như nhà cháu phải ghen tằm. Bầy nữ ca viên lúc nào cũng “anh Dzũng, anh Dzũng” riu rít. Một nỗi buồn thầm kín, nhưng mừng cho thằng bạn trời thương! Có hôm, Nguyệt Lan, cô ca viên xinh đẹp người Hồ Nai: “Mời anh Dzũng có ăn giò (thủ),” Ánh liền phán một câu đờ đạn cho bạn: “Giò Nguyệt Lan dai vậy, ai dám ăn... Cả hai đỏ mặt tình ý? Lại nữa, thấy cô Hậu ngày ngất khen nên về sau bắt rể cho bà xã bây giờ là Mai! Nhà cháu đâu có nói sai!

*

Hoàng Quang Ánh SB70 và em ruột Sáng SB71, cũng dọn lên từ Garden Grove, nam California, bỏ

lại sau lưng cơ hội làm “tài tử Hollywood” đóng vai Mr. Sunshine! Cứ nhìn cái trán “ruồi trọt” của hần là đủ hiểu! Gặp nhau thời gian trước đó ở trại tị nạn Manila, Phi Luật Tân, hần nhanh chóng được anh chị bên Cali bảo lãnh. Tồi lại mất bạn tại trại Phi Luật Tân, ở lại đi sau, buồn!

Miêng Ánh thì không ai địch nổi, chẳng hạn tên đường nhà “Hoàng Dung” là Burdick Way, âm như “Bợ Đít”, mỗi lần nhà cháu len lén đi hẹn Hoàng Dung, nó la oàng lên: “tụi mày coi thằng Biên đi ‘Bợ Đít’ kìa!” Nhà cháu quỳnh đành nhỏ nhẹ đáp bừa: “Ít ra tao cùng có “đít để bợ,” mày thì sao?” Tính hần như vậy mà khi đối diện với tình đầu, hần lại nhát như thỏ đế. Chuyện là trong các nữ ca viên, có một bé xinh xinh, răng khểnh, Ánh thích lắm ngất nổi em mới 16, vị thành niên, hần run đến nổi cà lăm... Anh yêu... yêu... yêu! Thế có hổ danh dân Sao Biển không chứ! Ánh cũng làm bài thơ giải bày nỗi buồn thầm kín mang những chữ đầu tên của nàng. Để lúc nào nhà cháu xin phép hiển thê của hần trước, kể tình tiết hơn, kéo nguy cho hần thì nhà cháu vui lắm!

*

Phạm Văn Hòa SB70 (San Diego) cũng dọn về gần, học bác sĩ tại Standford không nhớ rõ? Khoa chuyên ngành chích thuốc mê. Bà xã cháu nhắc khéo là khi đi sanh, nhớ đừng mời bác sĩ Hoà: “Em sợ, em sợ, ổng hay ‘chích’ lộn!” Xin báo động trước cho anh em nào có cháu “gái” khi phải vào phòng mổ. Cũng lạ, học bác

sĩ bù lu mà lúc nào cũng ngâm nga: “Mây! Sao còn bay mãi không quay về đây!” Thì ra sau này mới hiểu là đang thăm “dê” Vân kín như mèo ấy. I got you!

*

Nguyễn Thanh Trúc SB70: Ánh SB70 gọi Trúc là thượng tọa Thích Đủ Thứ! Khi Trúc SB70 con Thầy Tiên, cũng là con tinh thần của thầy cô Hậu vừa sang định cư tại San Jose. Thời gian tạm trú nhà thầy, có lần sau một đêm thao thức luyện “chưởng” với anh em Sao Biển, về đến nhà đúng lúc cô dậy sửa soạn đi làm ca sáng, thấy Trúc mở cửa vào, cô bèn hỏi yêu: “Sao về khuya vậy con?” Trúc lý giải: “Con về sớm, mới 5 giờ sáng mà cô”! Cô hết ý với sự có lý!

*

Phạm Trị SB70 (Chicago) cũng dọn cả gia đình về San Jose vì không cưỡng nổi sự tuyên truyền “tình Sao Biển thất thiệt” của Dũng, Ánh. Lớp SB70 gọi hần là robot. Hần chỉ ham vui, nên gặp cô tên Vui, chẳng cần suy nghĩ viễn vông, liền tay cưới, gia đình hạnh phúc. Thành Trị ham Vui, San Jose!

*

Nguyễn Minh Tuấn (Ba Làng) SB70: trước ở Indiana, có vợ đầm (vì hải ngoại không tìm thấy kẻ ngọt), đem về Ba Làng ra mắt dâu, bắt nàng mặc áo dài quê hương đi lễ. Bây giờ phụ quản lý Phở Điện gần phi trường Houston International. Nếu có dịp ghé hoặc chờ chuyến bay lâu, ghé ăn phở, nếu bị đòi tiền, nhà cháu không chịu trách nhiệm, chỉ quảng cáo giùm.

*

Huỳnh Xuân Ánh SB70, làm phù rể hụt của nhà cháu vì bận việc đến trễ. May nhà có Các làm sơ cua cùng với Sáng Con. Mọi sự Mẹ Sao Biển xếp đặt! Lâu lắm có lần gửi email thăm hỏi.

*

Lê Đăng Ngôn SB70: nhớ ơn nhạc sĩ, nhạc trưởng Ngôn và Phương Nam, dù khó khăn đã cố gắng gửi hoa thuốc Trinh Nữ Hoàng Cung trị bệnh cho bà xã ngay khi còn ở Việt Nam. Bây giờ thì không biết chính xác đang ở tiểu bang nào, nhưng cũng đã liên lạc mấy lần trước. Thân thương lắm!

*

Vũ Văn Tường SB70: gặp lại nhau ở Colorado Springs, Colorado, USA khoảng năm 1994/95, nhà cháu đi công tác cho Apple 2 năm ở bên ấy từ San Jose, lúc này các anh em Sao Biển đã ra riêng; Tường Đền đi công tác cho “hãng chế vũ khí cho chính phủ Mỹ”, Tường cho mượn video karaoke Việt Nam cùng hát cuối tuần. Hỏi mày có tính về thăm quê hương? Cao giọng anh hùng: “Tớ ghét, tớ đang chế vũ khí siêu đẳng bom nát bọn đó.” Oai thật!

*

Trịnh Đình Tuyến SB71: em Biên được chiếu cố làm thủ quỹ cho nhóm Nội san liên lạc cựu Sao Biển Nha Trang.

*

Hoàng Quang Sáng Con SB71: em Ánh siêng vô

kể; hẳn đối tượng nâng cấp cho bà xã nhà cháu từ Hoàng Dung lên Hoàng Hậu, mà cái chức “Lão Trại Chủ” của nhà cháu thì bất diệt! Lại buồn!

*

Nguyễn Khắc Đoan SB71, xong thạc sĩ Mechanical, dùng chân một thời gian, theo Chu Chỉ Nhược, không thành, hận tình đi học bác sĩ mổ xương! Có lần ghé thăm, tưởng là đã luyện xong tuyệt đỉnh Y Thiên kiếm, ngờ đâu hẳn lại cứ lập đi lập lại câu: “Ngộ ái Nị, Ngộ ái Nị!” với cô vợ người gốc Kim Dung chính gốc! Lâu lâu gặp lại hỏi kiếm thuật tới đâu rồi, hẳn phăng: Y Thiên kiếm là chuyện nhỏ, dao mổ của em bé con con, chỉ cần xẹt nhẹ là tới xương! Anh em lớp 71 dùng chọc giận hẳn.

*

Nguyễn Quang Thi SB71 (†): có nụ cười hiền hòa, dễ mến, lâu lâu ghé thăm anh em cho đỡ nhớ, có lẽ sợ đám đàn anh Sao Biển ép tửu lượng nên âm thầm xa cách và nay đã vội xa.

*

Hồ Đức Khiêm SB71: Đẹp trai, tướng cao khỏe, có công việc khá, ghé thăm đi lễ, vài lần đứng ngoài cửa hông cận ca đoàn Đồng Tâm chiêm ngắm nữ ca sinh, không hiểu thâm ý thế nào rồi cũng âm thầm, có lẽ hy sinh cho đám đàn anh kém ngoại hình hơn mình sẽ ế nếu hẳn gia nhập ca đoàn chẳng? Có tình nay vào ban tổ chức hội ngộ 2025, bravo!

*

Ngoài nhóm Sao Biển San Jose, còn có đám cựu Dòng Giuse Nha Trang: Thao cà lăm, Dụng & Hương: đã gao ban đêm vì ngày bận làm tình (nguyên văn), Ninh nổ; Lợi cây sậy cựu Lâm Bích, tay đàn piano; đám bạn bè thân quen, thân hữu, như làm chung hăng xướng: Luật bá láp, Lịch treo tường, Nghi nẫu, Các chuyên hát cải lương giọng Bắc kỳ, Minh bác Hồ, Sủ, Lâm Billy, và v.v.

*

Chuyện kể 1: Không biết Hoàng Quang Ánh nó kể cho Dũng sao mà câu chuyện nhà cháu vậy: “Bên trại trị nạn Phi Luật Tân, trời nóng bức, xếp hàng dài lãnh cơm phần, có đám phá hàng, Biên khó chịu nháy ra quát: ‘Đứa nào phá hàng ông quánh bỏ mẹ!’ Oan cho nhà cháu không!”

*

Chuyện kể 2: Lịch treo tường khoe là bạn thân với Cha Hiền nên ngài du di cho việc đền tội nhẹ. Ngày kia không biết tội nhiều bao nhiêu mà sau khi xưng xong ra mặt buồn ưu tư, hỏi ra là đền tội một chuỗi... Xạo đi, nhưng sao thấy cậu vui và đọc nhanh vậy? Dễ mà, đọc một kinh Lạy Cha rồi như trên 5 lần, Kính Mừng như trên 50 lần, Sáng Danh như trên 5 lần, chỉ 2 phút. Cha Hiền vỗ quýt dày, móng tay tó nhọn hơn. Các cậu học bài giỏi? Ánh mà cũng phải chào thua! Cha Hiền hết ý!

*

Lúc Dũng ngà ngà, nhớ tình cũ, hát bài tự sáng

tác: “Em như con thuyền không dây buộc...” Mà cũng là lạ, trong bài *Nguyệt Ca* của Trịnh Công Sơn lại có câu hát khác khác lạ: “Từ khi Lan là Nguyệt, tôi nghe... nàng vỗ về tôi”, Nguyệt Lan? Thắc mắc! “Và con tim đã vui trở lại,” tình cũ cũng quên... thương sự hy sinh của hần mà tình đầu (hay thứ mấy?) đã dở dang vì tình thân phục vụ và tiếng Sao Biển gọi đàn! Buồn lây!

*

Tình Sao Biển là thế đấy, nó thum thum như mùi mấm tôm, chùi hoài không đi! Nhớ!



TRỊNH ĐÌNH BIÊN SB69

Mai Ngọc An: tay hài nhiều chuyện lạ

Nguyễn Kim Anh: chuyện nói, khúc loanh quanh

Nguyễn Văn Bền: dài tình bạn, đấu tranh,

Trịnh Đình Biên: ích kỷ và láu cá

“Queo” bóng rổ, chúng “Ngựa” sân bóng đá

Đào Xuân Chinh: Cô Long, Trương Vô Kỵ ...

Chuyện kiếm hiệp giải trí sau giờ ăn

Nguyễn Tiến Dân: Ngầm nghịch thích chơi rong

Nguyễn Khánh Du: Giỏi không thua thầy Thống

Đỗ Tiến Dũng (Bà Đỏ): Trắng nhưng sao thành Đỏ?

Tay Bass thâm, của những khúc trầm ca.

Nguyễn Hùng Dũng (Suzuki): Tay chiêng trống phong ba!

Ga rướm nở, Suzuki, bão táp!

Đặng Ngọc Duyệt (Ba Tàu): “Ái Liên” Ngộ ái Nị

Vào Sân banh lòng lấy Tấn Trung phong

Nguyễn Công Đắc: Bà già vua thận trọng

Chúa gọi mời quyết tâm tu đắc đạo

Trần Văn Điện: lột vỏ dừa vô địch

Thì bây giờ gột bỏ tội Giáo dân...

Nguyễn Văn Điển: lý luận thấy phân vân

Trần Văn Diệp: ngấm ngấm vui nào thấy

Nguyễn Văn Đồng (Cò): giò cao như cao thượng

Phạm Công Đức (Cống): với giọng hát vi vu

Phạm Đức Hà: một sông ngăn đời tu

Nguyễn Thanh Hải: Pingpong bàn gió chạy

Võ Hạnh: tài phó nhòm khép nép

Nguyễn Minh Hiền (Hầu): giỏi thánh thiện
hiền khô

Lê Thành Hóa: âm thầm nhưng giỏi võ

Lê Phúc Hoàng: niềm con gái ước mơ

Nguyễn Văn Huệ (Hy nốt): Hoàng Dung vợ Quách
Tĩnh...

Chuyện kiếm hiệp giải trí mỗi hàng thông

Phan Xuân Hùng (Chàm): Vườn dừa ghét vô song

Trần Văn Hữu: anh chàng nghịch long đong

Lê Bá Khanh: thích tập tạ ngực nở

Trần Ngọc Khánh: nhạc sĩ yêu cuồng vội

Để bao hồn kiều nữ sốt tương tư

Nguyễn Quốc Khánh: quấy nghịch bất suy tư

Vũ Đình Khiêm: Họa sĩ tài hoa quá

Nguyễn Kim Khiết: chích choè thân thương lạ

Nguyễn Văn Khoa: cười khúc khích hoa mai

Lúm đồng tiền tim nhân ái...Thiện tai!
Tao nghĩ quần: “Phải chi mình... con gái”
Nguyễn Ngọc Lan: Thủ môn thật xuất sắc,
“Rạng Duyên Anh” cũng chỉ đáng hạng hai
Trần Quang Láng: nhà lý giải khó phai
Giờ Chúa gọi giảng nhà thờ, hết xảy
Nguyễn Phi Long: cà... lắm duyên phận
Nguyễn Ngọc Long: chàng võ sĩ tương lai
Vovinam: Sao Biển chẳng thua ai
Nguyễn Công Nam: nghiêm trang và cần mẫn
Và Chúa đã nhắc lên hàng tế phẩm
Nguyễn Khắc Ngân: hiền khô và dễ mến
Lê Thành Nhân: hiền ông ẹo có duyên
Chúa đề mê! hàng khanh tướng khắc tên
Nguyễn Trung Nhân: với anh em vốn vã
Trịnh Trọng Nhân: quậy không còn cách tả
Lại Hữu Phan: gì cũng giỏi thông minh
Nguyễn Đình Phúc: nhà lý sự thân thương
Cũng được Chúa gọi lên hàng khanh tướng
Phạm Vĩnh Phước: không nhớ nhiều về bạn
Phùng Đức Quang: đàn gảy Rock and Roll
Võ Đức Sinh: cao vời vợi hy sinh
Cho bạn hữu và trường yêu Sao Biển
Nguyễn Văn Tài: ít khoe và kín đáo
Nguyễn Thành Tâm: “Dzôi” biến thể rồi đây
Ruột heo chó “dzôi” kết lại một dây
Thêm đậu hủ từ máy giặt sáng chế
Hồ Tuấn: cũng nghịch ngợm không kém

Bùi Thanh Tuấn (Petite): nhỏ mà trí nhớ không quên
Thuộc lòng bài dù chỉ lướt một đêm

Ghen ghen lắm! lén thắp đèn khuya học

Lê Thanh Tùng: nhà Bác học tầm cỡ

Có một lần thử trái lạ quay tai (đạo ở Hòn
Chồng)

Bùi Đình Thạch (Captain): đòi thủy thủ tương lai

Cùng Thủ Quân “lùng danh” đội 69

Trần Văn Thanh (Tonneau): mập “thanh
thanh” tính (easy going!)

Nguyễn Công Thành: cũng chẳng nhớ được mô

Nguyễn Văn Thế (Bà Râu): hiền to hay mắc cỡ

Ngô Đình Thu: trầm lặng những thu ca

Nguyễn Trảng: “Loan mắt Nhung” biên biếc
Viết văn hay nhưng thời vận không may

Trần Văn Trọng: trán không dầu nắng say

Trần Đình Vinh: lìm nghiêm “cuộc tình
mây” (ai thắc mắc hỏi Vinh ở xứ Kan gờ ru)

Nguyễn Đạo Vui: thì đạo mạo cụ cha

Nguyễn Quốc Thành: không nhớ rõ thú tha

Huỳnh Lộc: Trí hèn quên, tạ tội

Viết đến đây, nhà cháu mệt, xin kết

GIẤU NHÂN GIAN CHUYỆN CHÚNG MÌNH TRỘM YÊU

NGUYỄN THẾ HÙNG 62

Trong ngần ứa giọt từ tâm,
Lay hồn cỏ biếc vụng thâm buốt môi.
Giữa hoang vu chột bao lời,
Trong xa cách chột
đầy vơi ân tình.
Chiều nay xao xác đôi sim,
Trăm lời em gọi
từ nghìn trùng yêu.
Xót hồn đá cội ẩm rêu,
Lẳng ôm vai gió
liều xiêu ngất trời.
Nồng nàn ai gấn vết môi,
Sao không mắc võng quanh đôi ru nhau.
Ru nhau... kể chuyện trâu cau,
Ru nhau níu mộng
rót sâu hoang đêm.
Hoang đêm cuộn gối chần mềm,
Cho lay lắt gió
muộn phiền lặng im.



Anh về khóa kín con tim,
Giấu nhân gian chuyện chúng mình trộm yêu.
Nhắc nhau thảng sáu trăm điều,
Quần quanh bếp ngội chuyện yêu muộn màng.
Đại khờ vuốt lệch cung đàn,
Phải chờ trăm kiếp
ăn năn đền bù.

TÂY DU KÝ SỰ CỦA LỚP 60

HOÀNG CHÂU 60

Để mở đầu năm 2025 và để mừng 65 năm của lớp, nhân dịp anh Nguyễn Duy Trinh từ Michigan Mỹ quốc về Việt nam, anh em lớp 60 cụm phía Nam làm một cuộc hành trình về phía Tây Nam của Tổ Quốc, trước là thăm anh Phạm Ngọc Đường 60, nickname là Đường Cô Lan, đang ở Bạc Liêu, đồng thời kính viếng mộ Cha F. X. Trương Bửu Diệp ở Tắc Sậy luôn... Anh em đã liên lạc với anh em ở Nha Trang qua Rev. Cần và anh Nguyễn Hoàng Thơm để mời anh em cùng tham dự, có xe đưa đón anh em từ Nha Trang vào Phan Thiết do anh Trinh sắp xếp nhờ con đỡ đầu phụ giúp; nhưng vì tuổi già sức yếu, bệnh tật nên anh em xin từ chối không tham dự... Thế là chỉ anh em cụm phía Nam hưởng ứng...

Khởi hành lúc 4g30 tại Thanh Hải Phan Thiết ngày 11 tháng 01 năm 2025, chiếc xe 16 chỗ đón Rev. Lùng tại Tòa giám mục Phan Thiết, lên cao tốc trực chỉ Biên Hòa Đồng Nai. Trên xe gồm có: Rev Nguyễn





Văn Lùng, phó giám đốc Chủng viện Nicolas Phan Thiết, Nguyễn Đình Tộ, từ Bình Tuy ra Phan Thiết chiều hôm trước, Nguyễn Trọng Tôn, Nguyễn Duy Trinh từ Mỹ vừa mới về Việt Nam. Nguyễn Đình Khanh, lấy lý do bị bệnh không tham dự. Xe đến nhà Trần Ngọc Châu tại phường Hòa Bình, Biên Hòa, Đồng Nai lúc 7g30 sáng 11/01/2025 để đón gia chủ và Nguyễn Hữu Hoàng từ Bà Rịa đến từ chiều hôm trước. Để cho cái bụng được chắc ăn, anh em dùng điểm tâm nhẹ với món hủ tiếu Nam Vang tại quán gần nhà anh Châu.

Đúng 8g, xe tiếp tục lăn bánh vào nội thành Sài Gòn, qua đại lộ Đông Tây để tiến về Miền Tây...



Phan văn Phước 60, từ Canada về ghé nhà Nguyễn trọng Tôn Phan Thiết. Hình: Lốp 60 cung cấp

Xe dừng tại ngã ba Trung Lương để tài xế nghỉ ngơi và anh em vệ sinh trước khi lên cao tốc tiếp tục cuộc hành trình... Lên xe, nhờ việc kể lại kỷ niệm thời học sinh nên cả tài lẫn anh em quên đi đoạn đường xa. Xe dừng lại ngay ngã 7 Hậu Giang để anh em dùng bữa trưa. Thức ăn ngon, rẻ cộng với sự hiếu khách của người dân Miền Tây giúp cho những người khách thập phương no thỏa tâm hồn lẫn cái bao tử đang đói vì đã quá giờ Ngọ. Lại lên đường, lại tiếp tục những câu chuyện còn dở dang, xe quá cảnh Cần Thơ tiến về thành phố Bạc Liêu. Đến 16g cùng ngày, anh em đã đến Bạc Liêu và hỏi thăm 207/3 hẻm 2 Trần Phú để tìm Phạm Ngọc Đường. Cũng may, mặc dù con gái út của anh ta không còn bán hủ tiếu chay tại nhà, anh em đã tìm ra nhà anh ta rất dễ dàng nhờ anh bảo vệ đang làm việc tại đầu hẻm. Đường Cô Lan bị nhồi máu, đã đặt một stent, sống một mình vì con gái út từ khi hết bán hủ tiếu, đã xin vào làm việc trong một công ty cách xa nhà. Cơm nước do con gái đầu tên Trang sống gần đó phụ trách, tối đến cháu ngoại, con trai của Trang đến ngủ với ông ngoại. Anh em chuyện vãn, gia chủ gọi điện cho mấy đứa con gái đến chào mấy bác cùng lớp. Đường có cô con gái tên Nhung làm việc tại Sở Tài nguyên - Môi trường tỉnh Bạc Liêu, rất năng nổ và hiếu khách. Thấy các bạn cùng lớp của bố đến thăm, các cô rất mừng và sẵn sàng lo cho các chú các bác nơi ăn chốn ở thật chu đáo. Anh em mời

Đường đi ăn chút gì ở ngoài cùng anh em và tâm sự với nhau. Lúc đầu anh ta tỏ vẻ ngại vì sợ phiền anh em, nhưng sau khi các cô con gái đến động viên và lo phần chuyên chở, cuối cùng anh ta đồng ý ra một nhà hàng gần đó để dùng bữa với anh em. Dĩ nhiên có hai cô con gái và đứa cháu ngoại cùng đi. Đường ăn không được bao nhiêu. Nhưng con gái Đường gọi thức ăn hơi nhiều, anh em vì mới ăn trưa lúc 1g nên vẫn chưa thấy đói, không dùng hết, phải xin bọc gói mang về. Đến khi tính tiền, Duy Trinh đòi tính tiền, nhưng con gái Đường không chịu và đã thanh toán tất cả rồi. Và chính cô Nhung này cũng đã hướng dẫn anh em vào nhà nghỉ của Bộ Công an. Cô ta là cán bộ nhà nước nên quen thân nhiều người nhiều nơi!

Một ngày dài mệt mỏi vì đường xa phải di chuyển, anh em chia phòng nghỉ ngơi qua đêm để ngày mai Chúa nhật đi Tắc Sậy, kính viếng mộ Cha F. X. Trương Bửu Diệp và tham dự Thánh lễ ngày Chủ nhật luôn. Mấy cô con gái anh Đường từ già anh em để về lo cho gia đình, hẹn sáng ngày mai điểm tâm tại quán hủ tiếu mà một người con gái khác của anh Đường đang kinh doanh tại chợ cũ gần đó. Phải nói, mặc dù anh Đường mồ côi vợ (Năm 2008, hai vợ chồng đều có đi hội ngộ mừng 50 năm tại Nha Trang, nhưng sau đó chị bị bệnh mất. Vì mất liên lạc và đường xá xa xôi, anh em không biết) nhưng anh được mấy cô con gái rất hiếu thảo, luôn yêu thương

và chăm sóc cha rất chu đáo nên anh cảm thấy được an ủi nhiều... Xin mở ngoặc, anh Đường có 5 người con: 4 gái 1 trai. Tất cả đều đã lập gia thất ngoại trừ người con gái út đang làm cho một nhà máy nào đó vẫn còn độc thân.

Ăn sáng xong anh em về nhà nghỉ, tạm biệt Đường và mấy cô con gái con của anh. Xin cảm ơn gia đình, đặc biệt 3 cô con gái của anh đã tiếp đón nhiệt tình, lo lắng chu đáo để anh em có nơi ăn chốn ngủ thoải mái trong chuyến tây du này... Chiều hôm qua, anh em đăng ký nghỉ hai đêm tại Bạc Liêu, nhưng sáng nay, sau khi bàn bạc lại thấy không tiện vì trên đường từ Tắc Sậy trở về, đường xa xôi sợ ghé Sài Gòn thăm Simon Cường muộn quá, nên anh em quyết định hủy việc nghỉ thêm một đêm tại Bạc Liêu để về Cần Thơ nghỉ, ghé tham quan bến Ninh Kiều và để rút ngắn đoạn đường về Sài Gòn hơn. Cũng may cô nhân viên nhà nghỉ tại Bạc Liêu sẵn sàng thông cảm cho mấy ông già dễ dàng chấp nhận không đưa ra khó khăn nào.

Anh em tiếp tục lên xe đi đến nhà thờ Tắc Sậy. 9g30 ngày 12/01/2025, anh em đến nhà thờ Tắc Sậy: còn dư 30 phút mới đến giờ lễ. Hỏi nhỏ Rev Lùng có cần dâng thánh lễ không để bản thân vào liên lạc xin cha sở đồng tế. Cha Lùng trả lời không cần thiết và cùng anh em tham dự thánh lễ. Anh em phân tán đi viếng mộ và những di tích trong khuôn viên nhà xứ, chụp ảnh lưu niệm trước khi vào thánh đường dự

lễ cùng thiếu nhi, cộng đoàn và khách tham quan. Phải nói thánh lễ thật sinh động, các em tích cực trả lời những câu hỏi cha giảng lễ đặt ra và trả lời rất đúng, thật khác với những thánh lễ cho thiếu nhi khác tại những giáo xứ mà bản thân đã có dịp tham dự. Chính anh em cũng đồng tình khi lên xe đi thẳng xuống Cà Mau. Vì cách đó không xa lắm. Thế là anh em cũng đặt chân đến Cà Mau, uống cà phê nghỉ ngơi đôi chút.

Bắt đầu lên xe về Cần Thơ. Đi ngang qua lại Bạc Liêu, anh em muốn gặp Nguyễn Trung Cả 63. Hỏi thăm ngay tại phòng trọ ngày xưa gia đình anh ta cư trú. Sau khi hỏi thăm nhiều người, được một cô cho biết có biết anh ta nhưng không thấy anh ta trọ ở đây nữa và giới thiệu cho ông thôn trưởng tại đó. Ông ta trả lời qua điện thoại cho biết anh ta đã mất. Thế là lên xe tiếp tục đi về Cần Thơ không quên cầu cho linh hồn anh ta một kinh Lạy Cha. Nguyễn Trọng Tôn liên hệ với Long Paul 63 báo tin cho anh em Nha Trang biết. Long Paul mất liên lạc với anh ta từ lâu nên cũng nhận tin như vậy thôi. Nguyễn Đức Thắng 72, sau khi đã tham khảo gia đình anh ta ở Chợ Mới, gọi điện cho Nguyễn Trọng Tôn, anh ta vẫn còn sống và cho biết đứa con gái anh ta đang giúp bán hàng lưu niệm cho khách tham quan tại nhà xứ Tắc Sậy và gia đình anh ta đang sống phía sau nhà thờ Tắc Sậy. Một sự lăm lăm to lớn. Anh em vẫn còn bán tín bán nghi mãi cho đến khi có số điện thoại mới của anh

ta do người nhà ở Chợ Mới cung cấp, Tôn mới liên lạc được với anh ta khi anh em tham quan bến Ninh Kiều tối Chủ Nhật ngày 12/01/2025...

Trên đường từ Bạc Liêu về Cần Thơ, anh em ghé trạm dừng chân dùng trưa và để tài xế nghỉ ngơi sau một giờ lái mệt mỏi đúng với nghị định của luật giao thông đường bộ bắt buộc. Tiếp tục lên đường về Cần Thơ, ghé tham quan công viên cá koi, mua sắm chút đỉnh làm quà Tết cho gia đình.

Về đến Cần Thơ đúng 17g cùng ngày. Anh tài xế, cũng là cháu của Nguyễn Trọng Tôn đã nhờ người book sẵn phòng để nghỉ qua đêm. Tắm rửa, nghỉ ngơi, anh em tản bộ ra bến Ninh Kiều ăn vịt tiêm. Anh em ai nấy đều khen ngon vì mềm. Bản thân vì kiêng thịt vịt nên không dùng, nhưng thấy cũng ngon lắm; mình ăn gà bù lại nhưng không thấy ngon vì cứng và dai: có lẽ quán chỉ chuyên về vịt chứ không chuyên về gà chăng? Anh em tản bộ ra bến Ninh Kiều, chụp hình và trải nghiệm ban đêm tại bến nổi tiếng miền Tây. Lúc này Tôn được chính Nguyễn Trung Cả từ Bạc Liêu gọi cho. Nói chuyện khá lâu với lão Tôn là chính, bản thân và Duy Trinh cũng được nghe tiếng dăm ba phút. Thấy anh ta cũng đã 'có chén' nên không muốn nói chuyện dài. 21g30, anh em trở về nhà nghỉ ngủ nghê để sáng mai về lại Sài Gòn sớm...

4g30 sáng ngày 13/01/2025, tài xế kêu dậy rửa đi uống cà phê và rồi kêu anh em dậy thanh toán

tiền phòng và bắt đầu lên xe về lại Sài Gòn. Về đến Đại lộ Đông Tây Sài Gòn lúc 6g30, đúng giờ cao điểm, ghé qua một khách sạn để Trinh giao thuốc cho một người bạn cũng Việt kiều sẽ đi du lịch miền Tây ngày hôm nay... Đường Sài Gòn



ngày thứ hai đầu Phan Văn Phước 60.

tuần, đông xe, tài xế tìm đường để qua quận 10, nhà thờ Hòa Hưng thăm gia đình Simon Cường như đã dự tính. Loanh quaoanh mãi đến 9g mới đến nhà thờ Hòa Hưng, liên hệ với chị Ngọc, vợ anh Cường để được gọi xe trong sân nhà thờ và anh em lội bộ vào hẻm đối diện đến nhà anh Cường vì xe lớn không thể vào tận nhà được. Gặp gỡ chuyện vãn với anh chị Cường. Cường lúc này nói ít sau khi bị tai biến và đi đứng hơi khó khăn. Chủ nhà khoản đãi anh em món cháo gà nhà nấu rất ngon, mặc dù trọng Tôn đã báo đừng chuẩn bị gì hết, thế nhưng chị Ngọc âm thầm cho người nấu cho đúng với câu cha ông ta thường nói, “khách đến nhà không gà thì vịt”. Anh em vừa ăn vừa tiếp tục chuyện vãn. Hoàng và Tộ xin từ già

gia chủ và anh em để book vé xe về nhà: người về Bà Rịa kẻ đi Bình Tuy để xe về Phan Thiết tiện hơn sau khi trả Trần Ngọc Châu về lại Biên Hòa. Trong khi chờ xe trung chuyển đến đón để về Bà Rịa và Bình Tuy, anh em cũng đã rời nhà Simon Cường để ra xe về Phan Thiết. Thế là anh em, ai nấy mỗi người mỗi hướng để về nhà và cuộc “tây du ký” của lớp 60 kết thúc tại đây.

Để tiếp nối cuộc gặp gỡ của anh em 60 nhân kỷ niệm 65 năm của lớp, ngày 25 tháng 01 năm 2025, vợ chồng Phan Văn Phước từ Canada đi du thuyền về Việt Nam, ghé cảng Phú Mỹ, Bà Rịa-Vũng Tàu và nhả sẽ ghé thăm gia đình. Gọi điện báo cho Trọng Tôn, hỏi thử xem anh ta vào được không; anh ta trả lời không đi được, bèn gọi cho lão Tộ Bình Tuy. Lúc đầu lão ta trả lời nửa có nửa không, nhưng cuối cùng, anh ta cho biết sẽ vào vì có đứa cháu ngoại chở đi bằng Honda. Thế là, ba anh em gặp nhau tại Bà Rịa. Hai ông cháu Tộ vừa từ Bình Tuy đến thì vợ chồng Phước cũng được xe Grab đưa đến Phước Tân. Anh em chuyện vãn đến 11g và cùng chở nhau đi ăn cơm niêu tại TP. Bà Rịa. Chia tay sớm vì Phước muốn ghé Lam Sơn thăm đứa cháu là sœur đang ở cộng đoàn St. Paul tại đó và để còn kịp giờ về lại tàu đi Thái Lan, sau đó đi Mã lai.

Tưởng là vợ chồng anh ta sẽ đáp máy bay từ Mã Lai về thẳng Canada, sau Tết Nguyên đán, Tôn điện Phước sẽ ghé thăm nhà anh ta ngày 20 tháng 02 năm

2025. Sau này được anh ta cho biết từ Mã Lai, vợ chồng anh ta đáp máy bay về lại Việt Nam, đi Huế, viếng Mẹ La Vang, vào Đà Nẵng và vô Sài Gòn trước khi về Canada.

Và như thế, những cuộc gặp gỡ của lớp 60 nhân dịp 65 năm chính thức kết thúc ở đây. Không biết từ đây đến cuối năm còn cuộc gặp gỡ nào không chứ bản thân nghĩ chắc không còn nữa rồi.

TÔI LÀ CHIẾC BOOMERANG CỦA THIÊN CHÚA

PHÊRÔ TRẦN MẠNH HÙNG LB79

tưởng “mình là chiếc Boomerang của Thiên Chúa” đã loé lên trong suy nghĩ của tôi gần đây và đã thúc đẩy tôi dành thời gian để tìm hiểu và suy tư về cái ý nghĩa sâu sắc của công cụ này, nhất là về chiều hướng thiêng liêng của nó. Việc đầu tiên tôi làm là thử tra cứu trên internet để xem các tác giả giải thích như thế nào về ý nghĩa của chiếc “Boomerang”¹ và về các công dụng của nó. Sau đây tôi xin được mạn phép trưng dẫn một vài giải thích văn ngọn đề cập đến chiếc Boomerang mà tôi nhận thấy rất ý nghĩa và sâu sắc.

“Boomerang là một thiết bị khí động học được làm từ gỗ (hoặc các vật liệu khác), nếu ném đúng cảm giác, nó sẽ quay trở lại người ném. Tên Boomerang hay “Wo-mur-rang” được nhắc đến sớm nhất là

¹ Xem hình Boomerangs tại đây: <https://www.freeimages.com/photo/boomerang-1451534> (Truy cập ngày 26/06/2024)

vào năm 1798 tại Úc. Người Thổ dân có 8 tên tương tự cho các thiết bị bằng gỗ của họ. Chúng ta thường liên tưởng nguồn gốc của Boomerang với người bản xứ Úc nhưng trên thực tế, chúng được tìm thấy ở khắp nơi trên thế giới.”²



“Boomerang là biểu tượng được quốc tế công nhận của Úc. Đối với người thổ dân, boomerang lâu đời như sự sáng tạo và là biểu tượng cho sức mạnh bền bỉ của văn hóa thổ dân.

Ý nghĩa thiêng liêng của boomerang là gì?

Nó là một công cụ tâm linh nhắc nhở chúng ta (với đường tròn của nó) rằng loại năng lượng chúng ta cho đi thì chúng ta sẽ nhận lại loại năng lượng đó. Khi sử dụng Boomerang, chúng ta kết nối với TRÁI TIM, với điểm trung tâm của cơ thể, với cảm giác nội tại.³

Khi đọc qua các giải thích ở trên liên quan đến

² Xem Boomerang <https://en.wikipedia.org/wiki/Boomerang> (Accessed on Wednesday, 26 June 2024).

³ Xem BOOMERANG

<https://www.starstones.com/boomerang#:~:text=It%20>

chiếc Boomerang, tôi hơi ngạc nhiên và khám phá ra một điều thật thú vị và diệu kỳ mà đã gần 42 năm nay tôi luôn tìm kiếm câu trả lời cho các biến cố đã diễn ra trong cuộc đời của tôi, kể từ khi tôi đặt chân lần đầu tiên đến thành phố Perth, thuộc tiểu bang Tây Úc vào ngày 10 tháng 8 năm 1982. Tôi nghiệm ra hành trình ơn gọi làm linh mục và hành trình đời sống tâm linh của chính tôi, nó tựa như chiếc Boomerang, được phóng ra bởi bàn tay của Thiên Chúa, trong sự an bài và quan phòng kỳ diệu của chính Ngài mà nhiều khi tôi không thể nào hiểu thấu tất cả những gì, mà Ngài đã thực hiện trong cuộc đời của tôi suốt 42 năm vừa qua. Bây giờ khi tôi có dịp để bình tâm suy nghĩ và nhìn lại những chặng đường mà tôi đã đi qua. Hồi tưởng lại những biến cố đã xảy ra trong cuộc đời, từ khi tôi rời quê hương thân yêu và gia đình để tìm kiếm tự do, với hy vọng là tôi sẽ có được một cơ may hầu tiếp tục theo đuổi ơn gọi làm linh mục của chính mình, mà tôi đã cảm nhận một cách mãnh liệt lời mời gọi của Thiên Chúa để rồi sau đó, ***tôi đã quyết định gia nhập chủng viện Lâm Bích, thuộc giáo phận Nha Trang vào cuối năm 1979.*** Có thể nói những gì đã xảy ra trong cuộc đời của tôi, hầu như bao gồm đủ mọi màu sắc của cuộc

is%20a%20spiritual%20tool,body%2C%20 with%20our%20 inner%20feeling. (Accessed on Wednesday, 26 June 2024).

Boomerang <https://en.wikipedia.org/wiki/Boomerang> (Accessed on Wednesday, 26 June 2024).

sống nhân sinh.⁴ Tôi đã trải qua biết bao thăng trầm của cuộc sống và có những thời điểm, tôi dường như sống trong sự tuyệt vọng và không tìm thấy một tia sáng hy vọng. Tôi bị ngập chìm trong bóng đêm. Nhưng rất may cho tôi, vì tôi vẫn giữ vững niềm tin của mình nơi Thiên Chúa, Đấng tôi tôn thờ và kính yêu. Tôi tin tưởng và xác tín rằng: Chúa sẽ không bao giờ bỏ rơi tôi, khi tôi đặt tin tưởng và phó thác tương lai của mình cho Ngài.

Đúng như những gì mà tôi đã trông đợi và hy vọng. Sau những thời gian chờ đợi và sống trong sự lo lắng, đôi khi tôi đã rơi vào tình trạng chán chường, muốn buông xuôi tất cả và để mặc cho số phận đưa đẩy... Cuối cùng tôi cũng đã được Chúa ra tay cứu vớt và giải thoát tôi. Ngài đưa tôi ra khỏi đất nước Việt Nam qua hành trình vượt biển và cho tôi được định cư ở đất nước Úc tại thành phố Perth vào tháng 8 năm 1982, sau hơn 8 tháng sống tại trại tị nạn Pulau Bidong và trại chuyển tiếp Sungei Besi ở thành phố Kuala Lumpur nước Mã Lai.

Khi đặt chân đến thành phố Perth (1982), chính tại nơi đây, tôi đã có cơ hội để làm lại cuộc đời của mình và được hưởng bầu khí tự do và yên bình. Tôi sống trong Grayland Hostel là nơi tiếp nhận những

⁴ Xem Fr. Peter Hung Tran, *Dance with Me*. Published by Shalom Tidings Magazine, issue January/February 2024, pp.21-22. Or online at <https://shalomtidings.org/dance-with-me/> (Accessed on Wednesday, 26 June 2024).



người tị nạn mới đến Tây Úc. Sau 4 tháng thì tôi được cha Đominicô Nguyễn Ngọc Đế, nguyên linh mục tuyên úy cho người Việt Công Giáo tại thành phố Perth dẫn tôi vào gặp Đức Tổng Giám Mục William J. Foyley (nay đã qua đời)⁵ và cha Đế đã giới thiệu tôi với Đức Tổng với tư cách là chủng sinh và xin ngài cho phép tôi được nhập Chứng viện St. Charles

5. Đức Tổng Giám mục William Joseph Foley sinh ngày 20 tháng 6 năm 1931 tại Nedlands, Tây Úc. Ông qua đời vào ngày 10 tháng 2 năm 1991 tại Perth. Ngài là Tổng Giám mục Công giáo La Mã thứ bảy của Tổng Giáo phận Perth, Tây Úc, phục vụ từ năm 1983 cho đến khi qua đời vào năm 1991. Trước khi được bầu làm Tổng Giám mục, Đức cha Foley từng là Giám mục của giáo phận Geraldton từ năm 1981 đến năm 1983. Xem Wikipedia, the free encyclopedia [https://en.wikipedia.org/wiki/William_Foley_\(bishop\)](https://en.wikipedia.org/wiki/William_Foley_(bishop)) (Truy cập ngày 26 tháng 6 năm 2024).

ở Guildford, WA.⁶ Đức Tổng Giám Mục William Foley sau khi nghe cha Nguyễn Ngọc Để trình bày đôi nét về sơ lược tiểu sử của chính bản thân tôi, và cho Đức Tổng thấy cái khao khát lớn lao nhất của tôi lúc đó, là muốn đi học trở lại để có thể tiếp tục hành trình ơn gọi của mình, ngõ hầu mai sau, tôi hy vọng sẽ trở thành người linh mục trong giáo hội và đồng thời là người môn đệ của Đức Giêsu Kitô.

Sau một thời gian trao đổi và phỏng vấn tôi, Đức Tổng Giám Mục William Foyley đã đồng ý nhận tôi, với tư cách là ứng sinh cho Tổng Giáo Phận Perth và ngài nói rõ: “Con cần học thêm tiếng Anh cho giỏi và nói cho thông thạo và lưu loát một tí, thì cha sẽ chuyển con sang thành phố Adelaide để theo học tại Đại Chủng Viện, Saint Francis Xavier, 36 Chapel

⁶ Đại chủng viện Thánh Charles - St. Charles' Seminary là nơi đào tạo linh mục ở Tây Úc. Chủng viện Thánh Charles là nơi đào tạo những người nhận thức được ơn gọi trở thành Linh mục Công giáo ở Tây Úc. Nằm ở phía đông thành phố Guildford, chủng viện là một phần của Tổng Giáo phận Perth và hiện thuộc quyền quản lý của Đức Tổng Giám mục Timothy Costelloe, SDB. Các chủng sinh từ các Giáo phận Broome, Geraldton và Bunbury cũng được đào tạo tại chủng viện này.

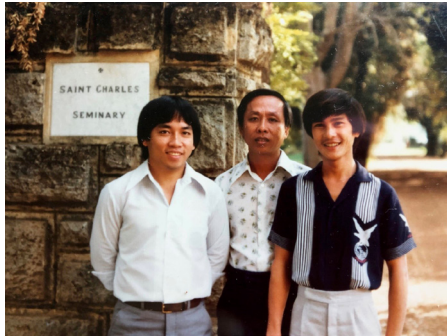
Cuối năm 1975, chủng viện đóng cửa vì thiếu số lượng chủng sinh, nhưng cuối năm 1993, Đức Tổng Giám mục Hickey tuyên bố sẽ mở cửa trở lại vào năm sau, tức là năm 1994. Xem

<https://www.vocations.catholic.org.au/s/news/corpus-christi-college->

MCDJ62SJPC6FCOJF2UNJI2CFBGGE (Accessed on Wednesday, 26 June 2024).

Way, Rostrevor SA 5073. Tôi rất vui mừng khi nghe Đức Tổng Foley cho biết như thế và tôi thành thật cảm ơn Ngài đã chấp thuận nhận tôi.

Sau một thời gian ngắn khi đã được Đức Tổng Foley chấp nhận thì mỗi cuối tuần, từ chiều thứ 6 cho đến trưa ngày chủ nhật, tôi đã đến St. Charles lưu trú cuối tuần và sống với các anh em cũng đang trong thời gian tìm hiểu ơn gọi tại Chung viện St. Charles. Lúc đó có tất cả là 7 anh em chúng tôi, gồm 3 người Việt Nam và 4 anh em khác, gồm các sắc tộc khác nhau. Ba anh em Việt Nam, đó là Thầy Phó tế Phanxicô Lý Văn Ca,⁷ Thầy Phêrô Nguyễn Minh Thúy⁸ và tôi.⁹



Hình từ trái sang phải: Phêrô Nguyễn Minh Thúy, Thầy Phó tế Phanxicô Lý Văn Ca, Phêrô Trần Mạnh Hùng tại Chung viện St. Charles Seminary (1982).

⁷ Thầy Phó tế Phanxicô Lý Văn Ca (nay đã qua đời, sau khi làm linh mục quản nhiệm cho Cộng đoàn Công Giáo Việt Nam nhiều năm tại TGP Perth)

Thời gian tôi sống và ở với anh em tại nhà tìm hiểu ơn gọi tại Chứng viện St. Charles cũng không lâu, chỉ có gần 1 năm, sau đó, tôi lại chuyển sang thành phố Sydney (1983) để tiếp tục đi học tiếng Anh và sống với gia đình người chị họ ở Springwood, NSW. Trong thời gian sinh sống và học tập tại Sydney, tôi đã may mắn gặp được cha Patrick John O'Neill, C.Ss.R (Dòng Chúa Cứu Thế thuộc tỉnh Dòng Canberra, Úc)¹⁰, ngài được Đức Tổng Giám Mục Edward Clancy bổ nhiệm làm giám đốc ơn gọi cho các Thầy Chứng Sinh Việt Nam tại TGP Sydney. Cha P.J đã thành lập nhà tìm hiểu ơn gọi cho quý Thầy Chứng Sinh Việt Nam tại địa chỉ số 92 The River Road, Revesby, NSW 2212.

Vào cuối tháng 2 năm 1984, nhà tìm hiểu ơn gọi tại Revesby đã được khai mạc và bắt đầu đào tạo các anh em chủng sinh Việt Nam. Tôi và 13 Thầy chủng sinh Việt Nam là nhóm đầu tiên gia nhập ngôi nhà

⁸ Thầy Phêrô Nguyễn Minh Thủy hiện nay là linh mục của Tổng Giáo Phận Perth, đại diện cho Giám mục, đặt trách lo cho các linh mục trong Tổng Giáo Phận Perth.

⁹ Phêrô Trần Mạnh Hùng hiện nay đang làm cha Tuyên úy cho Đại học Tây Úc và cho cư xá sinh viên Thánh Thomas More của Tổng Giáo Phận Perth và là giáo sư thỉnh giảng bộ môn Thần Học Luân Lý cho Đại Học Công Giáo Notre Dame Australia (The University of Notre Dame Australia: <https://www.notredame.edu.au/> (Truy cập ngày 22/06/2025)).

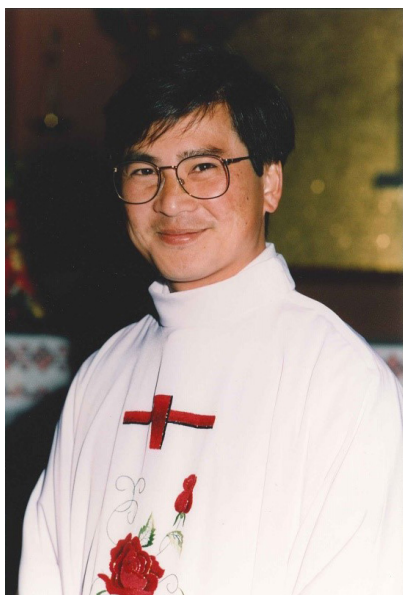
¹⁰ Cha Patrick John O'Neill, C.Ss.R thường được biết đến với tên gọi tắt là cha P.J.

này. Sau hơn 10 năm hoạt động, cơ sở này dưới sự lãnh đạo và dìu dắt của Cha P.J. O'Neill đã đào tạo được khoảng 33 anh em linh mục, bao gồm cả linh mục Triều và Dòng cho Giáo hội Úc Châu. Hầu hết các anh em linh mục này đang còn làm việc và hoạt động tại Úc, chỉ có cha Nguyễn Kim Đăng đã di cư sang Mỹ để đoàn tụ với gia đình. Đây là một thành quả vĩ đại mà cha P.J O'Neill cùng với sự cộng tác của biết bao nhiêu người khác đã gây dựng thành công đối với việc nuôi dưỡng và cổ vũ cho ơn gọi Việt Nam tại đất nước Úc.

Khi đến Sydney được gần 1 năm thì tôi xin gia nhập Dòng Chúa Cứu Thế (DCCT) và tôi đã được bề trên Giám tỉnh chấp thuận với tư cách là ứng sinh của DCCT. Sau đó, tôi gia nhập nhà tìm hiểu ơn gọi ở Revesby và sống với các anh em chủng sinh VN. Tất cả nhóm chúng tôi có 14 người. Tại đây, chúng tôi chuyên học tiếng Anh từ thứ 2 đến thứ 6, mỗi ngày tối thiểu có khoảng 5 giờ học chính thức tại lớp do hai Soeurs Dòng Josephite phụ trách, rồi sau đó là tự học riêng. Thứ 7, chúng tôi được nghỉ và có thể đi ra ngoài thăm bạn bè. Ngày chủ nhật, hầu hết anh em chúng tôi đều đi làm việc mục vụ cho các Cộng Đoàn Công Giáo Việt Nam, ví dụ như dạy Giáo lý, sinh hoạt với Thiếu Nhi Thánh Thể hay tập hát cho Ca đoàn.

Ngày 16 tháng 7 năm 1994, tôi được phong chức linh mục tại nhà thờ Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp thuộc giáo xứ Maidstone, Thành phố Melbourne, do Đức

giám mục phụ tá Peter Connors. Đó là một ngày trọng đại trong cuộc đời của tôi, ghi dấu ấn tín tình yêu của Thiên Chúa dành cho tôi. Và chính qua sự kiện này, tôi chứng kiến sự trung tín và lòng xót thương của Thiên Chúa dành cho những ai biết đặt tin tưởng ở nơi Ngài. Tôi thật



sự không ngờ là ngày ấy sẽ đến với tôi. Tôi cứ ngỡ điều ấy chỉ là giấc mơ, vì tôi đã nhiều lần hoài nghi về khả năng học tập của mình bằng tiếng Anh, nhất là các lãnh vực Triết học, Thần học và Kinh Thánh v.v... Tôi nghĩ mình không có đủ khả năng Anh ngữ để vượt qua và hoàn tất chương trình đào tạo tại Học Viện Liên Dòng hay tại Đại Chung Viện. Nhưng như Thánh Phaolô đã nói: ***“Ân sủng của Ta lúc nào cũng đủ cho con, vì sức mạnh của Ta được biểu lộ trọn vẹn trong sự yếu đuối.”*** (2 Côrintô 12:9)¹¹.

Bây giờ, nghiệm lại tôi mới thấy Lời Chúa ghi lại

¹¹ My grace is sufficient for you, for my power is made perfect in weakness. See 2 Corinthians 12:9.

trong thư thứ 2 của Thánh Phaolô gửi cho giáo đoàn Côrintô (12:9) rất xác thực và ứng nghiệm cách nhân tiên cho chính bản thân tôi, giúp tôi thêm lòng cậy trông và xác tín mạnh mẽ hơn nữa ở nơi Thiên Chúa.

Sau khi lãnh sứ vụ linh mục xong, tôi được phép cha Bề Trên Giám Tỉnh và Hội đồng ban cố vấn của tỉnh dòng cho phép tôi được tiếp tục theo học về ngành Tâm Lý Học năm thứ II tại Đại học Tây Úc (1995), và cha Bề Trên Giám Tỉnh đã bổ nhiệm tôi về sống tại Tu Viện DCCT ở 190 Vincent Street, North Perth, WA 6006.

Sau khi học xong năm thứ 2, ngành Tâm Lý Học, tôi được đề nghị chuyển sang học ngành Thần Học Luân Lý tại Đại học Notre Dame ở Freemantle, WA và sau 2 năm (1996-1997), tôi đã hoàn tất học vị thạc sĩ của ngành Thần Học Luân Lý (Master Degree of Moral Theology). Đến tháng 7 năm 1998, tôi được cha Giám tỉnh Dòng Cứu Thế Việt Nam mời về làm giáo sư cho bộ môn Thần Học Luân Lý và giảng dạy tại Học Viện DCCT ở Thành phố Sài Gòn trong vòng 12 tháng.

Rồi đến cuối tháng 10 năm 1999, tôi được gửi sang Rôma, nước Ý để dọn luận án tiến sĩ cho bộ môn Thần Học Luân Lý tại **Học Viện Thánh Alphonsô** (Alphonsian Academy)¹², trực thuộc

¹² Xem Alphonsian Academy: https://en.wikipedia.org/wiki/Alphonsian_Academy.

From Wikipedia, the free encyclopedia (Accessed on Wednesday, 26 June 2024).

Đại học Giáo hoàng Latêranô (Pontifical Lateran University)¹³. Tại nơi đây, tôi đã có được một thời gian học tập rất tuyệt vời, tuy vất vả, vì tiếng Ý là ngôn ngữ thứ 3 đối với tôi, nên những ngày tháng đầu tiên khi tôi mới bắt đầu nhập học, tôi đã trải qua rất nhiều khó khăn về mặt ngôn ngữ. Tuy nhiên, tôi đã nỗ lực và ra sức học tập kiên trì. Trải qua gần 3 năm rưỡi, tôi đã hoàn tất học vị Tiến sĩ và lên đường trở về lại nước Úc để tiếp tục sứ mạng do nhà Dòng giao phó.

Một trong những biến cố quan trọng trong cuộc đời của tôi cũng đã xảy ra cách đây 12 năm vừa trước (2012), khi tôi quyết định rời khỏi Dòng Chúa Cứu Thế và gia nhập Tổng Giáo Phận Perth, là nơi đầu tiên, tôi đã tìm hiểu ơn gọi của mình. Sau 27 năm sống trong nhà Dòng và với 17 năm làm linh mục Dòng Chúa Cứu Thế, tôi cảm thấy rất khó để đi đến quyết định khi suy nghĩ về việc ra khỏi nhà Dòng. Tôi đã cầu nguyện với Chúa trong nhiều năm tháng và đã tham vấn và bàn bạc với các cha bạn thân của tôi trong nhà Dòng cũng như ở bên địa phận. Họ đã cho tôi những lời khuyên rất quý báu và thiết thực đầy tính khôn ngoan.

¹³ Xem phần giới thiệu về Đại học Giáo hoàng Latêranô (Pontifical Lateran University)

<https://www.masterstudies.vn/institutions/pontificia-universit%C3%A0-lateranense-pontifical-lateran-university> (Truy cập ngày 26/06/2024).

Tôi đã xin cha Bề Trên Giám Tỉnh lúc bấy giờ cho tôi được phép ngưng công việc mục vụ và dành nhiều thời gian để cầu nguyện và xin Chúa cho tôi biết thánh ý của Ngài muốn tôi làm gì với hành trình tương lai... Sau 10 tháng cầu nguyện, tôi đã đi đến quyết định và làm đơn xin phép chính thức ra khỏi nhà Dòng Chúa Cứu Thế để gia nhập Tổng Giáo Phận Perth và trở thành linh mục triều. Mọi thủ tục giấy tờ đã diễn ra một cách mau lẹ và hết sức tốt đẹp. Tôi đã được cha Bề Trên Tổng Quyền DCCT giải lời khẩn trón và cho phép tôi được ra khỏi nhà Dòng và gia nhập Tổng Giáo Phận Perth với sự đồng ý của Đức Tổng Giám Mục Barry James Hickey, DD. (nay ngài đã về hưu).

Đức Tổng Giám Mục Hickey đã mau mắn tiếp nhận tôi như một người con của Tổng Giáo Phận



Perth và ngài đã nhanh chóng cho tôi được gia nhập Tổng Giáo Phận ngay lập tức. Qua biến cố này, tôi cảm thấy hành trình ơn gọi và cuộc đời làm linh mục của tôi, nó tựa như chiếc

Boomerang trong bàn tay của Chúa. Ngài phóng tôi ra, cho tôi đi một vòng và đạt được những mà Ngài

mong muốn cho chính bản thân tôi, rồi ngài lại cho tôi trở về vị trí cũ, nơi mà tôi đã xuất phát ra¹⁴.

Như tôi đã đề cập ở phần đầu trong bài viết này là trong những ngày gần đây, tôi được đánh động để suy tư về hành trình cuộc đời của mình, nhất là hành trình đời sống tâm linh. Tôi cảm nghiệm và nhận ra rằng: cuộc đời của tôi có thể ví như là chiếc Boomerang được Chúa sử dụng trong những khoảng thời gian và không gian khác nhau, nhưng cuối cùng thì chiếc Boomerang ấy cũng trở về lại vị trí cũ¹⁵ và về với người đã phóng nó ra. Từ đó tôi đã nghiệm ra các chân lý sau đây mà tôi hằng xác tín và những

¹⁴ Sau gần 42 năm (1982-2024), tôi đã trở về lại thăm Đại chủng viện Saint Charles, thuộc Tổng giáo phận Perth, nơi mà tôi đã bắt đầu hành trình ơn gọi của mình, kể từ khi tôi đặt chân đến thành phố Perth, tiểu bang Tây Úc (1982). Giờ tôi về lại nơi đây với tư cách là linh mục của Tổng giáo phận Perth. Tôi xem sự kiện này giống như là công việc của chiếc Boomerang.

¹⁵ Điều này tôi cảm nhận một cách sâu xa qua 2 sự kiện. Trước tiên là việc tôi đặt chân đến nước Úc lần đầu tiên tại thành phố Perth (1982) và cũng chính tại thành phố này, tôi đã trở về lại sau nhiều năm lưu sống tại các Tiểu Bang khác ở Úc, cũng như tôi đã từng đi du học và giảng dạy ở ngoại quốc. Nhưng cuối cùng, tôi đã quyết định chọn thành phố Perth làm nơi dừng chân của tôi và sẽ sống cuộc đời còn lại của mình tại đây. Kế đến, là việc tôi gia nhập chủng viện St. Charles thuộc Tổng Giáo Phận Perth vào tháng 12 năm 1982 và sau 30 năm, tôi đã xin gia nhập vào linh mục đoàn của Tổng Giáo Phận Perth và đã được Đấng bản quyền lúc đó chấp thuận. Tính đến thời điểm này, tôi đã làm việc mục vụ tại Tổng Giáo Phận Perth được 12 năm (kể từ năm 2012-2024).

điều này chính là kim chỉ nam cho đời sống tâm linh của tôi. Tôi xin mạn phép chia sẻ những điều này với quý bạn hữu và độc giả về những gì mà tôi đã cảm nhận, và xem đó như là món quà thiêng liêng mà Thiên Chúa đã ban tặng cho tôi, trong suốt hành trình hơn 42 năm vừa qua.

1. Tất cả mọi sự xảy ra cho tôi, đều nằm trong sự an bài và quan phòng diệu kỳ của Thiên Chúa hay nói cách khác, mọi sự xảy ra cho tôi đều là thánh ý của Chúa, không có gì gọi là ngẫu nhiên.
2. Nếu Chúa không muốn thì cho dù tôi có cố gắng và nỗ lực bao nhiêu cũng sẽ không có kết quả tốt đẹp. Ví như Chúa chẳng xây nhà, thợ nề vất vả, vất vả..., chỉ là uống công. Hay nói đúng hơn: “Mưu sự tại nhân, thành sự tại Thiên – Man proposes but God disposes.”
3. Chúa Giêsu nói: “Thầy là cây nho, anh em là cành. Ai ở trong Thầy và Thầy ở lại trong người ấy, thì người ấy sinh nhiều hoa trái, vì không có Thầy, anh em chẳng làm gì được, vì không có Thầy, anh em chẳng làm gì được.” (Ga 15:5)¹⁶
4. Thánh ý Chúa là sự bình an của con¹⁷
5. Chúa trồng con ở đâu, con nở hoa ở đó (Thánh Phanxicô đệ Sale)
6. Và niềm xác tín tri ân sâu xa nhất, đó chính là: Tất cả đều là hồng ân của Chúa. “Tôi có gì, cũng là nhờ Thiên Chúa” (1 Cr 15:10).

Nguyễn xin Thiên Chúa và Mẹ Thánh Maria chúc phúc lành cho quý vị độc giả và xin các Ngài gìn giữ và ban cho quý vị và tất cả những người thân yêu trong gia đình được bình an và mạnh khỏe.

T.P. Perth, Ngày 16 tháng 7 năm 2024.



¹⁶ Tác giả Lm Phêrô Trần Mạnh Hùng, Vì không có Thầy, anh em chẳng làm gì được. WHĐ (22.5.2022) <https://hdgmvietnam.com/chi-tiet/-vi-khong-co-thay-anh-em-chang-lam-gi-duoc-cn-vi-pc-nam-c--46028> (Truy cập ngày 26/06/2024).

¹⁷ Xem bài viết của Lm. Phêrô Trần Mạnh Hùng, *Thánh Ý Chúa Là Sự Bình An Của Con*.

<https://hdgmvietnam.com/chi-tiet/thanh-y-chua-la-su-binh-an-cua-con-46220> (Đăng ngày 04.07.2022 – Truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2024)

San Gregorio Nazianzeno, “La tua volontà, o Signore, è la mia pace.” Trích trong cuốn Sách, “Il Giornale dell’Anima” của ĐTC Gioan XXIII, trang 18. Do Loris F. Capovilla (Biên soạn), Il Giornale dell’Anima e altri scritti di pietà (Milano: San Paolo, 1989).

CHỢC BẾ DẬU 50 NĂM NHÌN LẠI

HOÀNG CHÂU 60

Mất

Nhớ những ngày vào hạ tuần tháng 3 năm 1975, chính xác là ngày 20 tháng 3 năm 1975, trước bữa tiệc mừng Tân giám mục Batôlômêô, nguyên giám đốc Đại chủng viện Xuân Bích Huế và Giám mục giáo phận Đà Lạt tại trụ sở Xuân Bích, Thị Nghè Sài Gòn, gặp riêng Đức cha Phanxicô Xaviê để lĩnh ý của ngài về tương lai của các đại chủng sinh. Ngài cho biết: “Mất hết rồi, nếu còn tới Long Khánh thì đó là một phép lạ, các con cứ về Huế thu xếp tùy sự quyết định của ban giám đốc, rồi về địa phận, cha sẽ tính sau”.

Vì còn ham trại huấn luyện Liên đoàn trưởng Hướng đạo nên bản thân bay về Huế trước ban giám đốc mới một ngày sau khi lĩnh ý của cha giám đốc là chuyển lời nhắn để chờ Đức Tổng Philipphê và cha giám đốc về. Máy bay cất cánh từ Tân Sơn Nhất với vồn vẹn hai hành khách: một đại chủng sinh và một

tăng sĩ. Đáp xuống phi trường Phú Bài, dân chúng bu đông, rất ngạc nhiên khi nhìn thấy hai vị hành khách bước xuống thang máy bay và đi vào phía phòng chờ...

Về đến đại chủng viện vào buổi trưa, ban giáo sư và các thầy vội ra gặp hỏi thăm và trình bày ý kiến của ban giám đốc. Thế nhưng, đêm hôm đó, ban giáo sư đã họp và quyết định sáng ngày mai giải tán để các thầy tự túc di tản vào Đà Nẵng và tìm cách trở về giáo phận gốc. Buổi trưa Đức Tổng và ban giám đốc về, trách sao không chuyển lời dặn. Sau khi trình bày, vội vã cùng với một thầy Huế đi Honda vào Đà Nẵng giữa cơn mưa phùn của tháng hai âm lịch...

Vì quê nội ở Đà Nẵng, nên đã nhờ một thầy giám thị bà con ở trường Sao Mai mua giùm vé máy bay về Nha Trang. Cũng may mua được 2 vé vào cuối tháng. Nằm tại Đà Nẵng khoảng mười ngày trước khi đáp chuyến bay cuối cùng tại phi trường Đà Nẵng về Nha Trang...

Về đến Nha Trang vào lúc làn sóng di dân từ miền trung và tây nguyên chạy về, nhập vào những đoàn cứu trợ của Caritas địa phận giúp đỡ những người lánh nạn. Đêm 1 tháng 4, thành phố Nha Trang ngập tràn tiếng súng và ánh lửa, tại Tòa giám mục, Đức cha Phanxicô Xaviê đã phong chức Linh mục Phó tế và các chức khác cho tất cả các thầy của giáo phận Nha Trang và các giáo phận khác đang có mặt tại chỗ đã có tên trong danh sách được phép của đại chủng

viện. Sáng ngày 2 tháng 4, các tân linh mục được sai đến các giáo xứ đang bị trống và vắng mục tử. Cũng nên nói, trong thời gian rối rắm này, Đức giám mục địa phận đã bỏ ngõ để các cha quyết định: ở lại hoặc di tản miễn là phải cho ngài biết trước để ngài biết rõ tình hình mỗi xứ. Thế là Nha Trang bị mất như các tỉnh tây nguyên và các tỉnh miền trung. Các Thầy đại chủng sinh lần lượt nhập vào dòng người di tản trở về quê bằng bất kỳ phương tiện nào có thể...

16 tháng 4, đến lượt Phan Rang, được Đức giám mục địa phận gọi ra Nha Trang tiếp nhận Tiểu chủng viện Sao Biển chuẩn bị thành lập Đại chủng viện Sao Biển nhằm đào tạo các thầy từ các đại chủng viện trở về. Chỉ có 5 anh em Thần 4 và 3 về cùng nhau đánh cours, quay ronéo trong khi chờ đợi cha Bê trên Nguyễn Văn Nho và Trần Thanh Phong từ Roma đã trở về và còn kẹt ở Sài Gòn.

30 tháng 4, cả miền Nam gần như được kiểm soát bởi chế độ Cộng sản và như thế khởi đầu mất mát ồ ạt: các cơ quan hành chánh, các cơ sở quân đội, trường huấn luyện quân sự, trường học tư nhân và tôn giáo, các tiểu chủng viện, các cơ sở từ thiện, các dòng tu, bệnh viện tư nhân, các dinh thự và tòa nhà của người di tản, v.v. Không kể đến những tài sản hiện kim hoặc hàng hóa vật chất... Nhưng sự mất mát lớn nhất là chất xám: nhiều học giả, văn nghệ sĩ đã di tản ra nước ngoài hoặc phải đi cải tạo. Về phương diện tôn giáo, các linh mục, tu sĩ cũng

cùng số phận. Các đại và tiểu chủng sinh phải về nhà lao động, đi kinh tế mới. Ôn thiên triệu không được phát triển do lý lịch; văn hóa của thanh thiếu niên cũng bị ảnh hưởng... Một số linh mục phải bỏ xứ ra đi hoặc hồi tục. Đất đai cá nhân, gia đình phải vô hợp tác xã, tài sản bị kiểm kê, cải tạo công thương nghiệp... Đúng là mất tất cả, kể cả sự tự do của con người trong chế độ cộng hòa, phải sống “trong tự do của xã hội chủ nghĩa”, không được tụ tập trên 3 người, đi đâu phải có giấy thông hành, giấy phép đi lại, đến chỗ nào phải đăng ký tạm vắng tạm trú... và con người sống trong sự nghi kỵ lẫn nhau: cộng sản với người Công giáo và các tôn giáo khác, với người chế độ cũ, v.v.

Những ai sống trong giai đoạn đầu trong thập niên 80 và thời kỳ bao cấp đều ý thức và có kinh nghiệm. Ở thành phố có vấn đề của thành phố, ở thôn quê có vấn đề của thôn quê. Thành phố dân trí cao hơn nên có vẻ đỡ hơn, thôn quê phải chịu cảnh thao túng của bọn lãnh đạo kém văn hóa hơn... Nói tóm lại, người dân miền Nam cảm thấy mất mát nhiều sau 1975, nhất là trong thời kỳ quá độ và bao cấp.

Lâm

Bản thân vì lý tưởng, vì tình cảm gia đình, vì ý thức dân tộc nhất là vì kinh tế không dư giả nên không có ý định di dân hoặc di tản ra nước ngoài như một số người khác. Đặc biệt, hoàn cảnh gia đình

thuộc ‘bần cố nông’ nên nghĩ chắc sống cùng chế độ XHCN không đến nỗi nào. Hơn nữa không có kinh nghiệm như những anh em di cư 54, chỉ mừng khi thấy đất nước hết chiến tranh, người người lao động với mảnh vườn miếng ruộng mưu sinh, vui



thú điền viên thì đủ rồi; nhưng rồi đời sống hợp tác xã không đi lên, trái lại đưa con người tụt hậu, con cháu không được tham gia thi cử, học hành đến nơi đến chốn vì nhiều lý do: quá khứ, tài chánh, nghề nghiệp... Cuộc sống vật chất thiếu thốn, làm ăn mất mùa thất bại, đói ăn thiếu mặc làm cho con người cảm

thấy thất vọng và mất tin tưởng. Ngày ngày cứ nghe trên loa phóng thanh những thành quả này những thành công kia, nhưng trên thực tế, dân chúng đói khổ, cơm không đủ ăn, phải ăn độn khoai, mì, sắn, củ; áo không đủ mặc (vải vóc phải chờ hợp tác xã phân phối, ba bốn người phải hùn nhau mới mua được một mét quần tây Khaki. Thịt heo thì chỉ dành cho những công nhân viên nhà nước, dân thường ít khi được phân phối. Nói chung cuộc sống rất cơ cực làm cho dân chúng, phần lo bị tù tội, phần cảm thấy sống không thoải mái nên tìm cách vượt biên ra nước ngoài sinh sống dầu biết rằng chuyển đi không an toàn, ‘thập tử nhất sinh’, phải chịu cảnh ‘một con nuôi cá, hai má nuôi con’, chưa dám nghĩ đến chuyện ‘con sẽ nuôi má’. Người dân lầm hết, tưởng rằng sẽ có cuộc sống ấm no, thanh bình yên ổn; trái lại sống trong lo âu sợ hãi, không biết tương lai của mình sẽ đi về đâu. Lầm vì mất tin tưởng; lầm vì lúc nào cũng lo ngay ngáy; lầm vì tương lai mịt mờ. Một thiên đàng trần gian chỉ nghe nói trên dàn phóng thanh chứ không cụ thể trong cuộc sống hằng ngày.

Những lý do này khiến người dân trở thành thụ động, sống an phận, ngày ngày cứ lấy lao động kiếm của ăn làm vinh quang, quên đi nỗi nhọc nhằn và quên đi những ưu tư, những ước mơ làm giàu, chỉ mong sao ngày kiếm được chút cơm cho gia đình, cho bản thân...

Thời kỳ mở cửa mở đầu một kỷ nguyên mới hơn.

Các công ty nước ngoài bắt đầu mở vốn đầu tư và kinh doanh tại các thành phố lớn. Nông thôn được điện hóa, đường sá giao thông phát triển, nhà cao tầng chung cư mọc lên khắp nơi trong các thành phố. Các khu công nghiệp được thành lập và các công ty trong nước cũng như ngoài nước nhờ luật đầu tư mới ra đời và phát triển qua năm tháng. Nhưng rồi nạn tiêu cực lại chen chân vào trong các hoạt động của xí nghiệp, công ty, kể cả trong các văn phòng, cơ quan của nhà nước: những thủ tục ‘đầu tiên’, bì thư lót chân lót tay trong những cuộc đấu thầu, những lần xin việc. Nạn tham nhũng trong văn phòng, ngoài quốc lộ xảy ra như cơm bữa và người dân cứ há miệng hai mắt mở to nhìn chán ngán nhưng không dám thốt lên tiếng nói gì. Đúng là bé cái lắm. Có người thỉnh thoảng gióng lên tiếng nói cảnh tỉnh, nhưng dường như chỉ là tiếng kêu trong sa mạc hay tiếng bạc ẩm ngân. Đâu cũng vào đấy thôi.

Hận

Từ những mất mát và nhìn lầm trên dẫn người viết đến chỗ hận; hận mình và hận đời. Mặc dù tuổi thuộc U80, nhưng vẫn còn ngu còn sai lầm. Hận vì mình còn ngu, còn sai lầm nhiều. Hận vì mình không có chút kinh nghiệm gì dù cũng đã đọc và học qua về chủ nghĩa, học thuyết Mác Lê khi là sinh viên đến nỗi một đàn anh phải nói. “Ông đã học triết thuyết Mác-Lênin rồi sao không bám giới công nhân mà

sống, sao lại chui vô hốc bà tó để mưu sinh”? Hận vì cả đời học chữ ‘nhẫn’ mà không thành, không chịu nghe lời vị bề trên đáng kính khuyên ‘hãy kiên nhẫn’. Hận vì quá nóng nảy, quyết định vội vàng, rời nhiệm vụ ra đi tìm một cuộc sống bớt căng thẳng hơn! Hận vì quá thơ ngây tin tưởng và nghĩ rằng chắc không đến nỗi nào. Đất nước được thống nhất. Đó là điều tốt và hạnh phúc cho mọi người? Hận đời vì cuộc sống hiện tại chưa được như ý, vẫn còn bị chi phối bởi những quy luật ruộm rà nhiều cửa. Hận vì đời không đáp ứng thỏa mãn của người dân: vẫn bị ràng buộc bởi những sợi dây thắt vô hình hay những bất công do người đối với người tạo ra. Hận đời vì cảnh ‘người thắng làm vua, kẻ thua làm giặc’ tạo nên sự kỳ thị và thành kiến đối với nhau.

Các nhà lãnh đạo đang ra tay ‘đốt lò’, cải tổ hành chánh; hy vọng có gì tươi sáng hơn! Mong sao con em người dân được có công ăn việc làm, thoát khỏi cảnh thất nghiệp do sự khủng hoảng của nền kinh tế toàn cầu và trong nước đang bị ảnh hưởng.

Năm mươi năm nhìn lại, buồn nhiều hơn vui, vất vả khổ đau nhiều hơn hạnh phúc. Đã đến lúc dừng lại để an vui tuổi già; thế nhưng vẫn còn lo toan về cuộc sống: không thể cậy nhờ vào con cái. Chúng còn phải có trách nhiệm đối với gia đình riêng của chúng. Vòng tròn đời người là như thế. Cha mẹ lo cho con, đến khi con trưởng thành, lập gia đình, phải lo lại cho con cái chúng. Đời là ‘bể khổ’, là ‘vô thường’.

Đã biết là như thế, nhưng bản tính là con người nên không thể vô tư, buông bỏ được. Cũng may, nhờ đức tin Kitô giáo, phó thác vào sự quan phòng của Thiên Chúa nên quảng gánh và tin tưởng. Mong sớm ngày được đoàn tụ cùng cha ông trên quê trời.

Chiếc xe ba gác và... hèm

Thương tặng Cha Vinh Hèm!

TRỊNH ĐÌNH BIÊN, SB69

Chiếc xe Ba gác mong manh
Đường xa đâu ngán đường quanh xá gì
Thân dầy gió bụi “nhu mì”
Phong ba bão táp ngán gì... thầy Vinh
Quần đùi thoải mái tụng kinh
Hây hây gió thoảng lung linh ai cười
Ai cười thì mặc ai cười
Ai cười thời đáng hờ mười hàm răng

Nha Trang Cầu Bống phẳng phẳng
Mua rau mua cá về căng cơm xuống
Mướng già ế ẩm cá ươn
Cá Nhám giá rẻ tuy buồn hơi khai
Phen này các Đấng lai rai
Khen Ta khéo lựa kéo dài tuổi xuân
Các sœur thời thật khổ thân

Thêm gầy lao sức kéo gần đứt hơi
Cá gì quá khổ tôi bởi
Thân già đã xế khác người đô con

Bể Trên hứng khởi lon ton
Phòng ăn sao thoảng rành dòn mùi khai
Chắc thấy Vinh chứ không sai
Trưa nay chắc món sơn hào tuyệt chiêu
Hồi ơi mộng vỡ tiêu điều
“Sơn” đâu không thấy chỉ mùi cá hồi
Thấy Vinh lau chút mồ hôi
Tại con thấy rẻ ăn rồi sẽ no
Trưa no thì chiều khỏi lo
Bớt ăn một bữa gọi là ăn chay
Bể Nho: Thấy thật tài hay
Ăn vậy thì bụng tôi gầy xấu trai
Bố Phong bèn đến rỉ tai
Lần sau hãy nhớ một vài cá Thu
Quay qua Quản lý khóc hu
Tiền đưa ít quá cá Thu “nổi nầm” (lỗi lầm)

Buồn tình thấy chút lấm bầm
Tiếng Anh thấy khê thì thâm linh tinh
“Quantity nhất, Quality (chì) xinh!”
Bể ơi có biết thâm tình khó khăn
Thôi thì con quyết ăn năn
Lần sau lỡ đại gọi rằng thú tha
Hai tay Bể khê nói xa:

“Chúa ơi xin giúp sức sa yếu hèn!”
Một mai được Chúa nhắc tên
Chức Bể trên mới sẽ đến thấy Vinh!

Tạm thời heo bụng trống rinh
Xin thầy cất bước rộng tình hèm chua
Ba Làng ngàn dặm nắng mưa
Xin thầy thương xót nuôi vừa bụng heo
“Mệt xi” xin gấp làm theo
Ba Làng lộng gió đường đèo thênh thang
Xa xa bóng gái Ba Làng
Mắt xinh môi mộng bẽ bàng đời trai
Các cô đâu biết là ngài
Thì thầm khúc khích những lời trắng hoa
Anh tài này quá phong ba
Đẹp giai phóng khoáng ta mà sánh đôi
Vai to ngực nở hơi trời
Chỉ cần rờ tới Thiên đường là đây
Mộng mơ chưa đã cơn say
Tới gần vỡ lẽ chính rầy thấy Vinh
Nãy giờ cứ ngỡ là mình
Sắp được diện kiến một hình Ạt-Nô*
Xin thầy thứ tội ngu ngơ
Con xin tạ lỗi vu vợ kinh hời
Không sao thầy cũng thích lời
Khen khen như thế Chúa thời ngắt ngay!
Thôi thôi xin vào đề ngay
Hèm đâu thầy đợi trễ ngày Bể la

Thầy ơi thú thật xin tha
Vì con mơ mộng tình ngà ngút cao
Rượu kia cũng phải lao đao
Nên hèm nay lại nửa trào nửa khê
Không sao khê thầy cũng mê
Chỉ cần được biết lỡ bề em mơ
Hèm tươi hèm lỏng hèm đồ
Hèm nào cũng chẳng đại khờ buông xuôi

Sao thầy tham quá đi thôi
Lung linh thầy mĩm... đỏ môi Thầy cười...

Trương Phi mặt đỏ một thời
Làm sao sánh đỏ, gấp mười... Thầy Vinh!

Tết Ất Tỵ, 2025 pháo rộn vang! Xin chấm ngang!



CHUYỆN NGƯỜI DI TẢN

HUỲNH THẾ HUY 71

Sáng nay thức dậy, chợt nhiên những hình ảnh nửa thế kỷ trước hiện về. Ngôi trường chúng tôi vừa sống vừa học suốt 4 năm trời đột nhiên đóng cửa, Bạn bè trong lớp chia lìa, từ đó 50 năm có những đứa không còn gặp lại, có những đứa phải mất 40 năm sau mới tìm được nhau.



Tác giả đứng giữa, người chuyển câu chuyện sang tiếng Việt bên trái và trưởng lớp 71 bên phải trong một dịp Hội ngộ trường cách đây bảy năm.

Trường chúng tôi khác với những ngôi trường ngoài, đó là nơi chúng tôi học tu nội trú. Do đó biết tính của từng thằng với nhau và những cha giáo hay thầy dạy, chẳng khác gì những người cha, người chú của gia đình. Vì thế không khó hiểu khi đến tuổi chuẩn bị hành trang rời cõi thế, chúng tôi vẫn còn nhớ nhau như anh em ruột thịt.

Whatsapp báo tin nhắn, một trong những thằng bạn của lớp cũ gợi câu chuyện di tản của hấn vào những ngày cuối tháng tư 75. Có lẽ bạn ta là người đầu tiên của lớp rời Việt Nam sớm nhất, lúc chỉ mới chớm 15 tuổi. Câu chuyện viết bằng tiếng Anh cho những đứa con của bạn hiểu được tại sao bố mẹ chúng lại có mặt ở nơi này.

Tôi xin phép chuyển qua tiếng Việt vì những tình tiết di tản lần đầu tiên tôi mới được biết, chứ hồi đó tôi chỉ nghĩ đơn giản, nhảy lên tàu Hải quân hay tàu Mỹ xong là có chuyển phiêu du lãng mạn cho một tương lai huy hoàng.

(Vào chuyện của Khiêm. Sao Biển lớp 71).

Khi tôi lớn lên, tôi cảm thấy có trách nhiệm sâu sắc hơn trong việc lưu giữ câu chuyện của gia đình mình; không chỉ cho chúng tôi mà còn cho các thế hệ sau nữa.

Những gì chúng tôi đã trải qua vào năm 1975 là điều mà lời nói khó có thể diễn tả hết. Nó đã định hình cuộc đời tôi và tiếp tục ảnh hưởng đến mọi khía cạnh trong cuộc sống. Giờ đây, tôi nhận ra hơn

bao giờ hết rằng, ký ức rất mong manh và nếu chúng tôi không chia sẻ chúng, chúng sẽ chìm vào quên lãng. Vì thế, tôi muốn kể cho bạn nghe, bằng chính lời của tôi, về hoàn cảnh gia đình chúng tôi rời khỏi Việt Nam, là điều mà tôi đã gần như không bao giờ nghĩ là có thể xảy ra được.

Hôm nay, ký ức quay về từ một số sự kiện kỷ niệm Tháng Tư Đen, một lời nhắc nhở trang trọng về ngày Nam Việt Nam sụp đổ. Một số người gọi đó là “Ngày Giải phóng”, nhưng đối với tôi và rất nhiều người khác, đó là ngày chúng tôi mất đất nước, mất nhà cửa, mất tương lai. 50 năm đã trôi qua, nhưng những ký ức vẫn sắc nét như thủy tinh, thô sơ như thể nó mới xảy ra ngày hôm qua.

Ngày 27 tháng 4 năm 1975 – một ngày mãi mãi khắc sâu trong tim tôi.

Sáng hôm đó, gia đình tôi rời khỏi Vũng Tàu, lái xe khoảng 30 phút đến bãi biển Long Hải. Lời cầu nguyện của chúng tôi rất đơn giản: -Tìm cách lên một con tàu của Hoa Kỳ và thoát khỏi số phận mà cha mẹ tôi đã quá rõ. Họ đã từng chịu đựng dưới thời cộng sản một lần trước đây, hai mươi năm trước ở miền Bắc, mất tất cả mọi thứ và buộc phải bắt đầu lại ở miền Nam. Họ biết, với sự chắc chắn lạnh người, nỗi kinh hoàng sắp xảy ra!

Tại Long Hải, một hải vận hạm của Hoa Kỳ xuất hiện ngoài khơi. Một nửa gia đình tôi đã lên được tàu trung chuyển để chạy ra hướng đó, nhưng nó

không bao giờ quay trở lại để đón những người còn lại. Tôi nhớ rất rõ những gì xảy ra lúc bấy giờ: - chiến đấu với những con sóng dữ dội để giúp chị gái tôi, chị Khanh, lên một chiếc phà nhỏ để đưa chị ấy đến con tàu. Sau khi thấy chị ấy lên tàu an toàn, tôi vội vã quay lại bãi biển để giúp lấy hành lý mà chúng tôi đã phải vật lộn khó khăn mới mang đi được. Một trong những người chị của tôi ở lại, canh giữ số ít đồ đạc quý giá của chúng tôi, cả cuộc đời chất đầy trong một vài chiếc vali cũ nát.

Ba, anh trai, chị gái và tôi vừa định quay lại điểm đón thì tàu đã rời đi. Chúng tôi đứng đó bất lực, nhìn con tàu mờ dần nơi chân trời xám xịt. Chúng tôi chờ. Chúng tôi cầu nguyện. Nhưng không có con tàu nào khác đến.

Mắc kẹt và đau khổ, chúng tôi lang thang và tìm thấy một biệt thự hoang vắng gần đó, có vẻ đẹp đến ám ảnh. Đó là một ngôi nhà lớn, từng tràn ngập tiếng cười và sự sống, giờ đây bị bỏ mặc cho thời tiết. Chúng tôi đã ngủ ở đó cùng những người khác, co ro trong bóng tối, chia sẻ nỗi sợ hãi trong sự im lặng nặng nề, không biết bình minh tiếp theo sẽ mang đến điều gì.

Trước khi trời sáng, cha tôi lặng lẽ thực hiện một thỏa thuận tuyệt vọng với một ngư dân địa phương. Khoảng 4 hoặc 5 giờ sáng, chúng tôi lên đi trên một chiếc thuyền đánh cá nhỏ, quá nhỏ để chở tất cả mọi người. Chúng tôi rời đi mà không nói một lời với những người khác; không còn lựa chọn nào khác, và

nếu do dự, có thể có nghĩa là mất đi cơ hội duy nhất của chúng tôi.

Khi chúng tôi trên đường quay trở lại Vũng Tàu,



Đây gần như là hình ảnh mẫu số chung của những người Việt đi tìm tự do. Hình: tư liệu

một con tàu lớn hiện ra phía trên chúng tôi từ trong sương mù. Trên tàu có những người lính mặt nghiêm nghị, mang vũ trang trông nguy hiểm. Chúng tôi nín thở, sợ họ sẽ chiếm con chiếc thuyền nhỏ của chúng tôi để vào bờ vì con tàu của họ quá lớn cho việc tiếp cận bờ biển. Sau đó, chúng tôi biết họ ra đi từ một trung tâm huấn luyện quân sự gần đó đã rơi vào tay kẻ thù; họ cũng đang chạy trốn. Nhờ một chút may mắn, họ đã để chúng tôi đi qua mà không có sự cố nào.

Nhưng nỗi sợ hãi vẫn ở lại với chúng tôi.

Cả đêm trên thuyền chỉ toàn là nỗi kinh hoàng.

Những người đánh cá trông thô lỗ và không thân thiện. Mọi câu chuyện về cướp biển mà tôi từng nghe đều hiện lên trong tâm trí tôi khi gia đình tôi mang theo một ít vàng và tiền khâu vào quần áo để phòng trường hợp bị lạc. Anh trai tôi, một trung úy trẻ, nhanh chóng nghĩ ra kế hoạch: chúng tôi sẽ ngồi ở các góc khác nhau của thuyền, mỗi người sẵn sàng hành động. Nếu có chuyện gì không ổn, tôi sẽ kéo em gái mình và nhảy xuống biển, bơi vào bờ, hy vọng bằng cách nào đó sẽ sống sót.

Thật may mắn, đã không có chuyện gì xảy ra.

Mặt trời ló dạng, chúng tôi thuyết phục ngư dân đưa thuyền ra xa hơn, hướng về hải phận quốc tế. Tin đồn lan nhanh trong giới ngư dân: - tàu Hải quân Mỹ đang đợi ngoài khơi để cứu người. Nếu lỡ, kế hoạch của chúng tôi sẽ tìm con tàu dầu của gia đình đã mua từ trước, đang neo ở ngoài khơi, để đi tiếp đến Thái Lan, Indonesia hoặc cả Úc nếu cần. Chúng tôi không có bản đồ, không hải bản chỉ có hy vọng đi đôi với tuyệt vọng.

Trở lại thời điểm trước khi lên tàu của gia đình, ai cũng có nhiệm vụ. Tôi được giao quay lại nhà người cậu để lấy gạo cho hành trình. Trên đường, tôi gặp một người bạn cũ¹ ở Nha Trang, đi với mẹ; cả hai trông bơ vơ, bối rối. Tôi hối thúc họ hãy trốn đi, kể về chuyện

¹ Chú thích của người dịch: “Bạn cũ” của tác giả gặp lúc đi với người mẹ, cũng là bạn học tu cùng lớp với chúng tôi tên Quang, con thầy Hậu, chết trên đường di tản.

tàu Mỹ đang chờ ngoài khơi. Sau này, tôi biết anh đã chết đuối khi vượt biển. Gia đình anh cuối cùng đến được San Jose; ba anh từng là thầy dạy Anh văn của tôi, một người hiền hậu. Đến giờ, tôi vẫn không dám hỏi họ chuyện gì thực sự đã xảy ra. Có những câu hỏi mang theo nỗi đau mà ta quá sợ để nghe.

Khi tôi quay lại với túi gạo, ba tôi gặp được người anh họ của tôi nhưng tuổi tác ngang với ba trong gia đình. Hóa ra, họ đã lập sẵn một điểm hẹn bí mật trong trường hợp bị lạc nhau. Có tin đồn anh họ tôi làm việc cho CIA. Lạ lùng thay, anh bị từ chối lên tàu Mỹ vì không có trong danh sách “được phê duyệt”. Nhưng bằng cách nào đó, anh đã thương lượng để được chuyển sang chiếc tàu chở dầu; chính là con tàu mà gia đình tôi cùng một vài gia đình khác đã âm thầm mua từ tháng Ba, chuẩn bị cho một cuộc vượt thoát đến Úc. Chúng tôi đã từng ẩn náu tại nhà cậu tôi suốt nhiều tuần, sống trong sợ hãi, chỉ ra ngoài khi thật cần thiết. Chỉ một lời đồn về việc trốn đi cũng có thể dẫn đến bắt bớ hoặc tệ hơn.

Giờ đây, ngư dân đưa chúng tôi ra tàu dầu của gia đình. Cuộc hội ngộ kỳ diệu, khi gặp lại mẹ tôi, các chị em, và những người thân trên boong tàu gỗ sét; là khoảnh khắc hạnh phúc nhất trong đời. Chúng tôi ôm chầm lấy nhau, nước mắt lăn dài, như sợ biển cả sẽ cuốn chúng tôi đi mất. Trong khoảnh khắc ấy, gia đình tôi lại mạnh mẽ hy vọng một lần nữa.

Nhưng niềm vui ấy không kéo dài.

Vừa lên tàu, chúng tôi bị tấn công. Đại bác nổ tung, ầm! ầm! làm con tàu rung chuyển dữ dội như sắp vỡ vụn. Tàu cố thoát, nhưng chỉ xoay vòng vô định. Chúng tôi mới nhận ra, người mà chúng tôi thuê làm thuyền trưởng đã lừa dối, ông ta hoàn toàn không biết lái tàu đâu.

Chúng tôi đã trao mạng sống cho một người không biết điều khiển tàu gì cả.

Đó là những phút giây dài nhất, kinh hoàng nhất đời tôi.

Và rồi như có phép màu, con tàu ổn định lại; chậm chạp, vất vả, chúng tôi tiến ra khơi, rời bờ biển cháy đỏ và cuộc đời cũ.

Phía xa xa, chúng tôi thấy họ: những tàu Hải quân Mỹ trên đường chân trời, lấp lánh như những ngọn hải đăng cứu rỗi.

Mọi người ào ào trèo lên. Những tấm lưới được thả xuống. Người ta bám vó, ôm con trên lưng, cột chặt tài sản lên người. Tôi trèo lên bằng thang dây, thắt chặt chiếc nhẫn vàng của dì quanh eo, vừa trèo vừa cầu nguyện không trượt ngã xuống biển.

Khi lên được boong tàu, cảnh tượng làm tim tôi tan nát; có những gia đình bầu vó vào lưới, trẻ con khóc, người trượt tay rơi xuống biển. Không ai có thể dừng lại giúp, mỗi giây đều là sự sống. Đến giờ, khi viết những dòng này, tim tôi vẫn thắt lại, mắt mờ lệ. Ký ức đó sẽ không bao giờ phai nhạt.

Vài tuần sau, tại Guam, chúng tôi tình cờ gặp lại

những người đã được tàu Mỹ đón ở Long Hải; con tàu đã bỏ rơi chúng tôi.

Họ kể một câu chuyện kinh hoàng: - Sau khi đón, tàu Mỹ đưa họ đến đảo Phú Quốc. Tại đó, họ dựng một trại tị nạn nhỏ từ bất cứ thứ gì nhặt được. Nhưng trại bị oanh tạc. Nhiều người chết, đàn ông, phụ nữ, trẻ em. Một số người sống sót mà chúng tôi gặp hôm ấy thoát chết do họ lén ra biển tắm, như là một hành động phản kháng, hoặc có lẽ chỉ là để cảm thấy mình còn là con người; nhờ thế, đã cứu mạng họ.

Nghe xong, tôi rùng mình. Tôi chợt nhận ra: nếu hôm đó tàu Mỹ đón cả gia đình tôi ở Long Hải, có thể chúng tôi đã không còn sống.

Chúng tôi từng nghĩ mình bị bỏ rơi. Nhưng thực ra, chúng tôi đã được cứu.

Đôi khi, ân huệ lớn nhất lại mang hình hài nỗi đau.



Một con tàu phải dồn nén từng này nỗi đau con người. Hình: Tư liệu

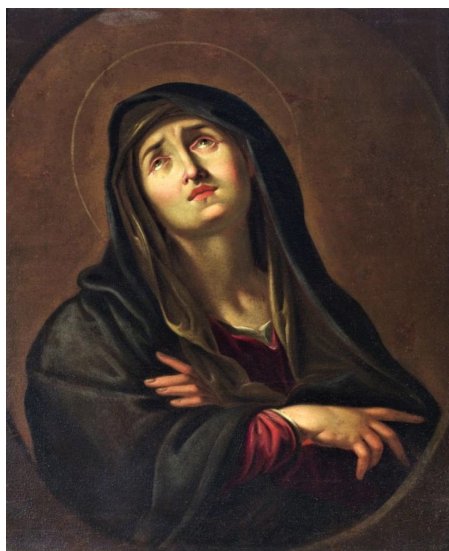
Trung tuần Tháng 8 này, lớp chúng tôi sẽ gặp nhau tại một tu viện ở San Jose để sống và ôn lại những câu chuyện trong quá khứ nhân dịp chia tay 50 năm và 55 năm vào môi trường tu tập.

Năm 71, Lớp có hơn 60 đứa, trên 10 đứa về nước Chúa, gần một nửa trên nước người, tất cả đều đã được làm “Cha”. Trong đó có 2 tên là cha chung; một tên vừa làm cha sắp nhỏ vừa làm thầy 6 vĩnh viễn.

Quá đẹp cho một thánh lễ cảm tạ trên bàn thánh.

TẠI SAO CỐ ĐAU KHỔ?

RANDALL SMITH, KIM NGÂN 59 chuyển ngữ



Mater Dolorosa (Đức Mẹ đớn đau). Tranh sơn dầu trên gỗ của Carlo Dolci

Nhiều người trong chúng ta biết rằng chúng ta có nhiệm vụ từ bỏ chính chúng ta, vác thánh giá hằng

ngày và theo Chúa Kitô. Chúng ta cũng có thể biết rằng Chúa Kitô, mặc dù Ngài là Con Thiên Chúa và Con của Con Người, hình ảnh của Đấng Thiên sai vĩ đại được tiên báo trong sách Daniel (7: 13-14), cũng là “Người phục vụ đau khổ”, những đau khổ của Ngài mang đến cho chúng ta ơn cứu độ, và được mô tả trong bốn “bài hát người phục vụ” trong sách Isaiah. (42: 1 - 53: 12)

Một khi hiểu biết tất cả những điều này, chúng ta có thể vẫn còn thắc mắc: Tại sao chúng ta phải đau khổ? Số đông những người tử nạn trong trận lũ lụt bất ngờ tại tiểu bang Texas, nơi tôi đang sống chẳng hạn, đặt ra vấn đề theo một cái nhìn mới. Tại sao?

Chúng ta không muốn biến Kitô giáo thành một thứ sùng bái sự đau khổ – đau khổ vì lợi ích riêng tư trong một giáo hội cho những ai “đủ cứng rắn để đón nhận nó”. Có nhiều điều đáng khâm phục đối với những tín đồ phái khắc kỷ, nhưng một nền thần học được dựa trên một Đấng Cứu tinh rơi nước mắt trước cái chết của một người bạn và hành động chủ yếu của ngài được gọi là “Cuộc Khổ Nạn”, nhưng thực chất hành động đó không mang tính cách khắc kỷ.

Trong quyển tiểu thuyết của tác giả Dickens *A Tale of Two Cities*, Jerry Cruncher muốn vợ ông ngừng thái độ “ngã quỵ xuống” – bằng cách quỳ gối cầu nguyện – bởi vì ông nghĩ điều đó sẽ mang lại nhiều đau khổ và nghèo nàn, và ông đã có đủ điều

đó rồi! *Tất cả chúng ta không phải như thế hay sao?* Vì thế, tại sao *đau khổ* lại đóng vai trò quan trọng như thế trong linh đạo Kitô giáo, xét vì sự *đau khổ* đó không phải là điều mà chúng ta hướng đến một cách hiển nhiên, nhưng cố gắng ngăn chặn một cách khó khăn?

Điều trước tiên chúng ta có thể lưu ý, đó là, trong thư của thánh Phaolô, sự *đau khổ* là một phần của “cái chết cho chính mình”, điều đó cần thiết bởi vì tính ích kỷ tội lỗi của chúng ta. Nhưng mục đích của chúng ta là “sống lại với Đức Kitô”. Tuy nhiên, chúng ta không nên coi nhẹ vấn đề đó. Việc đề cao những người khác trước mặt chúng ta là điều không dễ dàng. Nó giống như một “cái chết nhỏ”, một cái chết của bản thân tội lỗi để “bản thân” không ích kỷ có thể xuất hiện.

Hãy suy xét bạn gặp khó khăn biết chừng nào khi đến với một người mà bạn đã từng xúc phạm hay phản bội và nói: “Tôi thực sự hối tiếc”. Chúng ta thích cảm thấy mình quan trọng và tự tin, nhưng nói “Tôi xin lỗi” có thể làm cho người nào đó cảm thấy rất nhỏ bé. *Tôi ngu ngốc biết chừng nào!* Thật là khó. Nhưng cần thiết.

Vì thế, trong một thế giới sa ngã tràn đầy những người sa ngã như bạn, người khác sẽ không làm bạn thất vọng. Trước đây, họ xử lý tình thế rất kém, và bạn sẽ cần “đón nhận nó” và không “chuyển nó về” cho những người khác. Bạn có thể trải nghiệm điều

này khi bạn bị ông chủ của bạn quát tháo, vì thế bạn đi về nhà và quát tháo vợ (hay chồng) của bạn, rồi người đó lại quát tháo con cái, rồi chúng lại ra ngoài quát tháo bạn bè chúng, những người này lại về nhà và đá vào con chó.

Đúng là vẫn còn gợn sóng ở bên ngoài. Các Kitô hữu được mời gọi trở thành “những cái ngắt điện” – để ngăn chặn chu kỳ tức giận và lăng mạ xấu xa. Nhưng việc trở thành cái ngắt điện đòi hỏi sự hy sinh và đau khổ. Bạn phải chấp nhận nó mà không phải liều mạng. Việc đó có thể khiến bạn cảm thấy thấp hèn – giống như một người tầm thường – trong một thế giới của những người tận hưởng “việc hống hách ra oai” đối với những người khác.

Những vấn đề sẽ làm chúng ta thất vọng. Đôi khi bạn thắng, đôi khi bạn thua. Đôi khi bạn nhận được một công việc quan trọng, đôi khi bạn không nhận được. Nếu không có cơ hội thua thiệt, sẽ không có thách thức, không có sự kích thích, và không có cảm giác đạt được điều gì có ý nghĩa. Nhưng không có lớp đường nào bọc lấy điều đó: sự thua thiệt làm tổn thương.

Nếu bạn không sẵn sàng cho sự đau khổ đó, chắc chắn bạn sẽ rời bỏ ngay. Một trong những việc tốt nhất mà chúng ta có thể dạy cho lớp trẻ không những là cách đặt ra những mục tiêu cho chính chúng, mà còn biết phản ứng như thế nào khi thất bại. Bởi vì trong thế giới này, chúng chắc chắn sẽ thất bại, có thể

có rất nhiều thất bại. Chúng cần học cách đón nhận sự đau khổ nếu chúng luôn tiếp tục đứng lên lại.

Đôi khi sự đau khổ là do việc đặt niềm hy vọng chúng ta trong những việc sai lầm. Trong bất cứ lối sống nào thiếu Cái Nhìn hạnh phúc, không thứ gì có thể làm chúng ta hoàn toàn thoả mãn. Chúng ta nhận biết nguồn gốc của sự không thoả mãn của chúng ta sớm chừng nào, chúng ta có thể tìm được những điều thực sự làm thoả mãn và đáp ứng cho chúng ta sớm chừng nấy. Sự đau khổ do tình trạng thiếu thốn của thế giới thường là cách Chúa mời gọi chúng ta quay về với Ngài, chỉ có Ngài mới có thể đáp ứng đầy đủ cho chúng ta.

Có những lý do khác khiến chúng ta đau khổ. Trong thế giới sa ngã này, trở nên công chính hay đem lại sự công bình cho những người khác là vấn đề không dễ, ngay cả những hy sinh cần thiết đối với sự tiết độ và can đảm cũng thế. Nếu công bằng là dễ dàng, mỗi người sẽ thực hành điều đó. Nếu được như thế, người nào hành động vì sự công bằng sẽ thường xuyên đau khổ. Chúng ta nên sẵn sàng thì hay hơn. Việc trở nên “chàng trai tốt” trong phim ảnh trông có vẻ quan trọng, nhưng việc đó hiếm khi quan trọng trong đời thực.

Giống như bạn, những người khác cũng đau khổ. Đôi khi bạn có thể giúp đỡ họ; đôi khi bạn không thể. Nói cách khác, chúng ta sẽ không trở nên chết lặng đối với sự đau khổ của họ. Và nếu chúng ta không

trở nên như thế, sự đau khổ của họ trở thành sự đau khổ của chúng ta. Nhìn những người chúng ta yêu thương đau khổ là điều đau khổ tối tệ nhất. Đó chính là sự đau khổ của bà Maria Mađalêna và Đức Maria, Mẹ Thiên Chúa, ở dưới chân Thánh Giá. Nếu chúng ta quan tâm đến người khác, chúng ta phải sẵn sàng chịu đau khổ cùng với họ. Đây là cách mà những người Kitô hữu thấu hiểu nhân đức *misericordia* (lòng thương xót).

Khi những người Kitô hữu nói về sự đau khổ, họ không tạo nên “thái độ tôn sùng đau khổ”, hoặc họ không coi trọng đau khổ vì lợi ích riêng tư. Họ thừa nhận một sự thật về thế giới mà nhiều người thích lãng quên hơn.

Vấn đề không phải là cuộc sống có bao gồm sự đau khổ hay không. Có đấy. Vấn đề là, khi sự đau khổ của chúng ta có ý nghĩa, Thiên Chúa có nhìn thấy điều đó hay không và sau sự đau khổ của chúng ta (đúng vậy, trong và qua sự đau khổ của chúng ta), chúng ta có *đứng lên* hay không.

Câu trả lời của người Kitô hữu là: Có.

Nhưng chúng ta không nên lãng mạn hoá việc đó. Chúng ta cần phải sẵn sàng cho việc đó, chúng ta cần biết vì sao điều đó là cần thiết, và chúng ta cần hiểu giá trị của nó. Nhưng mọi sự đều ngang bằng, phần đông chúng ta thích không đau khổ hơn, và chắc chắn chúng ta không mong muốn điều đó đối với bất cứ ai chúng ta yêu thương.

Tuy nhiên, không có cách nào giải quyết được vấn đề đó: chúng ta cần phải sẵn sàng mỗi ngày để từ bỏ mình, vác lấy thánh giá, và bước theo Chúa Kitô. Tôi thường ước ao điều đó trở nên khác hẳn, nhưng đó không phải là thế giới mà trong đó chúng ta đang sống, và chúng ta sẽ là những con người hèn kém hơn nếu chúng ta không mang vác những thánh giá đó.

8/7/2025

Tác giả: Randall B. Smith là giáo sư Thần học tại Đại Học thánh Tôma ở thành phố Houston, Texas. Tác phẩm mới nhất của ông là From Here to Eternity: Reflections on Death, Immortality, and the Resurrection of the Body. (Từ Đây đến Muôn Đời: Những Suy tư về Sự Chết, Bất Tử, và sự Phục Sinh của Thân Xác).

MỘT NGÀY Ở CẢNG NƯỚC MẶN, BÌNH ĐỊNH TK XVII

CÔNG KHANH 67 - CHATGPT

Trời vừa hửng sáng, sương còn bàng lảng trên mặt nước, những chiếc ghe bầu và thuyền mảnh đã nổi đuôi cập bến. Gió nhẹ từ biển thổi vào mang theo mùi muối và hương của hàng hoá phương xa. Từ các lối mòn đổ ra bến, từng đoàn người gánh hàng, dân phu, thương nhân và lính canh nối nhau nhộn nhịp. Tiếng gọi, tiếng rao, tiếng chèo khua chan hoà trong sương sớm.

Trên bãi, các sạp hàng bắt đầu dựng lên. Vải vóc, trầm hương, sơn ta, hồ tiêu, cá khô, gốm Gò Sành, đường phèn... xếp thành từng đống. Những lái buôn người Nhật, người Hoa, người Bồ Đào Nha, vài người Chăm hay Khmer cũng lác đác có mặt, tất cả chuẩn bị một ngày giao dịch tấp nập.

Chợ Babel

Giữa âm thanh hỗn hợp của các thứ tiếng, tiếng Việt đã vang lên rõ nét. Đây chính là nơi mà Dòng

Tên chọn làm trung tâm học tiếng An Nam. Những thầy giảng trẻ giúp các cha đạo như Francisco de Pina, Pedro Marques hay Alexandre de Rhodes thông ngôn. Trong một căn nhà tre nhỏ gần bến, vài vị tu sĩ đang chép lại các bài giảng đạo bằng chữ quốc ngữ sơ khai: chữ Latinh ghi âm tiếng Việt, đánh vần đơn sơ nhưng đầy ý nghĩa.

Người dân địa phương vốn quen thuộc với buôn bán, tiếp xúc với người ngoại quốc từ trước. Họ đổi chiếu cói, tre nứa, nước mắm và cá khô lấy dao kéo, gương đồng, vải lụa hay hạt giống từ phương Tây.

Các loại hàng hóa chính

Thuyền Nhật chở đồ kim khí, gương nhỏ, vải xanh; tàu Trung Hoa mang trà, giấy, mực; tàu Bồ

Hàng Việt xuất	Hàng nhập từ tàu ngoại
Trầm hương, hồ tiêu, tơ lụa	Dao kéo, thủy tinh, đồ trang sức
Gốm Gò Sành, muối	Vải vóc phương Tây,
Cá khô, nước mắm	súng hỏa mai
	Đường tinh luyện, sách in

Đào Nha có rượu nho, ống nhôm, và cả sách giáo lý.

Buổi trưa, tại khu nhà nguyện nhỏ của Dòng Tên cạnh bến, người dân bản xứ tới nghe giảng đạo. Một số theo đạo mới, số khác thì hiếu kỳ. Ngôn ngữ truyền giáo bằng chữ quốc ngữ bước đầu hình thành. Những thầy giảng trẻ như Bento Thiện ghi lại bài đạo trên thẻ tre, giấy dó, hoặc giấy tàu.

Đầu giờ chiều, khi trời dịu, các thương nhân tụ họp đàm phán đơn hàng lớn. Một viên cai bến ghi chép cẩn thận từng chuyến tàu, số hàng, chủ thuyền, và thời hạn lưu bến.

Hoàng hôn buông xuống, ánh nắng đỏ chiếu lên các mũi thuyền phủ vải bạt. Người dân về lại xóm thôn dọc sông Côn, ghe thuyền neo lại chờ sáng hôm sau. Từng đợt thủy triều lên xuống vẫn nhắc nhở sự gắn bó của cảng Nước Mặn với dòng chảy thương mại xuyên Việt và quốc tế.



Nước Mặn tuy không lớn như Hội An, nhưng

chính là nơi chữ Quốc ngữ nảy mầm, nơi văn hoá Việt – Âu – Á hoà quyện và thương nghiệp bản địa hội nhập với biển khơi.



Bia ghi nhớ công lao những người đã sáng chế ra cách ghi tiếng Việt bằng mẫu tự Latinh. Hình: Công Khanh

Khi tôi đến nơi ngày xưa là cảng Nước Mặn, cảng đã biến mất. Chữ quốc ngữ thuở mới ra đời chỉ ghi được là *nuocman*. Tiếng Việt Đàng Trong hồi đó

chưa có nguyên âm “ă”, theo Nguyễn Khắc Xuyên. Về sau tiếng Việt Đàng Ngoài có nguyên âm “ă” trước...



Không xa nơi khai sinh ra chữ quốc ngữ là Tiểu chủng viện Làng Sông, nơi tu học của nhiều đàn anh Sao Biển. Trong hình là nhà nguyện được đánh giá tuyệt đẹp của tiểu chủng viện. Hình: Công Khanh

Theo tài liệu, cảng qua đời từ nửa sau thế kỷ XVII, ít nhất vào khoảng cách đây 300 năm. Về tôn giáo, ở đây chỉ còn lại chùa Bà. Nơi ghi dấu tích chữ Quốc Ngữ thuở nằm nôi là một thân cây cổ thụ bằng xi măng sơn giả gỗ xấu xí treo những tấm bia ghi nhớ bằng sáu thứ tiếng: Việt, Pháp, Mỹ, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha và Latinh. Tất cả tọa lạc trên một khu đất nhỏ, có bia công nhận di tích của chánh quyền tỉnh. Tôi cũng không rõ đó có phải là nơi từng là nguyện đường của các cha Dòng Tên hay không. Lập khu tưởng nhớ là Tòa giám mục Qui Nhơn. Tôi nghĩ: “Chắc chỉ có Qui Nhơn mới xài chữ quốc ngữ”.

Tài liệu tham khảo:

Trích thư của Francisco de Pina (1621), Pedro Marques (1622), Alexandre de Rhodes (1650).

"Histoire du royaume de Tunquin" (1650).

Bản đồ Annam của Rhodes (1651).

Bản đồ Giao Chỉ quốc thời Minh (thế kỷ 15-16).

(Có thể tra cứu tại Thư viện Gallica, Thư viện Dòng Tên tại Roma, hoặc Thư viện Khoa học Xã hội TP.HCM)

TRÍCH MỘT PHỤ LỤC VỀ CHỮ QUỐC NGỮ

NGUYỄN KHẮC XUÂN, TCK số hóa

1. Nguyên âm Ả trước 1651

Chúng tôi tò mò muốn biết xem trong thời kì này người ta viết thế nào. Dựa vào những tư liệu Đỗ Quang Chính ghi trong *Lịch sử chữ quốc ngữ* (Ra Khởi, Sài Gòn, 1972), chúng tôi thấy có hai nhóm khá tách biệt, nhóm Đàng Trong và nhóm Đàng Ngoài. Nhóm Đàng Trong gồm có một số người tới Đàng Trong rất sớm và đã học tiếng Đàng Trong cũng rất sớm, từ 1615, còn nhóm Đàng Ngoài thực ra mới chỉ có d'Amaral, kể từ 1630-1631.

Đó là về người, còn về từ ngữ, chúng tôi chỉ thấy có rất ít, một vài chữ ghi trong những bản *Tường trình* gửi về Rôma, tất cả đều là những bản viết tay, trừ tác phẩm của Borri là tác phẩm in năm 1631, viết năm 1621.

1.1. Nhóm Đàng Trong

Nói chung, trong các bản *Tường trình*, thường chỉ ghi một số các nhân danh, nhất là địa danh, thỉnh thoảng một vài chữ nói thông thường, không có câu

nói hay mệnh đề hẩn hoi, trừ Borri, ông này viết được vài ba câu khá thích thú. Sau đây là mấy từ có nguyên âm *a*, dự đoán là *ă*.

An (*ăn*). Viết lại vụ nguyệt thực và những nghi lễ dân gian tổ chức vào dịp này, Borri cho biết là người ta ngẩng mặt trăng bị con rồng hay con gấu ăn dần ăn dần. Vì thế ông ghi lại bằng chữ quốc ngữ: “***Da an nua, da an het***” (đã ăn nửa, đã ăn hết). Chúng tôi không có bản viết tay năm 1621, mà chỉ có bản Pháp văn năm 1631. Thế nhưng cũng chưa thể phán đoán dứt khoát được, bởi vì nhà in ở Âu châu thời đó chưa có các chữ có dấu để in chữ quốc ngữ của chúng ta. Về các chữ khác như *da* (đã), *nua* (nửa), *het* (hết), thì chắc chắn là không có dấu, nhưng còn *an* (ăn) thì tạm nhận là như thế, bởi vì, như trên chúng ta đã thấy, Đắc Lộ vừa viết *ăn*, vừa ghi *an* (ăn). Về cách phát âm này, hiện nay ở vùng Nha Trang, Qui Nhơn, người địa phương vẫn còn nói *eng côm* (ăn cơm). Dẫu sao, chúng ta cũng chưa thể quyết định cho Borri đã viết *ăn* hay ghi *an*, nhưng chúng tôi có lí do ngả về *an* (ăn) hơn.

Nuoc man (Nước Mặn). Trong bản *Tường trình* của mình, Iuão Roiz (1621) cũng chỉ viết *nuocman* mà không bỏ dấu (ĐQC, Sđ tr.26). Borri trong tác phẩm in 1631, (viết năm 1621), cũng ghi *nuoecman*, (ĐQC, Sđ tr.31). Tới Gaspar Luis, trong bản *Tường trình* 1621 và 1626, cũng đều viết *Nuocman* (Sđ tr.27), *Nuocman* (Sđ tr.35). Tới Antonio de Fontes năm 1626 chỉ thêm được dấu sắc đặt trên chữ u thành *Núocman*.

Trong thủ bút *Truyện Vương quốc Đàng Ngoài* hay *Lịch sử Đàng Ngoài* năm 1636, Đắc Lộ ghi chúa *Bàng* (chúa Bằng), *quan van* (quan văn), (Sđ tr.43-44). Còn trong một tư liệu khác vào năm 1647 thì viết *Nuoc man*, cũng như trong những bản kể ở trên, trừ một điều là ông viết rời hai chữ *nuoc man*, chứ không viết liền như các đồng nghiệp của ông.



Hình: Tư liệu

Dẫu sao, cũng không thể rút ra được một bài học nào cả, về *a* hay *ã* ở chữ *man* (mặn). Trong Từ điển 1651, Đắc Lộ viết *mặn*, *nước mặn* với lời giải thích “cũng là tên một thị trấn trong tỉnh *Qui Nhin*”.

Nhưng nếu chúng ta không thể định đoạt về điều này, vì các tác giả ở Đàng Trong không ghi, thì với d'Amaral thuộc nhóm các tác giả Đàng Ngoài, chúng ta lại thấy phong phú về tư liệu hơn.

1.2. Nhóm Đàng Ngoài

Chúng tôi vẫn theo Đỗ quân và được biết rằng, năm 1632, D'Amaral soạn một bản *Tường trình* về việc truyền giáo ở Đàng Ngoài. Trong tư liệu này, có mấy chi tiết bắt chúng ta phải lưu ý.

Thứ nhất, D'Amaral viết rõ nguyên âm *ă* trong *Văn nguyên* (Văn Nguyễn), ông quan Tôma Văn Nguyễn (ĐQC, Sd tr.60, 61), trong *dô đốc dâng* (ông Đô Đốc Đàng), có thánh hiệu là Phê Thạch (Phê Rô), (Sd tr.61).

Thứ hai, trái lại, D'Amaral viết *ă* ở một số chữ không cần.

- **Chấp** (chạp, tháng chạp), Sd tr.59.

- **Làng boũ bàu** (làng Bông Bàu), Sd tr.57, nhưng cũng viết **Làng kẻ tranh xuyen**, Sd. tr. 57.

- **Hoảng xá xã** (Hoàng xá xã), Sd tr.58.

Thứ ba, đặc biệt, ông viết *ăn* ở mấy địa danh, chính ra phải ghi là an.

- **Ăn dương huyện** (An dương huyện), Sd tr.57.

- **Phúc ăn xã** (Phúc An xã), tr.58).

- **Nghĩa ăn xã** (Nghĩa an xã), tr.58.

- **Kẻ ăn lãng** (Kẻ An Lãng), tr.58.

- **Nghệ ăn** (Nghệ An), tr.61. Thế nhưng ông cũng viết **Nghệ an** ở một chương trên, Sd tr.61. Trong một tư liệu khác viết năm 1637, D'Amaral cũng viết Nghệ An, Sd tr.64.

Hình: Tư liệu



Dấu sao, điều chúng tôi lượm được ở đây là thế này: Nhóm người học tiếng Đàng Trong từ 1615, họ đã không thấy có nguyên âm ă trong vần quốc ngữ. Tiêu biểu là cuốn *Ngữ pháp 1651* và những áp dụng trong *Phép Giảng và Từ điển*. Còn mới ở Đàng Ngoài được 28 tháng rưỡi mà D'Amaral đã thấy trong vần quốc ngữ – tiếng Đàng Ngoài – có nguyên âm ă thực thụ, chứ không có ă giả tạo như trong tiếng Đàng Trong. Không những có ă thực thụ mà còn có đôi dào như chúng ta thấy.

Chúng tôi có thể phỏng đoán và tưởng tượng ra thế này. Năm 1630 khi trở về Macao và được chỉ định tới Đàng Ngoài thay thế de Rhodes, thì d'Amaral đã chuyên cần học tiếng Việt ngay ở Macao. Ông học với ai, nếu không là với de Rhodes hoặc với de Fontes

lúc này đang ở Macao. Nhưng hẳn ông học với de Rhodes vì ông này tinh thông hơn và rảnh rỗi hơn, de Rhodes lại biết cả hai tiếng Đàng Trong và Đàng Ngoài. Tới Đàng Ngoài, d'Amaral hẳn đã sớm nhận ra trong văn quốc ngữ có nguyên âm *ă* thực thụ. Cho nên mới hơn hai năm, ông đã viết với *ă*. Nhưng trong buổi nhiệt tình “tân binh lính mới”, ông trở thành “bảo hoàng hơn hoàng đế”, ông tiến lên hơn một bước và viết *ă* ở một số chữ không cần như *chập* (chạp), *lằng* (làng), *hoằng* (hoàng), *ăn* (an)... Dẫu sao, nguyên âm *ă* thực thụ được ghi nhận khá sớm với d'Amaral từ 1632. Cũng là một trong những lí do chúng tôi đưa ra để minh chứng rằng khi d'Amaral học thì ông đã có hai thuận lợi, một là ông được thừa hưởng những hiệu quả và kinh nghiệm của các đồng sự kể từ 15 năm nay, nghĩa là từ 1615 ở Đàng Trong, hai là ông được học trực tiếp tiếng Đàng Ngoài, tiếng thanh lịch đất Tràng An Kẻ Chợ, chứ không phải tiếng Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Qui Nhin, Bình Định. D'Amaral học tiếng Đàng Ngoài, viết tiếng Đàng Ngoài, còn de Rhodes học tiếng Đàng Trong, viết tiếng Đàng Trong vậy.

2. Nguyên âm *Ă* vào cuối thế kỉ 18

Hai tác phẩm quốc ngữ của Đắc Lộ *Phép Giảng* và *Từ điển* đã được ấn hành ở Rôma năm 1651. Nhưng về sau không thấy tái bản. Hẳn người ta đã chuyển tay nhau sao chép lại. Ở Thư viện Vatican, còn lưu

trữ một số sách viết tay bằng chữ quốc ngữ trong đó có *Phép Giảng* và *Từ điển* của Đắc Lộ.

2.1 Phép Giảng. - Về *Phép Giảng* thì có hai cuốn, một của Philiphê Bình, kí hiệu Borgiani Tonchinesi số 12, sao chép tại Lisbon năm 1797 và một của Thomê Vincentê Quỳnh Nhân. Chúng tôi không có cuốn của Bình, nhưng chúng tôi đã được đọc khi chúng tôi nghiên cứu tại Thư viện này. Còn về cuốn của Quỳnh Nhân thì hiện nay chúng tôi có một bản chụp lại. Quỳnh Nhân là một trong những đồng sự, đồng chí của Bình, đi công cán qua Lisbon thủ đô Bồ.

Nói chung, Quỳnh Nhân đã sao chép lại nguyên văn của Đắc Lộ, có một vài cách viết, ông vẫn còn theo Đắc Lộ, nhưng ông đã chép lại theo tiếng Đàng Ngoài. Riêng về nguyên âm ă, thì được phục hồi nghiêm chỉnh. Vì thế, chúng ta thấy viết:

- *Bắn, bằng, chẵn, chặt, dẳng, dặt, gắp, giặc...*

Nói tóm lại, trừ một vài chữ còn sót lại, ngoài ra tất cả đều được viết với nguyên âm ă *thực thụ*.

Phép Giảng do Quỳnh Nhân sao chép lại được ghi dưới kí hiệu Borg. Tunch. 22 (*Borgiani Tunchinesi*). Cuốn này thuộc quyền sở hữu của Bình vì có giòng chữ viết tay: “*Sách này là của thầy cả Bình*”, nhưng người sao chép là Quỳnh Nhân. “*Sách này sao và đáo (đóng) đoạn là đầu Tháng Giêng nước người. Từ Đức Chúa Bời ra đời là 1801. Kẻ Chợ nước Portuque Lisboa. Thomé Vincente Quỳnh Nhân kí*”. Còn cuốn của Bình thì được ghi như sau: “*Tôi là thầy cả*

Philiphê Bình đã viết sách này ở Kẻ Chợ nước Vutuga là tháng mười năm 1797”.

Quỳnh Nhân viết lại y nguyên nhan đề cuốn sách là: **“Phép Giảng tám ngày cho kẻ muốn chịu phép rửa tội, mà vào đạo thánh Đức Chúa Bời”**. Thế nhưng ở trang một trước khi vào *“ngày thứ nhất”* thì ông lại viết: **“Phép Giảng tám ngày, cho kẻ ngoại đạo”**.

2.2 - Từ điển. Về Từ điển, chúng tôi thấy có ba cuốn, hai cuốn Vô danh (Borg. Ton. 23 và Borg. Ton. 26) và một cuốn của Philiphê Bình.

Hai cuốn Vô danh không ghi năm tháng sao chép, nhưng chúng tôi đoán hẳn cũng vào thời kì này. Còn cuốn của Bình (Borg. Ton. 8) thì được ghi như sau: *“Thầy cả Bình sao sách này ở Kẻ Chợ nước Portugal là thành Lisboa năm 1797”*.

Nói chung, về chữ *ã* giả tạo trong cảo, đăo, khăo... thì các tác giả vẫn còn theo Đắc Lộ và cũng sửa chữa khi cần như Đắc Lộ cũng đã làm. Riêng về *tăo*, Đắc Lộ ghi *tóc*, thế nhưng ở nhiều cụm từ khác thì lại viết *tăo*. Hai tác giả, Vô danh và Bình, cả hai đều viết đồng loạt tất cả là *tóc*.

Về nguyên âm *ă* thực thụ thì các tác giả đều viết lại là *ã*, chứ không *a* như Đắc Lộ:

- *Băm, bằg, bắp, cắp, chắn, chắt, dắm, dắn, dắn, đắc...* trừ một vài chữ, thí dụ Vô danh viết *chang* (chăng), *chằg* (chẳg), còn Bình thì ghi *chắg*, *chắg*, Vô danh viết *giạc*, còn Bình thì ghi *giắc*.

Tác giả Vô danh còn viết *tăt* thay cho *tăt* trong *tăt*,

nên tắt, tắt nguyên, tắt bệnh. Tựu chung, hai tác giả này đều viết theo tiếng Đàng Ngoài, không còn có chữ *bêta Hi Lạp*, cũng không còn *Tl*, nhưng vẫn giữ *BL*, *ML*, nhất là có *ă thực thụ*, nguyên âm thực thụ vậy.

118 Dies quartus
mã hominis mortalem affe-
rere, ut Thicca ponit in se-
sta interiori: ^m sibi ipsi, ut ^m
supra monuimus, contradi-
cens: ⁿ nam præterquam ⁿ
quod hæc pestilens doctri-
na ad omnia vitia ianuam
aperit, ^o est etiam ex-
presse contra communem
animæ rationalis appeti-
tum, ^p quæ sui memoriã ^p
etiam post hanc vitam,
relinquere cupit, ^q ut pa-
tet in magnificis sepultu-
ris, quas ambit, ^r & in
alijs præclarè gestis, quæ
ad posteros etiam vult per-
uenire. ^t præterea opera-
tiones præcipuæ, quas ha-
bet Anima hominis sunt à
corpore independentes: ^z
operationes scilicet intel-
lectus, ac libera volunta-
tis, ^u quas corpore etiam
effecto exercet, ^x quod si-
gnum est illas à corpore mi-
nimè dependere, ^y imò se-
paratam à corpore liberius
exercere. ^z sed cur tandem
communiter homines par-
tum suorum, natura duce,
post eorū obitum curam ge-

Ngay thứ bốn
hồn người ta hay chết,
thì càng lố, ^m mà đều
êy Thíc ca thì ủy báng
mỗi mình, như ta đã
nói trước: ⁿ vì chưng
giáo đọc này, chẳng
những mở cửa cho mọi
tội; ^o mà lại chẳng tra
nề linh hồn ta, ^p vì có
muôn khi khỏi đời này
để dẫu mình lại, cho
người ta dõ, ^q như ta
xem nơi chốn xác mền,
mà ước làm cho trạo;
^r và việc nào đã làm
nên thì muốn để truyền
cho đời sau. ^t Sau nữa
hễ là phép trạo linh hồn
người chẳng có đủ xác,
^u mà làm việc; ^x như thế
phép trí, hay là phép có
chứa ý mền, ^y vì chưng
linh hồn ta có đủ hai
phép êy, dẫu xác đã già
^z cả, mà nhạo; ^u vì ở
hai phết nhít êy, thật
chẳng có đủ xác, ^y mà
lại khi khỏi xác thì càng
^z nghĩ làm việc êy. ^z
Lại lão bốn người ta
có mền trạo lão, giỗ
lo cho cha mẹ, khi đã

runi 2

Kết luận chung, chúng ta có thể viết, theo *Ngữ pháp 1651* của Đắc Lộ thì tiếng Đàng Trong không có nguyên âm ă, nhưng với d'Amaral từ 1632 và nhất

là với tác giả Vô danh và Philipê Bình, với Quỳnh Nhân, vào cuối thế kỉ 18, thì nguyên âm ă đã được kể là nguyên âm thực thụ trong tiếng Đàng Ngoài. Như chúng tôi đã viết ở trên, nếu theo Ngũ pháp 1651 không có nguyên âm ă, thì theo Ngũ pháp 1838 của Taberd, toàn bộ các nguyên âm được ghi nhận đầy đủ. Đắc Lộ viết: “*Như vậy đầy đủ các nguyên âm trong ngôn ngữ này thì gồm có 7, là a e i o u và thêm ơ ư như chúng tôi đã bàn giải*” (*Vocales igitur in hac lingua sunt omnino septem idest a e i o u, quibus adduntur ơ et ư, ut diximus*). Bảy, nhưng là 10, bởi vì theo tác giả, có *a* và *â*, có *e* và *ê*, có *o* và *ô*, không có *ă*, như chúng tôi đã diễn giải ở trên.

Nhưng bản văn về đầy đủ các nguyên âm trong văn quốc ngữ chúng ta sử dụng ngày nay là bản văn của Taberd, 1838: “*Các nguyên âm đơn thì gồm có a ă â e ê i y o ô o u ư*” (*Vocales simplices: a ă â e ê i y o ô ơ u ư*).

Trích Ngũ pháp tiếng Việt của Đắc Lộ



Tôi đến với cuộc đời như
đến với Mùa:

Mùa Xuân thơm nắng mới,
mùa Hạ ngào sắc hương,
mùa Thu lạnh thăm dâu bể
hay mùa Đông thấm đẫm gió sương?
Mùa vẫn đó.

Mênh mang mong ngóng mà cứ đứng
đứng như vô tình!

Một sớm mai thức dậy bỗng thấy sống
giữa Mùa.

Lông lộng mà vẫn cứ ấp yêu.

Từng hạt nắng theo tôi quán quýt,
từng sợi mưa khi dỗi khi hờn,
từng cơn gió mơn man cánh võng,
từng áng mây rợp mát lối về...

LÊ HỒNG BẢO 72

Tôi sống giữa Mùa hay Mùa ở trong tôi?
Mùa cùng tôi trầm ngâm bên ly cà phê sáng.
Mùa sánh vai tôi đến Thánh điện nguy nga.
Mùa hát với tôi bài tình ca sâu lắng.
Mùa xếp cho tôi câu thơ rất tình cờ.
Tôi bước đi giữa Mùa vô tư lự.
Nắng gió thênh thang, hoa bướm nồng nàn.
Tận hưởng những cái bắt tay ấm áp,
những ánh mắt luyến lưu,
những nụ cười thân thiện,
những chăm sóc lặng thầm...
Nợ Mùa nhiều mà trả được bao nhiêu?
Mùa vẫn đó.
Luôn sôi động dưới vẻ ngoài lặng lẽ!
Từng sợi tóc mai ướt đẫm mồ hôi,
từng thoáng ưu tư trên vầng trán ngọc...
Khánh khách tiếng cười bên long lanh mắt ướt,
cơn bệnh ngặt nghèo bên lời chúc tươi vui...
Mùa đậu trên vai chia gánh đời trĩu nặng,
Mùa sà bên gối hứng bớt nỗi ưu tư.
Mùa nặng lòng để đem đến cho đời hoa thơm trái ngọt.
Mùa khát khao làm mới mình để dâng tặng và yêu thương...
Tôi đến với Mùa chưa kịp lạ đã thân quen!
Tôi gọi Mùa là Nhà.
Mùa không còn là nơi đến mà chính là nơi trở về sau
dặm dài phiêu bạt.
Thương lắm, Mùa ơi!...

CHA GIÀ ĐƯƠNG

NGỎ THIÊN 67

“ ha già Dương” kính mến!

Đây là nickname anh em thường gọi anh Dương 65 một cách thân thương.

Khoa 67 nhỏ hơn anh Dương hai lớp, nên ngày còn Sao Biển chỉ biết anh thoang thoáng. Năm 2003, Sau biển cổ đau thương của gia đình, ông Bạn già Điệp 67 thường xuyên lên xuống thăm hỏi, động viên, thỉnh thoảng rủ mình đi Sài Gòn, trong những dịp anh em vùng trong (Sài Gòn phụ cận) hội ngộ, hay dịp P. Khấn 65 đối xử v.v... Nhờ những dịp này mình gặp gỡ nhiều anh em 65, như anh Phượng, anh Du, anh Lý, anh Dương... rồi trở thành thân quen.

Anh em Sao Biển ngày ấy học hành dang dở, lỗ thầy lỗ thợ, dầu trong bụng có ít chữ thánh hiền, nhưng thời thế mạt vận, không mấy ai thành đạt, đa phần làm nghề thợ “đụng”.

Thời đó máy tính (computer), chưa được phổ biến như bây giờ, nhưng mình bội phục hai anh Sao

Biển là anh Tôn 64 và anh Dương 65, tự mày mò học hỏi, mà sau này trở thành đại phu chữa bệnh máy tính cho thiên hạ. Rồi cũng nhờ vào cái duyên kỳ ngộ này anh được xuất ngoại nhiều lần. Khoa Cà Đú còn nhớ có lần anh kể câu chuyện, anh đã nghe được trong phòng đợi phỏng vấn đi Mỹ.

Nhân viên Lãnh sự quán Mỹ hỏi một phụ nữ đi diện con lai:

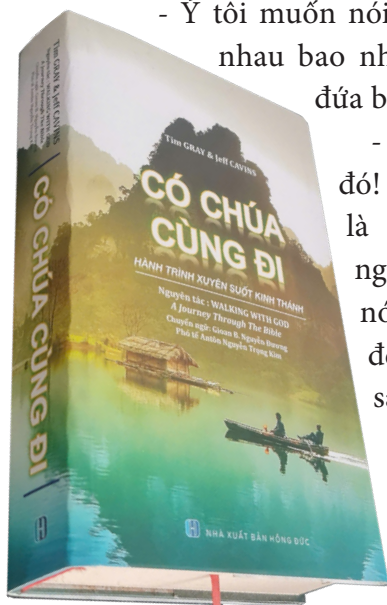
-... Thưa bà, bà đã gặp gỡ Người Hoa Kỳ này bao nhiêu lần...?

- Mấy chục năm rồi làm sao nhớ rõ.

- Ỡ tôi muốn nói, là bà và ông ấy gặp nhau bao nhiêu lần... mà sinh ra đứa bé này.

- Ông này kỳ thiệt đó! Gặp bao nhiêu lần là chuyện riêng tư của người ta... Chứ con heo nó chỉ gặp một lần mà đẻ chín mười con thì sao?!

Bà ta vừa nói vừa ra chiều giận dữ. Thấy thái độ của người phụ nữ, tên Mỹ phỏng vấn vừa gạt đầu lia lịa vừa OK luôn miệng...



Có Chúa cùng đi, tác phẩm do anh Dương cùng một người nữa dịch và in ấn để làm thức ăn đường cho anh em Sao Biển.

Tính anh là vậy, cái chất giọng khàn khàn, nói năng từ tốn, nhưng mỗi câu chuyện anh mang đến đều tạo cho anh em niềm vui, tiếng cười. Nếu qua đào tạo trường lớp bài bản, có lẽ anh cũng thành nghệ sĩ “hài”... có cỡ.

Sau đó, nhiều lần hội ngộ, thỉnh thoảng cũng gặp lại anh, hỏi thăm sức khỏe, trao nhau những câu chuyện, nụ cười... thời gian sau này không có dịp gặp lại.

Nay đọc ai tín trên mail đàn... lòng bỗng thấy buồn, thấy thương nhưng biết làm sao được... Đời người vốn dĩ vô thường, làm sao thoát khỏi chuyện tử biệt ngàn đời của tạo hóa.

Tạm biệt anh, người anh cùng mẹ Sao Biển, ước mong sẽ có ngày tương phùng, xin được mượn những vần thơ ngắn ngủi tiễn anh:

... Ngày thường vui vẻ bên nhau
 Một đêm ngắn ngủi xa nhau mất rồi
 Tiếng sầu tiếng khóc đơn côi
 Không gian vắng lặng bồi hồi nhớ nhung
 Cuộc đời đau khổ muôn trùng
 Lệ tràn mi ướt, mịt mù đau thương
 Tiễn người dòng lệ vấn vương
 Đời người sinh tử đoạn trường chia ly.

LAN MAN THÁNG 6

HUỲNH THẾ HUY 71

Hôm qua sinh nhật con bé nhà, nó nhắc...
“papa mama lấy nhau 28 năm rồi đó”.

Giật mình! Ngoảnh lại thấy đi xa đời...

Những biến cố của gia đình hầu như tập trung
vào tháng 6.



Gia đình bên vợ lúc được Cha Harrie (mang kính đen) đón về trại sau chuyến đi thập tử nhất sinh năm 1981. Hình: Tác giả cung cấp

44 năm trước, ngày 13/6, gia đình bên vợ xuống ghe từ một bãi biển nhỏ để tìm cuộc sống tự do. Mất 41 ngày sau mới được tàu cứu. Lúc đó 10 người trên ghe đã gởi xác trong lòng biển sâu.

Tôi xuống ghe vào cuối tháng 6, cũng từ cùng bến cảng đó, may mắn ngày thứ 5 được tàu vớt đưa vào Hong Kong; 3 tháng sau đáp xuống phi trường Osaka, vào trại định cư ở kế bên cạnh trại bà xã tương lai.

Chúng tôi biết nhau từ thừa hàn vi, lấy nhau giữa tháng 6 sau 15 năm đến Nhật, cả hai đều vô sản như những người tị nạn thừa ấy. Đứa con ra đời ngay ngày kỷ niệm cưới thứ ba, trở thành niềm vui, mọi thiếu thốn là chuyện nhỏ.

Một ngày tháng 5 của 18 năm trước, bệnh nặng. Nằm viện tới tháng 6 xuất viện... không nghĩ là mình sẽ nhận được thêm năng lượng nhiều hơn bao giờ hết để tiếp tục cuộc sống có ý nghĩa.

Ngay sau khi con bé vượt qua hai kỳ thi tốt nghiệp và quốc gia đầy khó khăn, đầu tháng 6 tôi về quê, hành hương ở một vài giáo đường, đặc biệt là Nhà thờ Đức Bà Sài Gòn và nhà thờ “Núi” Nha Trang để cảm tạ. Buổi trưa 12 giờ không được vào trong Vương cung thánh đường, đành đứng ngoài quảng trường dưới tượng Đức Mẹ đọc kinh. Trời nắng chang chang không dù, mới đọc vài kinh của chuỗi mân côi thứ nhất... một đám mây từ đâu kéo tới, đứng lại trên đỉnh đầu Mẹ, đã vẩy thêm những luồng

gió mát rượi. Cứ thế, mỗi chuỗi là 10 năm... 50 kinh cho 50 năm hồi tưởng. Có những lúc nhận thử thách, có những lúc yếu lòng và có những lúc cảm nhận đầy hồng ân.



Mừng ngọc khánh 60 năm linh mục của Cha vào tháng 7 năm 2015.
Hình: Tác giả cung cấp

Như đám mây cho bóng mát, chẳng khác gì sự chở che của đấng vô hình.

Năm nay, cũng muốn trở lại trại Himeji để cùng một số anh em và hội đoàn tổ chức một buổi lễ tri ân những ân nhân vùng đất này, nhất là cha Harrie dù Ngài đã qua đời. Làng Cơ Lộ, cái nôi người tị nạn và cũng là nơi bắt đầu cho những hoài bão đã trở thành hiện thực sau những tháng năm dài.

Vô cùng Cảm tạ.



Cú bấm máy “xuất thân” gương mặt cô giáo tiếng Nhật của trại định cư Himeji vào năm 1982, chỉ còn nhớ tên sensei là “Kohi”, nếu còn sống chắc đã gần 70. Hình: Tác giả cung cấp



NGÀY XUA SAO BIỂN!

TRINH ĐÌNH BIỂN SB69

Sao Biển ơi! những ngày ta ở đó
Nắng lung linh che khuất bóng sân dừa
Hồn rong chơi tù tội lũ chân mưa
Sóng biển gọi tường kềm gai loang vỡ

Hơi biển mặn tựa khói sương vương nhẹ
Hát vi vu tình tự lũ thông xanh
Tiếng chuông chiều lời kinh nguyện mong manh
Quên lạc bước đến Thiên Đường đã trễ

Những đêm dài thương Mẹ Cha rơi lệ
Vọng tiếng đời vồn vả bước chân qua

Lịm thiếp trong cơn mộng viễn du xa
Chợt thức giấc bình minh hôn môi nhẹ

Tiếng chim xa gọi ngày quên thỏ thẻ
Để lòng chùng lạc lỏng sớm lời kinh
Làn sương khuya còn ngái giấc lặng thính
Giờ Lễ sáng vương vương hồn mộng nhẹ

Những Étude kéo dài cơn mộng lẻ
Tiếng La tinh: Động, Chủ thể, giành ngôi
Để ta buồn không kết nối thành đôi
“Mea” trước rồi “Culpa” “nổi ý

Bài toán số những phương trình vô lý
Môn Triết học lý giải mãi băng quơ
Xúc tác nào hồi Lý Hóa gây ngờ
Xa vời vợi văn thơ chưa hoàn mỹ

Ôi! Lịch sử đong đầy thiên tình lụy
Lạc Long Quân sao mãi phụ Âu Cơ
Ngư Lang thương Chúc Nữ mỗi mong chờ
Nhịp Ô thuốc nối dài thêm thế kỷ

Nguyện Cha thương trong giờ học Giáo Lý
Thêm lòng con được xúu nữa tin yêu
Nâng hồn con thông hiểu ý cao siêu
Nhiệm Nhập Thể hoán đời con tự kỷ

Tháng ngày dài kéo lê vùng tiểu tụy
Sách vở bài văn vũ trí mong quên
Xin ơn Ngài khơi dậy chút bình yên
Ơn toàn hảo con dâng lời thống hối

Chiều hoen nắng, bóng lẫn sân xôi nổi
Gai iết hầu cùn cỏi những kim may
Áo Trinh Vương nường cánh gió vờn bay
Tìm huyệt hững những mộng mơ yêu vội

Sao Biển ơi! Ta xin được tạ lỗi
Buồng đùa non tiếc nuôi nửa đời xuân
Giọng cười nào lơ lửng phút phân vân
Vàng cơm cháy nhịp ca bài bất tận

Sao Biển ơi! xót thương ngày cùng vận
Nén giọt buồn hồn khắc khoải suy tư
Hoài trong lòng vắng khúc hát đời tu
Vùng ký ức chợt nhận ta huyền thoại

Sao Biển ơi! vẫn yêu ngày thơ dại
Mà mộng đời sao hoài mãi mộng lung...

NỖI BUỒN SAO BIỂN

TRỊNH ĐÌNH BIỂN, SB69

Sao Biển ơi! nhớ thương ngày thơ dại
Mà mộng dài sao hoài mãi mộng lung
Đêm tịch liêu vệt sáng buốt không trung
Buồn xâm chiếm xót xa đời Sao rặng

Rồi ký ức tràn về thên thang rộng
Vãi phù sa che khuất cả đời sông
Niệm khúc buồn cung hoài niệm mệnh mông
Lời kinh tụng lời Mẹ ru, biển động!

Một chín bảy tư, sớm ngày đầu cùng vận
Loang tin buồn vùng Chiến tuyến vỡ nhanh
Suy tư chiếm hoang mang hồn mảnh khảnh
Vấn vương buồn sương mềm đắm trăng thanh

Việt Nam ơi! Oái ăm buồn vận nước
Chút tự do! Ôi một chuỗi mong manh
Như thuyền trôi bong bóng nước tan nhanh
Đời giông tố kéo ủa thêm thù hận

An Lộc đỏ chiến tranh cuồng sóng giận
Để mùa hè thêm rực lửa tan hoang

Bao dân lành điêu đứng khóc than van
Mùi tử khí trùm dâng nguồn bất tận

Giờ cũng đến gây dấu chân Sao rụng
Khóc bụi ngùi vội tiễn vết xe lăn
Ta nghe hồn buồn da diết ăn năn
Những ngày tháng chưa vui tròn tình bạn

Sao ngày tháng vội vàng lên giới hạn
Để bạn tôi đưa Phan Thiết, Phan Rang
Đưa Bình Tuy, đưa Võ Đắc bẽ bàng
Đường xa vắng Nha Trang buồn vắng lã lã

Ta bước vội vào phòng học cô quạnh
Nén giọt buồn khơi động thì thấm đau
Ta cố lục từng khía cạnh học sâu
Chừng quên sót Lưu Bút đầy trang vở

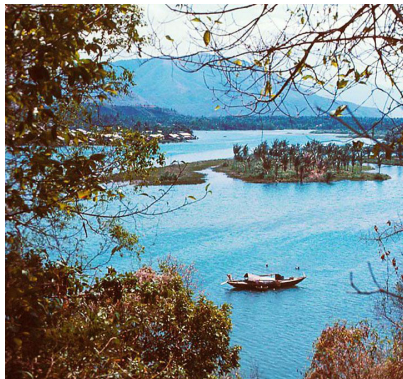
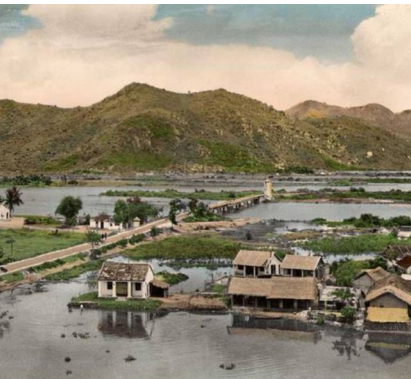
Sao Biển ơi! Xin đừng dài than thở
Mẹ đứng kia tay chấp nguyện lời kinh
Cho đàn con xa Mái ấm, lặng thỉnh
Trong tiềm thức dù đôi lần bất kính

Mẹ Sao Biển, Mẹ ơi con xin thỉnh
Lời Mẹ khuyên: con cái Mẹ soi gương
Dù đường đời ngàn sóng, khối buồn vương
Hãy gắng gượng dắt dìu nhau hướng thượng

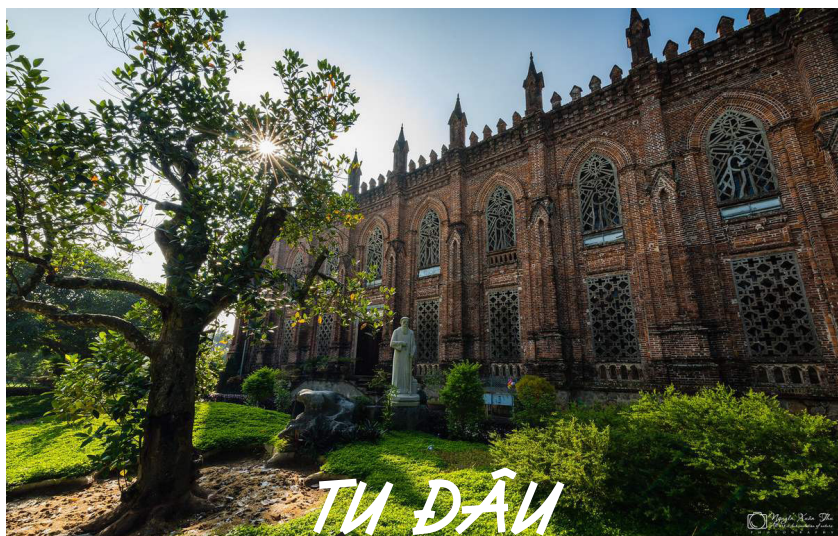


Mẹ vẫn nhớ dù đàn con muôn hướng
Mẹ là Sao, soi đôi bước chân con
Là Biển rộng bao la vòng tay gọn
Ôm đời con hôn ru mộng vàng son

Sao Biển thương yêu!
Ta, Mẹ Sao Biển của con!



Hình trái trên: Nha Trang trước năm 1900. Hình phải trên: Nha Trang trước năm 1975. Hình trái dưới: Cầu Hà Ra, Nha Trang năm 1940. Hình phải dưới: Sông Cái Nha Trang. Nguồn: Tư liệu



TU ĐÂN CHO THIẾP TU CÙNG!

NGUYỄN VĂN NGHỆ 74

Tôi được sinh ra trong một gia đình nông dân Công giáo tại làng Phú Lộc nằm bên tả ngạn dòng sông Cái (còn có tên là sông Phú Lộc), đối diện bên kia sông là thành Diên Khánh. Phía tây cách nhà tôi khoảng hơn 100 mét là ngọn núi nhỏ lạc loài giữa đồng bằng có tên là núi Sơn Lâm. Trên ngọn núi này vào năm Thiệu Trị nguyên niên (1841), chánh quyền cho thiết lập Miếu Thành Hoàng của tỉnh Khánh Hòa. Khoảng cuối thập niên 40 của thế kỷ trước, Việt Minh phóng hỏa ngôi miếu để gọi là “tiêu thổ kháng chiến”. Triều đình gọi ngọn núi Sơn Lâm là

Phú Lộc sơn qua cặp câu đối hiện còn lưu giữ ở Văn miếu Diên Khánh:

- Thiệu Trị Tân Sửu chi sơ, phụng thiết chuyên từ vu Phú Lộc lãnh.

- Minh Mạng Nhâm Ngọ nhi hậu, tiết mông gia tặng Quảng Hậu thần.

(Tân Sửu, Thiệu Trị năm đầu [1841] vâng mệnh xây đền riêng [chuyên từ - nơi thờ riêng Thần Thành Hoàng] ở đỉnh núi Phú Lộc/ Minh Mạng, Nhâm Ngọ [1822] về sau, ban ơn gia tặng cho thần mỹ tự Quảng Hậu).

Giáo xứ của tôi tên là giáo xứ Cây Vông, giáo dân đa phần cũng như nhà thờ nằm trên địa bàn làng Đại Điền Tây. Làng Đại Điền Tây và làng Phú Lộc được phân cách bởi Tỉnh lộ 8.

Thời Tiểu học, tôi học tại Trường tiểu học tư thực Cây Vông, nằm sát cạnh nhà thờ. Ngày học 2 buổi. Buổi chiều sau khi tan trường thì nghỉ giải lao sau đó sắp hàng vào nhà thờ đọc kinh chiều. Nhìn thấy “làm cha” nhà thờ rất là oai nên cuối cấp tiểu học tôi đăng ký dự thi vào Tiểu chủng viện Sao Biển Nha Trang. Nếu đậu thì vào đó tu tập để “làm cha”. Cùng đăng ký dự thi với tôi có anh bạn tên Nguyễn Đức Nhậm. Nhưng năm học 1974-1975 bắt đầu quy định tuổi vào lớp 6 và theo Sổ Rửa tội và giấy Khai sinh anh sinh cuối năm 1960. Thấy vậy cha sở Cây Vông là Gioan Phùng Văn Như bảo anh bạn về làm lại khai sinh cho hợp lệ. Khi làm lại giấy khai sinh anh lấy

tên Nguyễn Đức Nhậm, nhưng khi vào Tiểu chủng viện Sao Biển không ai gọi Nhậm mà chỉ gọi Nhậm mà thôi.

Số báo danh đi thi của tôi là số 3, còn anh Nhậm là 53. Sau khi thi xong là có giấy báo kết quả gửi về cho cha sở. Tôi xếp vị thứ 18 với số điểm 186 điểm, anh Nhậm bạn tôi xếp vị thứ 14 với số điểm 193 điểm. Lấy đậu 50 trong tổng số 139 thí sinh. Trong 50 thí sinh đậu có 5 thí sinh gọi là đậu vớt không thấy dính kèm điểm!

Khi nhập học chỉ có 48 người (anh Mai Văn Thành thuộc giáo xứ Hộ Diêm xếp vị thứ 7 với 203 điểm vì rắc rối chuyện liên quan đến gia đình nên Cố Gauthier Báu không cho nhập học; anh Nguyễn Trọng Luân đậu vớt, quê giáo xứ Hòn Thiên không hiểu vì lý do gì anh không nhập học). Ngoài ra trong lớp có thêm anh Phạm Minh Mẫn (con nhà hiệu ảnh Liên Nga, nằm ngay chân dốc Nhà thờ Núi) thuộc niên khoá 1973-1974 do bệnh nên lưu ban. Vậy lớp chúng tôi có 49 người. Khi vào Tiểu chủng viện Sao Biển, con số thêu (hoặc viết) lên áo quần của tôi là số 337, còn anh bạn Nhậm là 336.

Miền Nam được “giải phóng”, 49 anh em chúng tôi mỗi người một phương. Ngôi Trường tiểu chủng viện Sao Biển được nâng lên thành Đại chủng viện Sao Biển để làm nơi đào tạo các đại chủng sinh. Đầu thập niên 80 của thế kỷ trước, Nhà nước chiếm dụng Đại chủng viện Sao Biển, sau đó biến thành trường

Văn hoá Nghệ thuật (nay là Trường đại học Khánh Hòa nằm trên đường Phạm Văn Đồng).



Tác giả đang cùng vợ leo con dốc dẫn vào Đan Viện Châu Sơn, Đơn Dương. . Hình: Tác giả cung cấp

Tuy Tiểu chủng viện Sao Biển không còn, nhưng anh em nào còn muốn đeo đuổi để “làm cha” thì vẫn sinh hoạt ở giáo xứ của mình cư ngụ. Cứ mỗi tháng vào một ngày Chúa nhật anh em muốn “làm cha” tụ tập về khu vực các Bà Vinh Sơn (nay là Nhà Thiếu Nhi Khánh Hòa) để sinh hoạt nghe huấn đức của Giám mục Phaolô Nguyễn Văn Hoà. Vùng Cam Ranh thì tụ tập tại nhà thờ Hòa Yên.

Tôi và anh Nhậm vẫn tham gia sinh hoạt đều đặn nhưng đến cuối năm học lớp 11 tôi tự ý bỏ học và bỏ học có nghĩa là con đường “làm cha” bị chấm dứt.

Sau nhiều năm 49 anh em chia lìa thì vào năm 2007 anh em bắt đầu dần dần tìm gặp lại nhau và mỗi năm anh em đều có hội ngộ lớp.

Hè năm 2024 lớp Sao Biển 74 hội ngộ tại Đan viện Xitô Thánh Mẫu Châu Sơn ở Đơn Dương, Lâm Đồng. Thấy khung cảnh đan viện cũng như đời sống đan tu của các đan sĩ có gì đó hấp dẫn, nên trong lòng tôi cũng thích thích. Tôi bèn nảy ý với bà xã của tôi cùng đi dự hội ngộ là để cho tôi “cát ái ly thân” đáng sống đời tu.



Lớp Sao Biển 74 chụp hình lưu niệm trước cổng vào Đan viện Châu Sơn.
Hình: Tác giả cung cấp

Sau khi chụp hình lưu niệm trước lối vào Đan viện Châu Sơn, tôi lên đi vào Đan viện một mình để xin tu. Đi một đoạn để vượt qua con dốc dẫn vào Đan viện, bỗng nghe tiếng chân của ai đi theo sau lưng

mình, nên ngoảnh lại thì thấy bà xã lẽo đẽo theo sau. Tôi bèn hỏi: Em đi đâu vậy? Bà xã đáp: “Có chồng thì phải theo chồng/ Chồng đi hang rần hang rỗng cũng theo”. Tôi mới nói: Thôi để cho anh đi tu. Bà xã trả lời: “Tu đâu cho thiệp tu cùng/ Mai sau thành Phật ngồi chung một bàn”.

Nghe bà xã nói vậy nên đành phải quay lại nắm tay bà xã cùng nhau xuống núi! Chắc là tôi không có căn tu!

Ca dao có câu:

“Dẫu mà chẳng lấy được em

Anh về đóng cửa cài rèm đi tu

Tu đâu cho em tu cùng

May ra thành Phật thờ chung một chùa”.

Lời xin phép của nhóm TTSB: Xin phép cha Mai Tính 59 và Nhạc sĩ Cao Huy Hoàng (Lâm Bích) được đăng những bài viết này vào TTSB 2025. Xin cảm ơn cha và NS Cao Huy Hoàng

MAI TÍNH 59

Năm 1976, sau khi cha Thoại đi học tập cải tạo, tôi được lệnh sang dâng lễ tại GX. Hòa Yên (vì lúc đó, tôi đang làm phó xứ Hòa Nghĩa). Không bài sai, không đón tiếp, không lễ nhận chức, không tiệc tùng... Lúc đó, tôi 28 tuổi... còn rất thiếu kinh nghiệm. Sau 22 năm ở Hòa Yên, tôi về TGM (6 năm)



rồi sang Thanh Hải (hơn 5 năm) và về Ngọc Thủy (hơn 3 năm) rồi đi hưu lúc 68 tuổi.

Hòa Yên cách Hòa Nghĩa chừng 300 mét. Tôi có chiếc xe đạp không đẹp lắm. Sáng, tôi đạp sang dâng lễ rồi đạp về. Chiều, tôi lại đạp sang dâng lễ rồi đạp về ngủ tại GX. Hòa Nghĩa, lý do lúc đó, hộ khẩu của tôi ở Hòa Nghĩa vì tôi là cha phó Hòa Nghĩa. Mãi đến 5 năm sau tôi mới sang ở luôn bên Hòa Yên. Câu chuyện chuyển hộ khẩu cũng đáng nhớ.

Ông trưởng công an huyện hỏi tôi về tình hình GX. Hòa Yên, tôi nói tôi không biết vì hộ khẩu của tôi ở Hòa Nghĩa. Ông trưởng công an huyện lộ vẻ không vui, bèn lệnh cho một anh công an cấp dưới làm giấy tờ chuyển tôi sang Hòa Yên, chứ hỏi cái gì tôi cũng nói là không biết.

Thế là tôi không xin mà tự dưng được người ta làm hộ khẩu cho mình. Hồi đó làm hộ khẩu hơi bị khó.

22 năm ở Hòa Yên thì thật nhiều chuyện, làm sao tôi kể hết.

Trích Giai điệu đời linh mục

NGÀY ẤY ĐẦU RỒI

PM. CAO HUUY HOÀNG

“**N**gày ấy”, sau biến cố 1975, một số anh em chúng tôi, chủng sinh chủng viện Truyền Giáo Lâm Bích, được tập trung về Giáo Xứ Hòa Yên để tiếp tục tu học.

Sau khi Bố Giuse Maria Nguyễn Thế Thoại được mời đi tĩnh tâm dài ngày ở trại cải tạo, Cha Phêrô Mai Tính, đang phó xứ Hòa Nghĩa, được Đức Cha cử về làm lễ tại Giáo xứ Hòa Yên.

Ngày ấy, ngay từ những ngày đầu tiên dâng thánh lễ tại Hòa Yên, cha đã đề nghị anh em chúng tôi, những anh em trong nhóm Ca Lời Hằng Sống, sáng tác các bài hát phụng vụ, suy niệm Tin Mừng, thật ngắn gọn, dễ thuộc, để các em thiếu nhi và mọi người có thể tham gia phụng vụ cách tích cực nhất.

Thế là, từ “ngày ấy”, cha đã khởi xướng “những bài hát cộng đồng” qua những bài hát nhỏ, ngắn, dễ thuộc, dễ nhớ của Cha. Chúng tôi cùng tham gia.

Những thánh lễ ở Giáo xứ Hòa Yên bỗng sáng



hơn nhiều. Nhiều bài hát ngắn được tập trước giờ lễ, hát trong thánh lễ Chúa Nhật và hát cả tuần trong thánh lễ thường. Mọi người hát ở nhà thờ, hát ở gia đình trong giờ kinh, cùng nhau hát trên những rẫy mì, ruộng lúa.

Ngày ấy, với tôi, kỷ niệm đẹp nhất ở giáo xứ Hòa Yên, là kỷ niệm về những thánh lễ mà cả nhà thờ cùng hát những bài cộng đồng, thật sốt sắng. Ý hướng hát cộng đồng không bởi hội đồng, ca đoàn, hay cộng đoàn, mà là bởi một linh mục trẻ, linh mục Phêrô Mai Tính, chưa tròn ba mươi tuổi. Và với tôi, thiết nghĩ, cũng chính từ hướng “cộng đồng” ấy, đã làm nên một nhạc sĩ Mi Trầm, với những bài thánh ca chủ yếu là cho cộng đồng dễ hát, dễ thuộc, dễ nhớ, dễ gẫm suy, dễ thực hiện điều mình đã hát trong cuộc đời thường.

Nếu Thánh Nicolas nói: “Vì đoàn chiên, tôi làm giám mục”, thì tôi có thể đọc nơi cha Phêrô Mai Tính, nhạc sĩ Mi Trầm ý hướng này “Vì cộng đồng, tôi làm nhạc sĩ”.

Nếu Chúa đã ban cho Giáo Hội có những nhạc sĩ nổi tiếng về những bài thánh ca bác học như những bài hợp xướng dành cho các ca đoàn có trình độ cao, thì Chúa cũng không quên ban cho con cái Người một nhạc sĩ nổi tiếng về những bài hát cộng đồng, lưu lại trong lòng người suốt hành trình đức tin. Tạ ơn Chúa.

Ngày ấy đây rồi

“Ngày ấy đâu rồi trong ký ức của tôi?”, bởi thời gian qua đi và chiều đời trong tôi đang xuống rất vội, rất cận kề chân đồi tím! Tôi không thể nhớ nhiều hơn nữa về một Linh mục nhạc sĩ của cộng đồng, và cũng không thể kể nhiều hơn nữa ngoài một điểm son bé nhỏ nhưng vô cùng kỳ diệu!

Vâng, nhớ, thì không thể nhớ nhiều hơn... Nhưng, thấy thì tôi đang vẫn còn được vinh dự nhìn thấy. Tôi đang nhìn thấy “ngày ấy đây rồi”:

Kia, “Đoàn ta cất bước theo Chúa đi vào đời”, “Xin vâng, Mẹ dạy con hai tiếng xin vâng”, “Xin giữ con để con phụng sự Chúa”... đang được hát khắp nơi trên thế giới, từ trong nước đến các cộng đồng công giáo hải ngoại, đang là niềm vui thánh thiện cho mọi người, đang là linh đạo sống, ý hướng sống thánh cho mọi người.

Kìa, những chú bé thơ ngây ngày ấy, những chú bé say sưa hát thánh ca ở nhà thờ Hòa Yên ngày ấy, đang là những Hội đồng mục vụ các giáo xứ gần xa, đang làm những tông đồ giáo dân nhiệt thành ở đâu đó, và nhất là, có hơn hai mươi “chú bé ngây thơ của giáo xứ Hòa Yên ngày ấy” nay đã được Chúa chọn làm linh mục phục vụ dân Chúa.

“Ngày ấy đây rồi”, kìa, một công trình đang để lại: Sách hát cộng đồng, băng đĩa nhạc, và nhất là “ý hướng hát cộng đồng” lại được Ủy Ban Thánh Nhạc Toàn Quốc chủ xướng và khơi dậy những năm gần đây cho dân Chúa.

Cha Phêrô Mai Tính kính mến,

Được tin cha sắp kỷ niệm 50 năm Linh Mục, con xin tạ ơn Chúa với Cha, và gửi đến Cha chút tâm tình bé nhỏ. Xin Chúa chúc lành cho Cha.

Kính mến

22/8/2024 Lễ Mẹ Maria Trinh Nữ Vương

Nhân dịp này, toàn thể anh em CCS Sao Biển Nha Trang kính chúc mừng lễ Kim khánh của các cha anh Giuse Nguyễn Bình An 58, Phêrô Phạm Ngọc Phi 58, Joachim Đoàn Sĩ Thục 59-58, Giuse Ngô Mạnh Điệp 59, Giuse Đinh Vĩ Đại 60-59, J.B Hoàng Văn Khanh 59, F.X Nguyễn Nhị 59 và Phêrô Mai Tính 59. Xin Chúa và Mẹ Sao Biển luôn phù trợ và ban ơn xuống trên quý cha trong những ngày tháng sắp tới.



Hình chụp chung với Cha nhân dịp 60 năm thành lập trường. Hình: Tác giả cung cấp

HUỲNH THẾ HUY 71

Tôi nhớ lần đầu tiên hát bài *Xin Vàng* là khi còn trong ca đoàn Thủ Đức trước vụ vượt biên sang Nhật năm 1981. Thời điểm đó bài hát đánh trúng tâm lý của những tín đồ đang sống lo âu trong một

thể chế mà người ta đang muốn chuyển hóa thành một xã hội vô thần.

Giai điệu và lời ca theo tôi trên những cơn sóng đập chùng gần cửa tử; chỉ biết “Phó thác và cậy trông” như tinh thần ca khúc mà tác giả đã lồng vào.

Sang Nhật, có dịp phục vụ cho cộng đoàn và ca đoàn Osaka một thời gian dài, tôi vẫn thường xuyên được hát lên những ca từ đơn sơ nhưng thật đẹp và đầy ý nghĩa đó vào lúc cuối lễ. Sau này còn đưa vào thánh lễ tiếng Nhật của giáo xứ, phiên âm “katakana” cho cả tín hữu Nhật hát theo.

Vậy mà tôi có biết đâu, tác giả sáng tác ca khúc thánh ca nổi tiếng đó lại là một đàn anh thâm niên, cùng lớp với ân sư của tôi trong chủng viện Sao Biển.

Cuộc đời của Cha đúng là theo ơn “Chúa gọi”. *10 tuổi đang chơi cùng bạn bè bên hông thánh đường thì được cha xứ hỏi: “Có muốn đi tu không?” – cậu bé trả lời đơn sơ: “Đi tu làm gì?” – “Làm cha như cha đây!”* Và thế là cậu bé nhận lời... Hành trình làm “cha như cha đây” bắt đầu từ Tiểu chủng viện Sao Biển (1959), rồi tiếp tục với những chặng đường dài của đời tu: từ trường Thiên Hựu ở Huế đến trường Collège d’Adran Đà Lạt, rồi đi giúp xứ tận Sùng Nhơn, Bình Tuy, một xứ đạo bé nhỏ nhưng chan chứa tình người”. (Trích từ một bài viết trong Facebook LM Mi Trầm).

Thời cuộc thay đổi năm 75 khiến các thầy đại chủng viện, các cha mới nhận chức phải đương đầu với nhiều biến cố. Người đi “tĩnh tâm” dài hạn trong

trại cải tạo; người về quê làm ruộng chờ thời (như Đức Tổng Giuse Linh); người được điều về những nơi khỉ ho cò gáy như thầy tôi (Nguyễn Hữu Hoàng); linh mục trẻ Mai Tính (tên thật của nhạc sĩ Mi Trầm) đang làm phó xứ Hòa Nghĩa phải làm lễ cho Hòa Yên thay cho cho Cha chính xứ bị bắt... Khó khăn muôn bề, việc thi hành mục vụ không dễ dàng nhưng hơn 20 năm phục vụ cho vùng đất này, cha đã giúp cho các hoạt động truyền giáo thêm nhiều khởi sắc; đặc biệt là mảng sáng tác thánh ca, khiến ai đã từng sống nơi đây và dọn đi nơi đâu cũng nhớ đến người linh mục tài hoa, hiền hòa và khiêm nhường.

20 năm trước, khi liên lạc lại được các đồng môn Sao Biển, tôi có gọi lên diễn đàn một câu chuyện sáng tác khi mới tới Nhật, mang tính thiền của xứ Phù Tang... (Góc tối đỉnh băng sơn); nhận được lời khen từ Cha Mi Trầm, lúc đó mới hay ngài là đàn anh của mình. Thật ngưỡng mộ và hạnh phúc khi biết thần tượng qua ca khúc *Xin Vâng* là đồng môn tiền bối.

Năm nay, đúng 50 năm hồng ân linh mục và 66 năm kể từ ngày đi theo tiếng gọi “Có muốn đi tu không con”, một người đàn em ở xa xin gửi những lời chúc cảm tạ đến Cha Mi Trầm, người đã có những sáng tác luôn đẹp lòng Chúa và mang sự thánh thiện đến cho người đời.

"BOM NỮ" DƯƠNG NGUYỆT ÁNH

NGUYỄN VĂN TUẤN

Hôm qua, tôi đọc được một bài thú vị trên tờ *New York Times* viết về chị Dương Nguyệt Ánh [1]. Được Thời báo Nữ Ước viết một bài dài là đủ biết chị ấy quan trọng ra sao. Thấy bài hay nên tôi dịch sang tiếng Việt và chia sẻ cùng các bạn.

Chị Dương Nguyệt Ánh (nay đã 65 tuổi) là người sáng chế ra bom BLU-118/B được dùng trong cuộc chiến chống Al Qaeda ở A Phú Hãn / Afghanistan. Tôi lược dịch dưới đây để chia sẻ cùng các bạn.

Theo bài báo mô tả, chị ấy xuất thân từ một gia đình trung lưu ở Sài Gòn, thuộc dòng dõi Dương Khuê ở Hà Đông (1839-1902) [2]. Tháng 4/1975, chị và gia đình xin tị nạn ở Mỹ. Ở Mỹ, chị học giỏi, và sau khi tốt nghiệp, được bổ nhiệm làm trong một trung tâm nghiên cứu vũ khí của Hải quân. Sau này chị lãnh đạo một nhóm chuyên chế tạo bom, và chị nổi tiếng với loại bom BLU. Đây là loại bom tiền thân của bom GBU-57 mới được dùng ở Ba Tư / Iran.

Khi không quân Mỹ thả mảy trái bom GBU-57 vào các trung tâm hạch tâm của Ba Tư, người ta đồn rằng đó là bom chị sáng chế. Nhưng qua bài này, chị nói rõ là chị không phải là người sáng chế ra GBU-57, nhưng trái bom BLU chị sáng chế là tiền thân của GBU-57.



Cuộc đời và sự nghiệp của chị ấy đúng là tiêu biểu của một người tị nạn thời đó: Tới Mỹ với hai bàn tay trắng, tiếng Anh lôm côm, nhưng nhờ phấn đấu nên vượt qua nghịch cảnh và có những đóng góp quan trọng cho quê hương mới.

“Bom Nữ” và tiền thân của loại bom Bunker Buster được sử dụng ở Ba Tư (Iran)

Lúc còn nhỏ, sống trong khói lửa chiến tranh ở Việt Nam, Dương Nguyệt Ánh đã từng thề hứa với lòng mình rằng một ngày nào đó, cô sẽ làm điều gì đó để giúp những người lính từng bảo vệ cô và gia đình.

Vài chục năm sau, cô bé năm xưa trở thành người đứng đầu một nhóm khoa học gia của Hải quân Mỹ. Cô đã góp phần phát triển loại chất nổ có sức công phá đặc biệt, chính là tiền thân của bom “bunker buster” mà Mỹ sử dụng để đánh vào các cơ sở hạch tâm của Ba Tư / Iran. Khi đọc lại các thông số kỹ thuật của loại bom đó trên mạng, cô nhận ra ngay: đây chính là “đứa con” quen thuộc do nhóm của cô từng phát triển.

Dương Nguyệt Ánh, nay đã 65 tuổi, là một người tị nạn. Bà rời khỏi Sài Gòn trước ngày miền Nam sụp đổ vào năm 1975. Bà cùng gia đình sang Mỹ định cư tại Hoa Thịnh Đốn / Washington.

Bà luôn mang trong lòng lòng biết ơn sâu sắc với đất nước đã cứu mang mình. Và rồi, cơ hội đến đáp đến không lâu sau vụ khủng bố 11/9. Khi đó, bà là trưởng nhóm nghiên cứu tại một trung tâm nghiên cứu thuộc Hải quân Mỹ.

Nhóm của bà tạo ra loại bom BLU-118/B, được dẫn đường bằng laser, có thể xuyên sâu vào hầm trú ẩn của Al Qaeda ở A Phú Hãn / Afghanistan – nơi mà binh sĩ khó lòng tới gần một cách an toàn.

“Loại bom này tạo ra nhiệt độ cực cao, có thể thiêu rụi mục tiêu mà không cần bộ binh phải mạo hiểm tánh mạng,” bà chia sẻ.

Cũng nhờ loại vũ khí này mà nhiều chuyên gia cho rằng cuộc chiến ở A Phú Hãn đã được rút ngắn đáng kể.

Trước đó, nhóm của bà đã mất nhiều năm nghiên cứu để tạo ra loại chất nổ mới, vừa mạnh, vừa bền vững, có thể chịu được va đập khi xuyên qua bê tông hoặc đá dày. Chính công nghệ này sau đó đã được sử dụng trong loại bom phá boong-ke GBU-57 mà quân đội Mỹ dùng trong chiến dịch ở Ba Tư – trong đó có đợt không kích nhắm vào cơ sở hạch tâm nằm sâu dưới lòng đất ở Fordo và Natanz.

Dù không đưa ra bình luận gì về mức độ thiệt hại thực tế, bà Dương thẳng thắn: *“Đánh vào một cơ sở ngầm chứa vật liệu hạch tâm, sẽ phải mất rất lâu mới có thể kiểm tra trực tiếp. Không thể biết chính xác được chuyện gì đang xảy ra bên trong lúc này.”*

Nhưng khi tình cờ thấy công thức chất nổ trên mạng, bà mỉm cười: “Tôi nhớ ngay đến những gương mặt thân quen của đồng nghiệp. Ngành chất nổ không lớn, tụi tôi biết nhau và luôn phối hợp chặt chẽ. Không ai làm một mình cả”.

Cái tên “Bom Nữ” / Bomb Lady đến lúc nào bà cũng không nhớ rõ, nhưng sau này, bà trở thành niềm tự hào của cộng đồng người Việt ở Mỹ.

Cô bé bên cánh cổng Sài Gòn năm xưa

Hành trình đặc biệt của bà bắt đầu từ cuối thập niên 1960, tại cánh cổng nhà ở Sài Gòn. Khi đó, Dương Nguyệt Ánh mới 7 tuổi. Ba cô là quan chức nông nghiệp cấp cao của chánh quyền Việt Nam Cộng Hòa. Anh trai là phi công trực thăng. Mỗi lần

anh lên đường làm nhiệm vụ, cô bé lại đứng bên cổng, nước mắt lưng tròng, ước gì mình có cây đu đủ thần để tặng anh trai thứ vũ khí tốt nhất, giúp anh sống sót trở về.

Hình ảnh ấy lặp đi lặp lại mãi, cho đến một ngày, cô bé tự hứa: “Sau này, nếu có thể, mình sẽ làm ra vũ khí tốt nhất để bảo vệ những người lính”.



Tháng 4/1975, khi Sài Gòn gần thất thủ, anh trai bà và một người bạn đã đưa cả gia đình – cha mẹ, anh chị em, họ hàng – lên một tàu hải quân chạy về phía Phi Luật Tân. Họ may mắn thoát được.

Sau này, hàng triệu người Việt khác vượt biên, nhưng không phải ai cũng sống sót. Theo Liên Hiệp Quốc, có tới 250.000 người bỏ mạng trên biển.

Gia đình bà sau đó định cư ở vùng Hoa Thạnh Đốn, nhờ sự bảo trợ của một nhà thờ Baptist. “Chúng tôi đến Mỹ với hai bàn tay trắng, nghèo rất mỏng tôi, nhưng lại được những con người tốt bụng đón nhận”, bà nhớ lại.

Chính điều đó càng khiến bà quyết tâm học hành thật giỏi để báo đáp. Với học lực xuất sắc, bà Dương tốt nghiệp kỹ sư hóa học hạng ưu tại Đại học Maryland, rồi học tiếp cao học ngành quản trị công. Sau đó, bà đầu quân cho Hải quân Mỹ với niềm đam mê “những thứ kêu rít rôi nổ đùng”, như bà từng dí dỏm nói.

“Chúng tôi đã trúng số vì được sống ở đây”

Năm 2020, sau gần 40 năm cống hiến, bà Dương nghỉ hưu. chồng bà, cũng là một người Việt tị nạn, từng là kỹ sư điện toán cho một nhà thầu quốc phòng. Cả hai sống bình yên ở gần Hagerstown, tiểu bang Maryland, cùng con gái và ba con trai.

Mỗi khi cả nhà xem tivi thấy tin người trúng xổ số Powerball, bà lại nói đùa với các con: “Nhà mình trúng số rồi đó chứ, được sống ở đây là trúng độc đắc rồi”. Và rồi bà mỉm cười: “Nơi nào cũng có chỗ cần cải thiện, nhưng Mỹ là một thiên đường – đôi khi phải là người ngoài cuộc mới thấy rõ điều đó.”

Năm 2007, bà được trao Huy chương Công vụ Samuel J. Heyman – một giải thưởng danh giá của chính phủ Mỹ. Khi kể lại câu chuyện vượt biên, đứng ở cánh cổng năm xưa và hành trình gây dựng cuộc sống, bà đã khiến cả hội trường xúc động đứng dậy vỗ tay.

Bà nghẹn ngào: *“Tôi không bao giờ quên 58.000 lính Mỹ và hơn 260.000 binh sĩ miền Nam Việt Nam*

đã ngã xuống. Tôi nợ họ cuộc sống thứ hai của mình”.

Sau đó, bà đảm nhiệm vị trí lãnh đạo an ninh biên giới và hàng hải tại Bộ Nội An (Department of Homeland Security). Công việc của bà là rà soát và thẩm định công nghệ bảo vệ biên giới và cảng biển. “Tù tấn công chuyển sang phòng thủ,” bà cười.



Sau vụ đánh bom các cơ sở hạt nhân Iran, bom nữ được nhắc đến nhiều, vì bà là người đã sáng chế tiền thân của loại bom GBU-57. Ảnh: Tư liệu

Khoảng năm 2013, khi phát biểu tại một hội nghị an ninh ở Arizona, bà được giới thiệu là người đứng sau một trong những công nghệ quân sự sau sự kiện 11/9. Sau buổi nói chuyện, một cựu chiến binh từng phục vụ ở Afghanistan đến gặp bà. *“Anh ấy nói: ‘Cảm ơn chị, chị đã cứu mạng tôi và đồng đội,’”* bà kể. *“Tôi đáp lại: ‘Không, tôi mới là người phải cảm ơn anh vì đã mạo hiểm cả mạng sống.’”*

Cả hai chia tay trước khi bà kịp hỏi tên. Bà bảo: *“Tôi không kể chuyện đó với ai cả, vì có những điều không nên khoe. Nhưng thật lòng mà nói, đó là phần thưởng lớn nhất tôi từng nhận được. Hơn cả huy chương, tiền thưởng hay chức vụ – là lời cảm ơn của một người lính trở về”.*

15.07.2025

KỶ THI TỬ TÀI IBM TẠI SÀI GÒN NĂM 1974

CAO KIM DUNG

Kỳ thi Tử tài niên khóa 1973-1974 có những điều đặc biệt. Đây là kỳ thi Tử tài cuối cùng của chế độ VNCH, và cũng là lần đầu tiên Bộ Quốc Gia Giáo Dục của VNCH đã dùng máy điện toán IBM (International Business Machines) để chấm thi Tử tài.

Máy điện toán đã có từ năm 1924, nhưng ở Việt Nam vào những năm thập niên 70 thì còn hiếm, ngay cả cụm từ “máy điện toán, máy tính điện tử” cũng chưa được phổ thông thời đó.

Để chấm thi bằng máy điện toán, Bộ Quốc Gia Giáo Dục đã hợp đồng với một đơn vị quân đội Mỹ để sử dụng máy IBM lúc đó được đặt trong căn cứ quân sự, chuyên viên vận hành là quân nhân.

Máy điện toán lúc đó to như một chiếc tủ lớn, dây điện chằng chịt nối các máy với nhau.

Máy IBM chỉ chấm bài trắc nghiệm theo mẫu. Học sinh được cho làm thử trước bài trắc nghiệm, và được hướng dẫn cụ thể cách làm bài thi như thế

nào để máy có thể chấm tự động, như là phải dùng loại bút nào, chọn đánh “x” hay “khoanh” câu trả lời thế nào, nếu bỏ câu trả lời này, chọn câu kia thì làm thế nào cho hợp lệ...



Những cỗ máy tính của hãng IBM vào thập niên 1970. Hình: Tư liệu

IBM là một cỗ máy nên cần có sự rõ ràng trong cách làm bài thi thì nó chấm mới chính xác được. Bài nào làm không đúng “kỹ thuật” được hướng dẫn trước thì sẽ bị loại ra thành bài thi không hợp lệ.

Nha Khảo thí đã dự liệu có trường hợp “vô tình hay cố ý” khiến cho bài thi không hợp lệ, nên điều thêm một số giám khảo chấm “tay” những bài không hợp lệ đó.

Dù có cả người và máy chấm, nhưng kỳ thi đó vẫn gọi là Tú tài IBM.

Trước kỳ thi trên cũng có nhiều ý kiến, người thì cho rằng Bộ chưa chuẩn bị kỹ, người thì nói chấm thi mà vào căn cứ quân sự là không văn hóa... Nhưng, một trong những người có trách nhiệm tổ chức, ông Nguyễn Thanh Liêm, Chánh thanh tra, Thứ trưởng Bộ Giáo dục, trong bài “Nền giáo dục ở miền Nam 1954-1975” cho biết:

“Về thủ tục, giấy tờ từ đầu thập niên 70, Nha khảo thí đã ký kế ước với Công ty IBM để điện toán hóa toàn bộ hồ sơ thí vụ, từ việc ghi danh, làm phiếu báo danh, chứng chỉ trúng tuyển, đến các con số thống kê cần thiết.

Để thi trắc nghiệm khách quan thì cũng đã được đem vào các kỳ thi Tú tài I và II cho môn Công Dân-Sử Địa từ niên khóa 1965-66.

Nhưng phải đến 1974 thì toàn bộ các môn thi trong kỳ thi Tú tài mới gồm toàn những câu trắc nghiệm khách quan có nhiều lựa chọn (multiple choice).

Các vị Thanh tra trong Ban soạn đề thi đều có dự lớp huấn luyện về cách thức soạn câu hỏi, thử nghiệm các câu hỏi với trên 1800 học sinh ở nhiều nơi, phân tích câu trả lời (làm item analysis) của học sinh để định độ khó (difficulty index, độ khó ở đây là 60) của câu hỏi và trả lời để lựa chọn hoặc điều chỉnh câu trắc nghiệm cho thích hợp.

Tín độ (reliability; hệ số tín độ của các bài trắc nghiệm ở đây là từ 91 đến 94) và hiệu độ (validity; hệ số hiệu độ của các bài trắc nghiệm ở đây là từ 60

đến 73) của bài trắc nghiệm được tính theo đúng phương pháp thống kê khoa học.

Bảng trả lời được đặt từ Mỹ, và bài làm của thí sinh được chấm bằng máy IBM 1230; điểm chấm xong từ máy chấm được chuyển sang máy 534 (punching machine) để đọc lỗ.

Những phiếu đục lỗ này (punched cards) được đưa vào máy IBM 360 để đọc điểm, nhân hệ số, cộng điểm, tính điểm trung bình (mean), độ lệch tiêu chuẩn (standard deviation), chuyển điểm thô (raw score) ra điểm tiêu chuẩn (standard score), tính percentile và thứ hạng trúng tuyển.

Nhóm mẫu (sample) và nhóm định chuẩn (norm group) được lựa chọn kỹ càng theo đúng phương pháp khoa học của thống kê học, để tính điểm trung bình và độ lệch tiêu chuẩn”.

Đúng theo như vậy, bằng Tú tài IBM có ghi hạng trúng tuyển (thứ, bình thứ, bình, ưu, tối ưu...) và điểm từng môn thi.

Ngày trước ít có chuyện thi đậu 100%, kỳ thi Tú tài IBM cũng vậy.

Kết quả kỳ thi Tú tài IBM được ông Nguyễn Thanh Liêm ghi lại như sau:

“Thí sinh ghi tên trong khóa 1 năm 1974 là 142.356, nhưng thật sự dự thi chỉ có 129.406. Trong số này có 53.868 thi đậu (41,6%). Tổng số thí sinh dự thi khóa 2 là 94.606, nhưng thật sự dự thi chỉ có 76.494, trong số này có 8.607 thi đậu (11,3%)”.

Có thể thấy, tỷ lệ người thi đậu Tú tài thời điểm này nhiều hơn trước đó khá nhiều (hơn 45% cho cả hai khóa, so với khoảng 10% trong những thập niên trước). Kỳ thi quốc gia lúc này không còn mang tính gạn lọc, loại bỏ như xưa nữa, mà có nhiều người có cơ hội được học Đại học, trình độ dân trí được nâng cao hơn.

Người đậu Tú tài thì có nhiều lựa chọn, nhưng kẻ rớt thì sao?

“Rớt Tú tài, anh đi Trung sĩ”.

Trừ nữ sinh và những người còn điều kiện tiếp tục học thi lại, những thanh niên thi rớt thì đa phần vào lính.

Tình hình chiến sự từ 1970-1975 vô cùng ác liệt, hàng triệu thanh niên, những người trong độ “tuổi Tú tài” bị gọi vào quân đội. Có những người dù đậu nhưng cũng phải bỏ ngang việc học như những lời ca của Phạm Duy:

*“... Trả lại em yêu khung trời Đại học, con đường
Duy Tân cây dài bóng mát ...*

*Anh sẽ ra đi về miền cát trắng, Nơi có quê hương mịt
mù thuốc súng ... Anh sẽ ra đi chẳng mong ngày về...”*

Cũng xin nhắc sơ lược về các kỳ thi trước và sau 1975.

Ở miền Nam từ 1954 đến 1974, một năm có các kỳ thi:

- . Tiểu học (lớp 5),
- . Trung học đệ nhất cấp (lớp 9),

- . Tú tài 1 lớp 11,
- . và Tú tài 2 lớp 12.

Thời Pháp thuộc thì việc thi cử còn phức tạp hơn, mỗi kỳ thi lại có hai phần:

- . thi viết (écrit)
- . và thi vấn đáp (oral).

Thí sinh qua “viết” mới được vào “vấn đáp”, ai qua khỏi cả hai phần mới đậu hẳn.

Riêng Tú tài 2 lại tổ chức hai khóa (lần) trong một năm:

- . khóa 1 (premiere session) tổ chức vào đầu hè,
- . khóa 2 (duexieme session) vào cuối hè.

Việc thi cử như thế, lúc ấy đã bị chê là nặng nề, lạc hậu, Bộ Giáo dục đã chỉnh sửa và loại bỏ dần dần các kỳ thi.

Ban đầu là:

- . bỏ thi Tiểu học,
- . năm 1967 bỏ thi Trung học đệ nhất cấp,
- . năm 1973 bỏ thi Tú tài 1.
- . năm 1974 chỉ có một kỳ thi Tú tài IBM (không còn gọi là Tú tài 1, 2 như trước đó).

Như vậy, thi cử ở miền Nam từ 1974, theo kế hoạch, chỉ còn một kỳ thi cho 12 năm học bậc phổ thông. Kế hoạch là vậy, nhưng không thành hiện thực nên không thể biết dự tính kia xấu tốt như thế nào!

Sau 1975, các kỳ thi lại được phục hồi:

- . thi Tốt nghiệp cấp I (có năm gọi là Tiểu học),
- . thi Tốt nghiệp cấp II (THCS),

. thi Tốt nghiệp cấp III (THPT).

Cấp I, cấp II có năm thi, có năm không thi, trường lập Hội đồng xét công nhận, có năm thi theo trường, theo cụm.

Ngoài ra còn có các kỳ thi tuyển vào các trường chuyên.

Thời gian sau đó thì Bộ Giáo Dục lại bỏ thi Tiểu học và THCS, nhưng giữ lại kỳ thi vào lớp 10, cách thức cũng đã cải tiến, có tự luận và trắc nghiệm.

Rồi gần đây, thi tốt nghiệp Trung học và lên Đại học trở thành kỳ thi “2 trong 1” để loại bỏ số lượng kỳ thi.

Sau đây, mời các bạn đọc thêm bài viết của một “người trong cuộc”, GS Dương Đình Đống, một trong những Giám thị trong kỳ thi Tú tài IBM duy nhất của Việt Nam:

“Đó là một kỳ thi đặc biệt, lạ lùng nhất thời đó, theo sáng kiến của Ông Bộ Trưởng Giáo dục Ngô Khắc Tĩnh và các cố vấn của ông vào cuối thời Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu.

Trước kỳ thi lỗi hơn 1 tháng, một thông cáo từ Bộ Giáo Dục ở Sài Gòn, qua Nha Trung học, về các trường, yêu cầu chọn gọi về Nha để nghị các Giám khảo kỳ thi này phải là các Giáo sư có thành tích công bằng và liêm khiết!

Trường Nguyễn Huệ – Tuy Hòa sau đó chọn duy nhất mình tôi, mà sau này, trước khi lên đường đi làm nhiệm vụ tôi mới được biết.

Theo Sự vụ lệnh, tôi được cử làm Giám thị ở trường THPT Lương Văn Can ở quận 8 và làm Giám khảo tại Nha Trung học số 7 Nguyễn Bình Khiêm, quận Nhứt – Sài Gòn.

Cho đến năm 1974, hầu hết người Việt vẫn xa lạ với 3 chữ “máy điện toán”, kể cả giới học đường.

Nói đi thi Tú Tài IBM mà hầu như nhiều thầy trò chưa thể tưởng tượng ra đó là cái gì.

Trước đó vài năm các thầy cô “tiền bộ” đã cho học sinh làm “trắc nghiệm” mà các em quen gọi là “a, b, c khoanh”, nghĩa là các thầy cô – nhất là các bộ môn như Văn, Sử, Địa, Triết (các môn văn chương và xã hội) dùng lối trắc nghiệm này ra để cho học sinh ở lớp cho “dễ chấm, chấm mau”.

Với lối này, mỗi câu hỏi có 3 hoặc 4 câu đáp mà học sinh sẽ phải chọn câu đúng nhất để khoanh lại (hay đánh chéo). Còn các câu hỏi có tính cách tự luận như Toán, Lý, Hóa, Sinh vật rất ít khi dùng vì hơi khó ra đề (khó và mất nhiều công sức chứ không phải không thể!).

Trong trường Nguyễn Huệ, nhiều thầy Toán, Lý, Hóa đã ra các đề thi trắc nghiệm cho học sinh. Ví dụ, đề Toán có 3 hoặc 4 đáp án khác nhau ứng với a, b, c hay a, b, c, d; thí sinh phải tự giải và chọn câu chính xác nhất.

Điều này buộc thí sinh phải biết cách giải bài, chẳng những thế, còn phải giải cho thật đúng trước khi đánh dấu vào các ô chữ, chứ không thể nhầm

mắt đánh cầu may như trong các đề văn chương hoặc xã hội được.

Có lẽ Bộ Giáo Dục muốn giới trí thức, nhất là học sinh, sinh viên mình mau bắt kịp thế giới văn minh bên ngoài nên cho áp dụng ngay từ năm 1974 thể lệ thi Tú Tài IBM, thi cho tất cả 8 môn học: Sinh ngữ I, Sinh ngữ II, Sử Địa, Triết, Toán, Lý Hóa, Công dân và Vụn vặt.

Theo qui định, các thí sinh phải dùng bút chì



Hệ thống IBM-560/40. Hình: Tư liệu

Gilbert 2B, loại bút chì có nét mềm và tương đối đậm màu để tô vào giữa các vạch đôi (=) phía dưới các chữ a, b, c, d, e (hay A, B, C, D, E).

Học sinh không được dùng các loại bút bi, bút mực hay các loại bút chì 1B, 3B, vì như vậy máy

không thể chấm được và chỉ có thể chấm tay bằng mắt thường. Vì thế, cần có thêm các Giám khảo (người) chấm bài.



Hệ thống máy tính chấm thi tú tài năm 1974 là của quân đội Mỹ, do cơ quan DAO quản lý. Hình: Tư liệu

Mặt khác, trên mỗi tờ giấy thi mỗi môn của thí sinh (tờ A4) có ghi rõ tên, họ, ngày tháng năm sinh của thí sinh cùng địa chỉ và không thể cắt phách – một thủ tục lâu đời – được.

Các Giám khảo có thể nhìn vào đó mà biết rõ bài thi của ai, ở đâu. Vì thế đòi hỏi Giám khảo hết sức liêm chính!

Giám khảo chúng tôi được chia làm 3 tốp, mỗi tốp lại chia riêng làm 8 bộ môn: Triết, Sinh ngữ I, Sinh ngữ II, Sử Địa, Toán, Lý, Hóa, Công dân và Văn

vật. Khi chấm bài thì bộ môn nào ngồi tách biệt theo bộ môn đó.

Bộ Giáo Dục không có máy IBM, phải thuê của quân đội Mỹ, cơ sở đóng ở Tân Sơn Nhứt, rất rộng lớn, có tường rất cao, nằm bên kia đường Trường Sơn (tên đường mới bây giờ), đối diện với phi trường Tân Sơn Nhứt.

Mỗi tổp như vậy làm việc mỗi ngày lối 5 giờ:

- . Từ 6 đến 11 giờ;
- . 12 đến 17 giờ,
- . và 18 đến 23 giờ.

Ăn uống tự túc.

Các tổp phải có mặt ở số 7 Nguyễn Bình Khiêm 1 giờ trước khi vào ca của mình. Các tổp được sắp xếp luân phiên các ca cho công bằng và đỡ chán.

Đến giờ định, các chiếc xe Hải Âu màu vàng của Mỹ do chính các tài xế người Mỹ lái, chạy không dừng từ đó vào thẳng căn cứ D.A.O (Defense Attaché Office / Văn phòng tùy viên quân sự).

Người Mỹ rất kỷ luật, đúng giờ, nhất là tuyệt đối giữ im lặng và bí mật. Suốt cả tháng làm việc, từ các tài xế đến các nhân viên trong căn cứ, không hề nói chuyện với bất cứ ai trong chúng tôi.

Chúng tôi được thông báo mang theo áo ấm và ai ngồi đầu phải ngồi chỗ đó suốt buổi làm việc, không được chạy lộn xộn, không được nói chuyện ồn ào. Muốn vào phòng máy phải đi qua 3 dãy nhà, đúng hơn là 3 luồng nhà nối tiếp nhau; mỗi luồng có độ

lạnh khác nhau, lạnh dần từ ngoài vào trong. Nhà trong cùng nơi đặt máy là nơi lạnh nhất.

VIỆT NAM CỘNG HÒA
HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC VÀ THANH NIÊN
NHÀ KHẢO THÍ

CHỨNG CHỈ TÚ-TÀI PHỔ THÔNG

Số ký danh: 11-3444

CHÁNH-CHỦ-KHẢO HỘI-ĐỒNG KHẢO-THÍ

Nhận-thực thí-sinh **VU THỊ NGỌC THUY**
 Sinh ngày 23 tháng 06 năm 1956
 tại **SÀI GÒN**
 đã trúng tuyển kỳ thi TÚ-TÀI PHỔ-THÔNG
 Ban **KHOA HỌC THỰC NGHIỆM A** hạng **ƯU + BK.HBGG**
 khóa ngày **26-06-1974** tại **SÀI GÒN**
 với điều-kiện được Ông Tổng-Trưởng Bộ Văn-Hóa Giáo-Dục
 và Thanh-Niên phê-chuẩn.

Môn thi	Điểm	Hệ số
Công dân	19,84	1
Triết	40,00	2
Vạn vật	78,40	4
Toán	40,00	2
Sử Địa	40,00	2
Sinh ngữ I : PHÁP	40,00	2
Sinh ngữ II : ANH	19,96	1
Lý Hóa	80,00	4
Tổng cộng :	358,20	

SAIGON, ngày 8 tháng 8 năm 1974

Người lập chứng chỉ
 Họ và Tên **Trần Văn Chánh**
 Chữ ký *Trần Văn Chánh*

CHÁNH-CHỦ-KHẢO

Họ và Tên **Phạm Văn Tấn**
 Chữ ký *Phạm Văn Tấn*

Văn bằng tú tài thể hiện điểm số do máy IBM chấm. Năm 1974, nhiều bài thi phải chấm tay vì máy loại ra. Hình: Tư liệu

Ngày đầu, giám khảo nào tự thấy mình khỏe, không đem theo áo ấm, khi gặp phải cái lạnh khủng khiếp nơi phòng để máy phải run lập cập, thất kinh!

Nhà đặt máy to bằng nửa sân vận động, đặt hàng vài trăm cái máy IBM to và cao bằng những tủ đứng lớn quay lưng vào nhau.

Chỉ những người Mỹ lo việc chạy máy chấm bài, nhưng trong lúc chúng tôi làm việc thì không thấy bóng dáng người Mỹ nào cả mà chỉ thấy nhiều chồng bài đã xếp sẵn chờ đợi chúng tôi: đó là những bài thi không hợp lệ bị máy loại ra, phải chấm lại bằng tay.

MÙI TRƯỜNG HỌC

NGUYỄN LỤC KHOA 67

*“Tôi hồi nhỏ, hai tay còn bỡ ngỡ
Sáu tuổi đầu chưa hiểu nghĩa anh em
Tay run run, ngòì bút chứa dịu mềm
Rất sung sướng được nghe... mùi trường học...”*

 ó những mùi hương thật đặc biệt, không nồng nàn, không lan tỏa, nhưng làm cho chúng ta rung rúc, nhớ thương một thuở học trò.

Tôi ra đời sớm... thời gian đã quá nửa thế kỷ, vật đổi sao dời, mọi thứ dường như quên lãng. Thế nhưng trong tôi vẫn còn phảng phất đâu đây mùi hương thương nhớ: “mùi trường học”.

Mùi trường học tinh khôi, khờ dại, nhưng đáng yêu vô cùng, sự thánh thiện trong ngần, ngời lên trên từng khuôn mặt, dấu gờ nghếch, lấm lem.

Cái mùi chua chua, khét lẹt, mùi bùn đất, mùi rơm rạ, mùi khói lam chiều ôm lấy mái tranh của những đứa học trò nhà quê, một buổi đến lớp, một buổi ra đồng thả trâu bò giúp cha mẹ. Mùi trường

học tỏa ra hương học trò đọng lại, trên từng miếng xoài, từng trái cóc chua, từng chùm khế ngọt bên gói muối ớt, hít hà cay nồng, cả đám tùm lại trong giờ ra chơi, hay khi tan học. Mùi trường học là những giọt mồ hôi lấm tấm trên vầng trán ngây thơ, bặm môi nắn nót từng con chữ, con số, là sự tận tụy của Thầy cô, miệt mài vun đắp hành trang cho thế hệ mai sau, là bụi phấn bay bay, đọng lại trên mái tóc của “người lái đò”... đã bạc màu sương khói.



Quên sao được tiếng thước gõ gõ nhịp đều đều trên bảng đen, xen lẫn tiếng ê a đánh vần. Tiếng xuyết xoa vì bị khê tay do lười biếng... Tất cả đã đưa chúng tôi qua bậc tiểu học như một khung trời cổ tích.

Bước vào trung học trong một ngôi trường, không phượng hồng, không bóng áo dài tha thướt, không có

tán bàng xanh, không có bằng lăng tím thủy chung, không có khung trời mơ mộng nhìn qua khung cửa sổ, cũng không còn như thuở trường làng dào nhau trên con ngựa sắt, mọi thứ đều để lại sau cổng sắt của trường học. Chúng tôi lao vào học tập, chơi đùa theo thời khóa biểu nhất định, kỷ luật sống khắt khe, hướng về một tương lai vô định, như chiếc thuyền nan chòng chành giữa đại dương mệnh mông.

Dù không biết tương lai sẽ đi về đâu, nhưng tuổi hoa niên vẫn vô tư, học hành, vui chơi, không vụ lợi, không sang hèn, không phân biệt xấu đẹp, năm tháng bên nhau. Hàng tuần mong đến chiều thứ 5 và Chúa nhật để được ra ngoài “thể gian” giải stress, khi thì đi ngắm thiên hạ tắm biển Hòn Chồng, lúc đi Tháp Bà xem du khách xì xụp xin xăm bói quẻ, chỉ



Những lớp học ở thôn quê nghèo nàn như lớp này ở làng Kailalia, Nepal sẽ làm ta nhớ mùi trường học nhiều hơn và lâu hơn. Hình: Opinionator

tội cho bà Thiên Y Thánh Mẫu, ngàn năm soi bóng già nua bên dòng sông Cái bên lở bên bồi. Đôi khi được các anh lớp lớn dẫn lên trường bắn Đường Đệ lượm cartouche về làm đồ lưu niệm... hoặc đi dạo những nơi khỉ ho cò gáy, như Phù Sa, Núi Sạn.

Năm tháng thoi đưa, tất cả đã trưởng thành theo mùi cơ thể, sĩ số lớp hụt dần, từ nhiều nguyên nhân chủ quan đến khách quan, nhưng chủ yếu do sự quan liêu của các bậc tiền bối, bởi ơn gọi Sao Biển khác ơn gọi Lâm Bích, ơn gọi địa phận Nha Trang khác ơn gọi Phan Thiết (P. Hiên 67), ơn gọi Việt Nam khác ơn gọi Úc (P. Toàn)... nhưng thôi tất cả là “Thiên ý”!

Ở ngôi trường không có mùa chia tay lưu luyến đắm nước mắt, không có những dòng lưu bút đầy vơi cảm xúc, cũng không có giây phút ngồi bên nhau nghe con tim xao động. Bởi từ năm đầu vào học đến khi kết thúc bậc trung học sĩ số còn lại của lớp chúng tôi chỉ bằng số lượng cầu thủ ra sân của một đội bóng đá...

Thế rồi:

“Trải qua một cuộc bể dâu

Những điều trông thấy mà đau đớn lòng”...

Ngôi trường giờ đây chỉ còn trong ký ức.

Nếu... không có những ý tưởng táo bạo, khơi mào, quy tụ anh em cựu Sao Biển vùng Sài Gòn & phụ cận, nếu không có mail đàn cựu Sao Biển, nếu không có những anh em hy sinh cho những lần hội ngộ thì “mùi trường học” mãi mãi chôn vùi trong sâu thẳm dĩ vãng...



Một ngôi trường làng ở Việt Nam. Hình: Báo PNO

*“Năm tháng hết để rồi năm tháng nổi
Lòng đã già hơn cả mái rêu xưa
Tiếng mày tao từ đó đến bây giờ
Năm một xó như ngôi trường bạc phúc”...*
(Tôn Nữ Hường Hoa)



**Một muỗng cà phê mật ong
là công sức cả đời của 12 con
ong. Muỗng mật ít ỏi này có
được từ khoảng 30.000 cánh
hoa với hành trình bay 1.200km**

A photograph of a dense grove of tall palm trees, likely coconut palms, with a semi-transparent text overlay. The trees are tall and slender, with light-colored trunks and dark green fronds. The ground is covered with fallen palm fronds and debris. The text "KỶ NIỆM VỀ GỖ CÀNH" is written in a stylized, yellow, handwritten font across the center of the image.

KỶ NIỆM VỀ
GỖ CÀNH

NGUYỄN VĂN NGHỆ 74

 hời điểm hiện nay là giữa tháng 10 năm 2024 giá cau đạt xấp xỉ khoảng 100 ngàn đồng một ký. Không biết trong tương lai giá cau còn tăng nữa hay không?

Nhân dịp cau có giá, tôi xin ghi lại đôi kỷ niệm của tôi về cây cau.

Trước đây đại đa số phụ nữ Việt Nam đều ăn trầu. Mẹ của tôi cũng không nằm ngoại lệ đó. Mẹ tôi sinh năm Canh Thân (1920). Khi tôi lớn lên thì đã thấy trước sân nhà có 12 cây cau cao khoảng gần 10 thước rồi. Nghe mẹ tôi kể 12 cây cau ấy là do ông bác thứ hai của tôi trồng vào đầu thập niên 50 của thế kỷ trước.

Tôi có đến 5 người anh trai, nên mỗi khi bẻ cau, mẹ tôi nhờ mấy ông anh tôi trèo. Người trèo cau không rành thì phải dùng “nài”. Nài được làm bằng một sợi dây thừng (thường ở quê dùng bẹ chuối khô) cột gút hai đầu dây lại. Nài rộng khoảng gần 4 tấc. Khi trèo cau thì xỏ nài vào hai bàn chân (nếu hơi rộng thì bẻ nài làm hình số 8 rồi bả vào thân cây cau để làm điểm tựa, hai tay ôm thân cây cau, rồi rút hai

bàn chân lên trên làm điểm tựa, cú thế mà trườn lên tới buồng cau. Khi đến nơi thì bẻ một trái cau chẻ ra làm đôi xem “dày” chưa. Sau khi chẻ đôi trái cau, thấy chính giữa thịt cau đã lấp đầy là cau “dày” rồi. Nếu còn một lỗ trống chính giữa thì gọi là cau non chưa “sít” (chưa dày). Nhiều nhà có trồng cau nhưng ngặt mỗi khi bẻ cau phải nhờ người bẻ thì cau gần “dày” cũng bẻ luôn. Cách thức bẻ buồng cau: dùng câu liềm (hoặc dao) cắt hai mép buồng cau dính vào thân cau rồi dùng tay nắm đầu buồng cau bẻ quặp xuống là tách được buồng cau ra khỏi thân cau. Sau đó để buồng cau trên bắp đùi từ từ tuột xuống.

Kinh nghiệm người xưa dạy cách trồng cau: “Trồng cau giao lá, rộng cá giao vi”, có nghĩa là khi trồng cau, lá giữa hai cây cau giao nhau. Còn rộng (nhốt) cá thì vi của cá phải giao nhau, để cá ít cựa quậy, khỏi bị trầy xước da cá. Trồng cau giao lá là để khi trèo bẻ cau không cần phải trụt xuống rồi leo lên cây khác, như vậy tốn sức, mà chỉ cần lắc nhẹ người là ôm sang cây cau kế bên để bẻ buồng. Ngoài ra thời vụ trồng cau được người xưa căn dặn: “Đầu lứt trồng chuối, cuối lứt trồng cau”.

Khi tôi học lớp năm, do mấy ông anh đi xa, không ai bẻ cau, mẹ tôi năn nỉ nhờ tôi bẻ cau, tôi từ chối vì trước đây tôi chưa bao giờ trèo cau. Do mẹ tôi quá năn nỉ nên tôi cũng rón trèo nhưng khi lên đến buồng cau, nhìn xuống đất thấy sâu thăm thẳm, nên tôi sợ và khóc oà trên cây cau. Thấy vậy mẹ tôi bảo tôi trụt xuống.

Cau sau khi bẻ xuống thì đến công đoạn “lặt cau” (xin đừng nghĩ bậy. Ở quê tôi gọi là “lặt cau” chứ không phải “hái cau/ bẻ cau”. Lặt = ngắt, như: Lặt rau) bỏ vào thúng, rồi đem cất hai ba hôm sau đó mới đem cau trái ra “bửa” (bỏ). Cau mới bẻ xuống mà bửa liền hơi khó bửa một chút.

Cách thức bửa cau: Dùng con dao chẻ dọc khoảng 1/3 trái cau rồi lách vỏ ra, kể đến chẻ dọc 1/2 vỏ cau còn lại là ta lấy được ruột trái cau, rồi chẻ hai ruột trái cau đem ra sân phơi. Khi phơi lặt mặt chẻ lên trên cho mau khô. Đôi khi bửa cau xong lại gặp trời mưa thì phải sấy cau. Cau đã bửa được trải đều trong rổ tre và đặt trên than hồng và lâu lâu phải trộn đều lên, nếu không sẽ bị khô áp một mặt.



Trong đám cưới người Khmer Nam Bộ có lễ xin cắt bẹ hoa cau trên cây cau ở nhà trai, sau đó nhà trai đem hai bẹ hoa cau sang nhà gái.. Hình: Tư liệu

Mẹ tôi nói: Cau sấy ăn ngon hơn cau phơi nắng. Cau phơi khô đem cất nhưng lâu lâu phải đem ra phơi nắng chớ không cau khô sẽ bị mốc ăn.

Khi không còn cau tươi để ăn trâu, mẹ tôi mới dùng đến cau khô. Mẹ tôi đem cau khô ra ngâm trong một cái ca nhôm để ngâm cau. Như thế miếng cau sẽ mềm ra.

Mỗi khi tàu cau từ màu xanh đổi màu sang màu vàng là sắp đến mùa cau trổ hoa. Tàu cau khi chuyển sang vàng hết cả tàu thì tự động tách ra khỏi thân cau rụng xuống đất, mẹ tôi đem chặt tàu cau làm hai: phần dưới là mo cau đem phơi nắng. Khi phơi dùng ván gỗ hay gạch đá ép xuống cho thẳng cái mo cau. Mo cau dùng để gói cơm khi đi rừng núi hay làm đồng xa, mo cau dùng làm gàu có cán để múc nước tưới cây hoặc để múc đường nóng khi dựng che đào lò ép mía nấu đường hoặc làm quạt mo cau. Ngày nay mo cau bán rất có giá dùng làm chén đĩa trong các quán ăn.

Còn phần lá, mẹ tôi tước 1/3 lá đem phơi để nhúm bếp, phần còn lại mẹ tôi túm cột đầu lá lại phơi khô để làm chổi quét nhà, quét sân. Một cái chổi chỉ cần 4 tàu cau phơi khô. Mẹ tôi róc phần thân tàu cau rồi dùng lạt tre bó phần thân lại làm cán chổi. Sau khi bó xong, mẹ tôi vót một thanh tre to bằng khoảng ngón tay, mới đóng vào chính giữa thân cán chổi gọi là cái “nòng” để cho cán chổi cứng cáp rồi đem cây chổi tàu cau vừa bó xong ra hàng rào dây kẽm gai cao

phần lá lên kẽm gai để tước bỏ bớt phần lá khô cho cây chỗi nhẹ bớt.

Trước đây khoảng nửa thế kỷ, mỗi khi lượm được tàu cau rơi xuống khỏi cây, chúng tôi dùng làm xe kéo mo cau. Một người ngồi trợn trong mo cau, hai tay nắm chặt phần tiếp giáp giữa lá và mo cau, hai ba đứa khác nắm phần lá kéo chạy bay bùn.

Sau khi tàu cau rụng xuống đất thì ló ra bẹ hoa cau dính vào thân cau. Bẹ hoa cau khi ấy chưa bung ra, khoảng hai ba ngày sau bao bẹ hoa cau mới bung ra khi ấy một mùi hương thơm lan toả khắp vườn

Trong đám cưới người Khmer Nam Bộ có lễ xin cắt bẹ hoa cau trên cây cau ở nhà trai, sau đó nhà trai đem hai bẹ hoa cau sang nhà gái. Tại nhà gái có lễ cắt bẹ hoa cau ra (cắt bẹ bao hoa cau). Hoa cau nằm trong bẹ, được bao bọc không một loài ong bướm nào có thể chạm vào hoa. Hoa cau trắng là màu thánh thiện và tượng trưng cho trinh tiết của cô gái sắp sửa về nhà chồng. Hoa cau thơm mùi hương thoang thoảng, ngọt ngào như hương tình yêu đôi lứa¹.

Còn tập tục người Việt khi nhà trai sang nhà gái thì phải có mâm trầu cau. Buồng cau phải trên trăm trái. Mặc dù hiện nay chỉ còn đôi ba người ở thôn quê ăn trầu, nhưng mâm trầu cau không thể thiếu trong lễ cưới hoặc lễ cúng ở các miếu Bà.

Kỷ niệm về cây cau vẫn luôn đầy ắp trong ký ức của tôi.

¹ <http://thanhdiavietnamhoc.com/bieu-tuong-hoa-cau-trong-/>

MARIA VALTORTA, NGUYỄN KIM NGÂN 59 chuyển ngữ

 hị kiến Thánh Gia trong cơn xuất thần. Đó là ở nước Ai Cập. Tôi không thể hoài nghi vì tôi nhìn thấy hoang mạc và một kim tự tháp.

Tôi nhìn thấy một căn nhà nhỏ trắng toát, nó chỉ có tầng trệt. Một căn nhà đáng thương của *những người rất nghèo*. Các vách tường vừa được trát vữa nhám và sơn lại chỉ bằng một lớp vôi. Căn nhà nhỏ có hai cửa chính gần nhau và thông vào hai gian duy nhất, nơi mà lúc này tôi không đi vào. Nhà nằm giữa một khu đất cát hẹp bao quanh là những cây lau sậy rễ đâm sâu vào trong đất, một biện pháp bảo vệ lỏng lẻo chống lại bọn trộm cắp. Thứ này chỉ có thể dùng để chống lại chó hoặc mèo lang thang nào đó. Nhưng thật ra ai lại có ý tưởng đến ăn cắp ở nơi chẳng có chút bóng dáng nào của sự giàu có này?

Trên vòng vây lau sậy bao quanh trở nên rậm rạp hơn và ít thê thảm hơn, người ta để cho những dây leo mọc đầy, đó là những dây bìm bìm khiêm tốn. Chỉ trên một phía, vươn lên một cây hoa lài đang trở hoa và một bụi hoa hồng thuộc một trong những loại phổ biến nhất. Đất được canh tác kỹ lưỡng, mặc dù khô



THÁNH GIA Ở AI CẬP

khan cần cỗi để tạo thành một khu vườn nho nhỏ. Tôi nhận thấy những cây rau sống mọc rất èo uột trong một vại vạt đất nhỏ ở chính giữa, dưới vòm một cây to mà tôi không thể nhận dạng, nó tỏa ra một ít bóng mát trên vùng đất nắng cháy bởi mặt trời và trên căn nhà nhỏ. Nơi gốc cây này, có buộc một con dê con lông trắng lốm đốm đen, nó đang nhấm nháp và nhai lại một vài nhánh lá cây vút rải rác trên mặt đất.

Tại đây, trên một chiếc chiếu trải trên mặt đất, có Con Trẻ Giêsu đang ngồi chơi. Theo tôi nhận thấy, Bé Giêsu độ chừng hai tuổi, tối đa là hai tuổi rưỡi. Bé chơi với những mẫu gỗ khắc, hình như đó là những con chiên hay ngựa và những tấm gỗ trắng ít xoắn hơn những sợi tóc vàng hoe của Bé. Với đôi tay mũm mĩm, Bé tìm cách đeo những sợi dây chuyền bằng gỗ trên cổ những con vật.

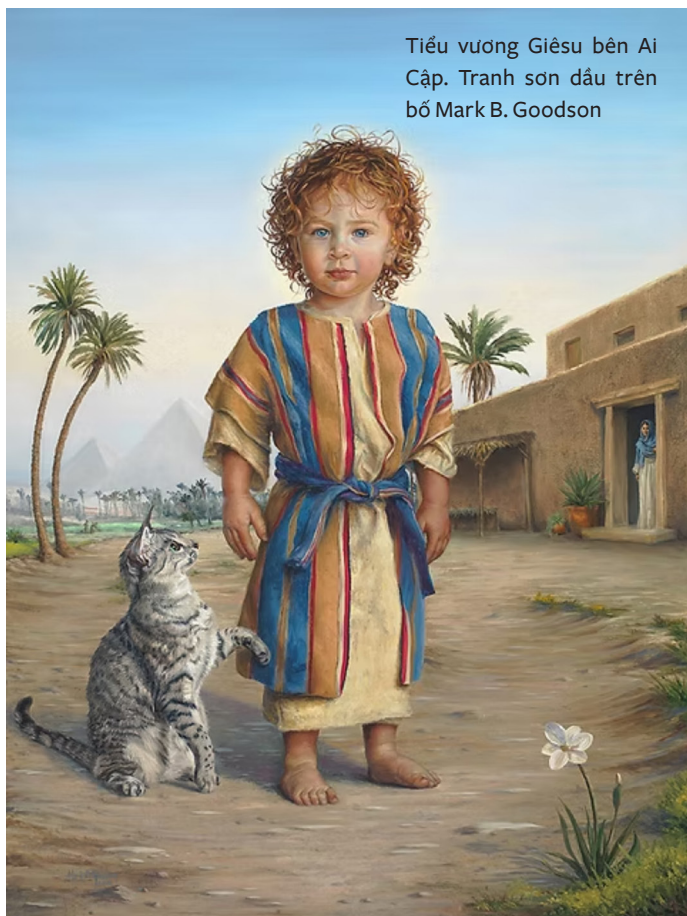
Bé Giêsu tốt bụng và vui vẻ. Rất xinh đẹp. Một mái đầu nhỏ với những lọn tóc vàng đều xoắn tít, dày thật là dày. Nước da sáng, phớt hồng, đôi mắt lanh lợi, sáng rực, có màu xanh da trời sẫm. Vẻ mặt khác hẳn một cách hiển nhiên, nhưng tôi nhận biết màu mắt của Bé Giêsu của tôi: hai viên ngọc xa-phia sẫm rất đẹp. Bé Giêsu mặc một chiếc áo sơ mi trắng dài được dùng thay cho áo *tunique*. Các ống tay áo dài đến tận cùi chỏ. Chân không mang bất cứ thứ gì vào lúc này. Đôi xăng-đan nhỏ xíu nằm trên chiếu và được dùng làm đồ chơi cho Bé. Bé mắc vào đó các con vật đang lôi kéo đôi xăng-đan bằng một dây cu-roa cú như đó là một xe kéo nhỏ. Đó là đôi xăng-đan rất giản dị: một cái đế và hai sợi dây, một dây xuất phát từ mũi chân và dây kia từ gót chân. Dây xuất phát từ mũi chân sau đó rẽ đôi ở một vị trí nhất định. Một phần xuyên qua lỗ dây cu-roa đến từ gót đế móc nối với phần khác tạo thành một vòng ở cổ chân.

Hơi xa đó một chút, Đức Maria cũng ở dưới bóng cây. Ngài đang làm việc trên khung dệt kiểu nông

thôn và theo dõi Cậu Bé. Tôi thấy đôi bàn tay mảnh mai và trắng nõn của ngài tới lui khi ném con thoi trên khung dệt, còn chân mang xăng-đan đang đập pê-đan. Ngài mặc một áo *tunique* màu tím hồng giống như màu hoa cà. Ngài để đầu trần, vì thế tôi có thể quan sát mái tóc hoe của ngài được rẽ thành hai dải vắt trên đầu. Rồi hai dải tóc được đan thắt thật đơn giản và buông xõa trên gáy một cách thông thả. Những ống tay áo của ngài dài và chật hẹp hơn. Không có đồ trang sức nào khác ngoài vẻ đẹp và sự biểu hiện rất dịu hiền tỏa ra từ gương mặt ngài. Nước da, màu tóc và màu mắt, dung mạo ngài, tất cả hoàn toàn giống như tôi thường nhìn thấy. Ở đây, ngài rất trẻ trung gần như ở độ tuổi hai mươi. Có một lúc ngài đứng dậy và cúi mình về phía Bé Giêsu; ngài sửa lại đôi xăng-đan cho Bé bằng cách cột dây một cách chu đáo. Sau đó, Ngài vuốt ve và đặt một nụ hôn lên đầu và mắt của Bé. Bé Giêsu nói ấp a ấp úng và ngài đáp lại nhưng tôi không hiểu những lời nói đó. Rồi ngài quay lại khung máy dệt; ngài trải rộng một khăn vải trên sợi ngang và cầm lấy chiếc ghế đầu mà ngài đã ngồi rồi mang nó vào trong nhà. Bé Giêsu đưa mắt nhìn theo ngài nhưng không quấy rầy ngài khi ngài để Bé ở lại một mình.

Chúng ta thấy công việc đã kết thúc và trời chiều xuống dần. Mặt trời hạ thấp xuống trên những bãi cát trơ trụi và toàn bộ bầu trời đỏ rực lên như một trận hỏa hoạn thực sự sau kim tự tháp phía xa xa.

Tiểu vương Giêsu bên Ai Cập.
Cặp. Tranh sơn dầu trên
bố Mark B. Goodson



Đức Maria trở lại, nắm lấy tay Bé Giêsu, và bảo Bé đứng dậy khỏi chiếu. Bé vâng lời mà không cưỡng lại. Trong khi người Mẹ thu nhặt các đồ chơi, cuộn lại chiếu rồi đưa vào trong nhà. Bé Giêsu chạy lon ton về phía con dê nhỏ rồi ôm chầm lấy cổ nó. Con dê con kêu be be và cà mồm vào vai Bé Giêsu.

Đức Maria quay lại. Lúc bấy giờ ngài đội một vải trùm dài trên đầu và tay ôm vò nước. Ngài nắm lấy bàn tay Bé Giêsu và cả hai đi về hướng mặt tiền khác bằng cách vòng quanh ngôi nhà nhỏ.

Tôi vừa theo dõi hai người vừa chiêm ngắm bức tranh duyên dáng. Đức Maria điều chỉnh bước chân của ngài theo bước chân của Bé Giêsu đang chạy lon ton bên cạnh. Tôi nhìn thấy những gót chân màu hồng nâng lên và hạ xuống với dáng đi duyên dáng đặc biệt của trẻ con trên cát. Tôi chú ý đến chiếc áo *tunique* của Bé không phủ xuống tận bàn chân nhưng chỉ tới giữa bắp chân. Chiếc áo thật xinh xắn, hết sức giản dị, được thắt lại ở thân mình bằng một sợi dây màu trắng.

Tôi thấy hàng rào trước nhà bị chặn lại bởi một tấm mắc lưới kiểu thôn quê. Đức Maria mở nó ra để bước ra phố. Đó là một đường phố nghèo nàn ở mút đầu của một thị trấn hay của một xứ sở nào đó, nơi mà nó được thay thế bởi một vùng quê. Đó là một đường lát cát với một căn nhà nhỏ khác với một cái vườn nho nhỏ. Tôi không thấy ai. Đức Maria nhìn về phía trung tâm chứ không hướng về vùng quê, cứ như ngài đang mong đợi ai đó rồi đi về phía bể nước hay một cái giếng nào đó ở cách xa mười mét bên trên, ở đó những cây cọ tạo thành một vòng tròn bóng mát. Tôi thấy phần đất tại nơi đây phủ đầy cỏ xanh tươi mơn mớn.

Tại đây, tôi nhìn thấy một người đàn ông không quá cao lớn nhưng khỏe mạnh đang từ đường phố

tiến đến. Tôi nhận ra thánh Giuse đang mỉm cười. Ngài trẻ trung hơn khi tôi nhìn thấy ngài trong lần thị kiến về Thiên Đàng. Ngài khoảng chừng hơn bốn mươi tuổi. râu và tóc ngài rậm và đen, nước da sạm hơn, mắt màu đen sẫm. Một gương mặt trung thực và dễ chịu, một gương mặt gợi lên niềm tin tưởng. Khi nhìn thấy Bé Giêsu và Đức Maria, thánh Giuse vội vàng bước nhanh hơn. Ngài mang trên vai trái một loại cửa và bào, tay ngài cầm những dụng cụ thợ mộc khác với dụng cụ hiện nay, nhưng không khác lắm. Hình như ngài vừa mới quay về sau khi hoàn tất công việc nơi nhà một người quen nào đó.

Ngài mặc một chiếc áo không dài lắm có màu xám hung lẫn với màu hạt dẻ - nó dài xuống tận trên mắt cá chân một ít - các ống tay áo dừng lại ở cùi chỏ. Nơi thắt lưng, hình như có thắt một sợi dây nịt bằng da. Một thứ trang phục đặc trưng của người lao động. Chân ngài mang xăng-đan với các dây buộc chéo nhau ở mắt cá.

Đức Maria mỉm cười. Bé Giêsu thốt lên những tiếng reo vui mừng và duỗi cánh tay một cách thoải mái. Khi cả ba người gặp nhau, thánh Giuse cúi xuống để đưa cho Bé một trái cây có hình dáng và màu sắc của trái táo. Rồi ngài giang hai cánh tay ra. Bé Giêsu rời khỏi Mẹ và vùi mình trong vòng tay của thánh Giuse, rồi giấu đầu trong hốc bả vai của ngài, ngài trao cho Bé và nhận từ Bé những nụ hôn. Một động tác tràn đầy tình thương âu yếm.

Tôi quên nói là Đức Maria vội vàng đón lấy những dụng cụ nghề mộc của thánh Giuse để ngài được rảnh tay ôm lấy Bé Giêsu.

Sau khi thánh Giuse cúi xuống vừa tầm với Bé Giêsu, ngài đứng lên lại để dùng bàn tay trái cầm lại các dụng cụ và cánh tay phải ôm siết Bé Giêsu vào bộ ngực lực lưỡng của ngài. Ngài tiến về phía ngôi nhà trong khi Đức Maria đi đến bồn phun nước để múc đầy vò nước.

Bước vào trong khuôn viên ngôi nhà, thánh Giuse đặt Bé Giêsu xuống đất, nắm lấy khung dẹt của Đức Maria và đưa vào nhà rồi đi vắt sữa dê. Bé Giêsu cẩn thận quan sát những công việc này rồi nhìn thánh Giuse nhốt lại dê trong góc nhỏ của căn nhà.

Chiều xuống. Tôi quan sát hoàng hôn màu hồng biến thành màu tím lam trên vùng đất cát nơi không khí đang còn hùng hực bởi sức nóng. Kim tự tháp xem ra âm u hơn.

Thánh Giuse đi vào căn nhà rồi vào căn phòng, nơi vừa dùng làm xưởng mộc vừa làm nhà bếp và nhà ăn. Có thể một căn phòng khác được dành làm chỗ nghỉ ngơi nhưng tôi không đi vào đó. Ở trên mặt đất, có một bếp lửa đang cháy và cũng trong căn phòng này, có một bàn mộc, một cái bàn nhỏ, những chiếc ghế đầu, những chiếc kệ với một vài bát đĩa và hai cây đèn dầu ở phía trên. Trong một góc, có đặt khung dẹt của Đức Maria. Thật hết sức ngăn nắp và sạch sẽ đâu ra đó.

Đây là một sự ghi nhận của chính tôi: trong tất cả những lần thị kiến có liên quan đến cuộc sống trần thế của Bé Giêsu, tôi chú ý Bé Giêsu cũng như Đức Maria và thánh Giuse cũng như Gioan luôn luôn có những trang phục tinh tươm và sạch sẽ, mái tóc được trau chuốt kỹ, không cầu kỳ, những chiếc áo mặc khiêm tốn, một kiểu tóc giản dị nhưng đứng đắn khiến cho các ngài có tính cách khác biệt.

Đức Maria quay về với chiếc vò và cửa ra vào được khép lại khi đêm xuống thật nhanh. Căn phòng được thắp sáng bằng một cây đèn do thánh Giuse thắp và đặt trên bàn mộc nơi ngài còn cúi mình làm những công việc vặt trong khi Đức Maria chuẩn bị bữa ăn tối. Ngọn lửa cũng rọi sáng cả căn phòng. Hai bàn tay tựa vào bàn mộc, Bé Giêsu ngẩng đầu lên quan sát thánh Giuse làm việc.

Rồi tất cả gia đình ngồi vào bàn sau khi cầu nguyện. Dĩ nhiên mọi người không làm dấu thánh giá nhưng cầu nguyện. Chính thánh Giuse đọc lời nguyện và Đức Maria đáp lời. Nhưng tôi không hiểu gì cả. Có thể đó là một bài thánh vịnh. Nhưng mọi người thốt ra những lời đó trong một thứ ngôn ngữ mà tôi hoàn toàn mù tịt.

Sau đó, mọi người đều ngồi vào bàn. Lúc bấy giờ, cây đèn dầu được đặt trên bàn. Đức Maria ẵm bé Giêsu lên mình và cho Bé uống sữa dê. Ngài nhúng những mẩu bánh nhỏ cắt ra từ một ổ bánh mì tròn, với vỏ bánh màu đen. Có thể đó là một thứ bánh

mì làm bằng bột lúa mạch đen hay đại mạch. Bởi vì đó là bánh mì xám có chứa nhiều cám. Thánh Giuse cũng ăn bánh với pho mát, một miếng pho mát kèm theo nhiều mẩu bánh. Sau đó Đức Maria đặt Bé Giêsu ngồi trên một chiếc ghế đẩu nhỏ phía trước mặt ngài. Ngài mang ra những loại rau luộc – hình như chúng được luộc chín và nêm gia vị giống như chúng ta thường làm – Ngài cũng dùng rau luộc sau khi dọn ra cho thánh Giuse dùng. Bé Giêsu im lặng ăn một trái táo và mỉm cười nhô ra hàm răng trắng nõn. Bữa ăn kết thúc với những trái ôliu hay chà là tôi không được rõ lắm; những trái ôliu không quá bóng láng, nhưng còn chà là thì quá cứng. Không có rượu nho. Đó là bữa ăn của những người nghèo.

Nhưng mọi người hít thở bầu không khí chan hoà bình an trong căn phòng này. Cảnh tượng của một căn phòng giàu sang của một vị vua sẽ không thể cho tôi nhìn thấy điều gì ảm áp như thế. Một sự cảm thông hài hoà biết chừng nào!

Tối nay, Chúa Giêsu không nói gì. Người không giải thích cho tôi cảnh tượng. Người giáo huấn tôi qua cơn xuất thần được dành cho tôi, và chỉ có thế. Ước gì tôi luôn được như vậy và được chúc phúc như thế này.

Trích từ: L'Évangile tel qu'il m'a été révélé

CHÚA GIÊ-SU SỐNG BÊN AI CẬP LÂN MAU?

CHRISTOPHER R. SMITH, CHATQPT dịch

Khởi điểm của hành trình mà Giuse, Maria và Hải Nhi Giê-su xuống Ai Cập diễn ra ngay sau khi các đạo sĩ rời đi, trước khi Hêrôđê kịp nhận ra – chỉ vài ngày hay vài tuần sau – rằng họ sẽ không quay lại triều đình như đã hứa.

Tin Mừng theo thánh Matthêu kể rằng: sau khi các đạo sĩ lên đường về xứ mình, “một thiên thần Chúa hiện ra cùng Giuse trong giấc mộng và phán: ‘Hãy chỗi dậy, đem con trẻ và mẹ Người trốn sang Ai Cập. Ở đó cho đến khi ta báo tin, vì Hêrôđê đang tìm con trẻ để giết.’”

Chúng ta không thể xác định chính xác mốc thời gian này theo sử liệu. Tuy nhiên, chắc chắn không quá hai năm sau khi Giê-su ra đời, bởi lẽ Hêrôđê đã ra lệnh giết tất cả các bé trai ở Bê-lem dưới hai tuổi, căn cứ vào thời điểm mà các đạo sĩ nói họ thấy ngôi sao. Còn theo Tin Mừng Luca, Giê-su sinh ra vào thời “cuộc kiểm tra dân số đầu tiên dưới thời



Quirinius làm tổng trấn xứ Syria,” tức là vào khoảng năm 6 TCN đến 4 TCN. (Dù lịch Công nguyên vốn định tính từ khi Chúa giáng sinh, nhưng việc tính toán ban đầu không chính xác, nên mốc A.D. thực ra bắt đầu muộn hơn một chút).

Chúng ta lại biết rõ hơn về lúc kết thúc thời gian lánh nạn. Matthêu viết tiếp: “Sau khi Hêrôđê chết, thiên thần Chúa hiện ra cùng Giuse trong giấc mộng tại Ai Cập và phán: ‘Hãy chỗi dậy, đem con trẻ và mẹ Người trở về đất Israel, vì những kẻ tìm hại mạng sống con trẻ nay đã chết rồi.’” Hêrôđê băng hà vào năm 4 TCN. Như vậy, tùy theo năm sinh chính xác của Giê-su, cuộc lánh nạn ở Ai Cập kéo dài không quá hai năm, và có thể chỉ vài tháng, thậm chí vài tuần.

Theo giả thuyết hợp lý nhất, Giê-su sinh khoảng năm 6 TCN, các đạo sĩ đến Giêrusalem khoảng hai năm sau (4 TCN), và ngay năm đó Giuse cùng gia

đình trốn sang Ai Cập, rồi sau khi Hêrôđê qua đời họ trở về. Vì thế, quãng thời gian Ngài ở Ai Cập có lẽ chỉ vào khoảng vài tháng.

Một điều rút ra từ cuộc khảo cứu này là: Vua Hêrôđê Cả, người đã trị vì suốt 33 năm, đã qua đời chỉ một thời gian ngắn sau khi ra lệnh tàn sát các hài nhi tại Bê-lem. Thông thường, chúng ta không dễ dàng thấy ngay sự báo ứng xứng đáng đối với những tội ác dã man như vậy; nhưng trong trường hợp này, dường như kẻ thủ ác đã rất nhanh chóng theo chân các nạn nhân vào cõi chết và phải ra trước công lý Thiên Chúa.

Một câu hỏi thú vị khác được nêu ra là: bởi vì Chúa Giê-su đã tìm được nơi nương náu với tư cách người tị nạn tại Ai Cập trong một khoảng thời gian, liệu Ngài còn giữ trong lòng một món nợ ân tình nào đó với vùng đất tạm dung này không? Và liệu điều ấy có phải là một động lực bổ sung để Thiên Chúa muốn thực thi công lý cho mọi phía trong những tranh chấp đang diễn ra tại Trung Đông ngày nay? Đây chỉ là suy đoán, nhưng quả thật gợi nhiều suy nghĩ.

Tuy nhiên, điều mà Tin Mừng Matthêu muốn chúng ta ghi nhận trước tiên từ biến cố này chính là cách Giê-su đã **tái hiện lại lịch sử Israel trong chính cuộc đời Ngài**. Tác giả đã trích lại lời ngôn sứ Hôsê khi nhắc đến biến cố Xuất Hành: “*Ta đã gọi con Ta ra khỏi Ai Cập*”, và cho thấy rằng qua hành trình sang Ai Cập, Giê-su đã “ứng nghiệm” Kinh Thánh, tức là

Ngài mặc cho câu Kinh Thánh ấy một tầng nghĩa sâu xa và viên mãn hơn, nhờ vào ý nghĩa thiêng liêng của chính cuộc đời Ngài.

Tin Mừng này cũng chỉ ra nhiều cách khác mà Giê-su đã tái hiện lịch sử Israel, chẳng hạn: Ngài trải qua 40 ngày trong hoang địa, nơi mà dân Israel xưa kia từng lang thang 40 năm. Sau cùng, qua cái chết và sự phục sinh, Giê-su khai mở một “Israel mới” – gồm tất cả những ai, thuộc mọi dân tộc, đặt niềm tin và phó thác nơi Ngài. Hành trình ngắn ngủi sang Ai Cập, dù có lẽ chỉ kéo dài vài tháng, cũng là một dấu chỉ nhỏ bé nhưng rõ ràng hướng về viễn tượng ấy.

Có độc giả đặt câu hỏi tiếp theo: *“Thiên thần nào đã báo mộng cho cha mẹ Giê-su đi sang Ai Cập?”* Kinh Thánh không nói rõ. Chỉ chép rằng: “một thiên thần Chúa hiện ra cùng Giuse trong giấc mộng” và cảnh báo rằng gia đình phải trốn sang Ai Cập để bảo toàn sự sống của Hài Nhi trước sự truy sát của Hêrôđê. Vì vậy, chúng ta không biết đích xác đó là vị thiên thần nào.



Asunción de la Virgile Maria (Đức Mẹ hồn xác lên trời) Tranh Vẽ dầu

Lễ Đức Mẹ hồn xác lên trời

MÔNG NHƯNG MÀ MÔNG NÀO?

NGUYỄN VĂN NGHỆ 74

Theo Lịch Phụng vụ Công giáo thì hằng năm cứ đến ngày 15 tháng 8 Giáo hội mừng Lễ Đức Mẹ hồn xác lên trời.

Lịch Phụng vụ công giáo trước 1975 gọi là Lễ Đức Trinh nữ Maria hồn xác lên trời.

Trong Phụng vụ Công giáo có hai ngày lễ liên quan đến “Thăng thiên”. Đó là ngày lễ Chúa Giêsu Thăng thiên (Ascensio Domini) và Lễ Đức Trinh nữ Maria hồn xác lên trời (Assumptio Beatae Virginis Mariae). Tên lễ bằng tiếng Latin được dịch thành Lễ “Đức Trinh nữ Maria hồn xác lên trời” đầy đủ ý nghĩa hơn như cách gọi hiện nay: Lễ “Đức Mẹ hồn xác lên trời”!

Chúa Giêsu về trời khác với Đức Maria về trời:

- Một đằng là Thiên Chúa: Chúa Giêsu về trời sau khi hoàn tất công cuộc cứu chuộc ở trần gian.

- Một đằng là thụ tạo: Đức Maria được Chúa đưa về trời sau khi mãn phần lữ khách. Theo Tông truyền

thì sau khi Đức Maria từ trần, các môn đệ đem thi hài Đức Maria táng vào huyệt, khi ấy không có mặt Thánh Tôma. Sau khi táng xác Đức Maria hoàn tất thì Thánh Tôma mới về và với mong muốn nhìn mặt Đức Maria nên đã giở nắp mồ ra cho Thánh Tôma nhìn. Nhưng khi giở nắp mồ ra thì không còn xác Đức Maria trong mồ nữa và mùi hương ngào ngạt từ mồ tỏa ra.

Giáo hội dùng 2 từ ngữ khác nhau để chỉ việc hai đấng lên trời. Chúa Giêsu thì dùng từ “Ascensio”, còn Đức Maria thì dùng từ “Assumptio”.

Lịch Phụng vụ công giáo trước Công Đồng



Vatican II gọi Lễ Đức Mẹ hồn xác lên trời là Lễ Đức Bà Mông Triệu Thăng Thiên.

Mông triệu nghĩa là gì? Mới đây trên trang Facebook Nguyễn Chương-Mt có bàn đến hai chữ “Mông triệu”.

Tác giả Nguyễn Chương đã đem 2 chữ “Mông triệu” bằng chữ Hán để bàn. Một chữ “Mông” thuộc bộ Tịch vốn đọc là “Mộng” và một chữ “Mông” thuộc bộ Thảo. Riêng chữ “Triệu” thuộc bộ Khẩu.

Theo tác giả “Mông triệu” trong “Đức Bà Mông Triệu Thăng Thiên” là chữ “Mông” thuộc bộ Tịch: Mông triệu chuyển ngữ từ Dormition, gốc từ tiếng



Dormición de Nuestra Señora (Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời), Chân Phước Angelico (1395-1455)

Latin “dormire” nghĩa là “ngủ”, “ngủ thiếp đi”. Tác giả giải thích: Mông là giấc mộng, giấc ngủ/ Triệu là gọi về, đưa về. Hiểu sát nghĩa là “được gọi về, đưa về trong khi ngủ (an giấc)”

Theo đó Đức Mẹ an giấc ngàn thu (“Mông” viết nét bộ Tịch) và được Thiên Chúa đưa về trời (“Triệu” viết nét bộ Khẩu).

Tác giả không đồng ý “Mông triệu” viết nét bộ Thảo: Có vài sách, trong đó có Tự điển Công Giáo viết “Mông” bằng ký tự khác (ký tự “Mông” bộ Thảo) có ý nghĩa là được. “Mông triệu” viết bộ Thảo chỉ mang nghĩa “Đức Maria được gọi về” (được triệu “về trời”). Vậy Đức Maria “được gọi về” lúc còn sống hay lúc an giấc ngàn thu?

Tác giả kết luận: Chính vì vậy Mông triệu nên viết “Mông triệu” (viết nét bộ Tịch) (như trong tit bài viết thì chúng ta mới diễn đạt chân xác ý nghĩa Đức Mẹ Maria an giấc ngàn thu (“Mông”) và được Chúa đưa về (“Triệu”) Nước Trời.

Trong Từ điển Hán Việt không có từ “Mông triệu” thuộc bộ Tịch như tác giả nêu, chỉ có “Mộng triệu”= điềm chiêm bao (Triệu bộ Nhân chớ không phải bộ Khẩu). Mộng (Mông) bộ Tịch có nghĩa là ngủ thiếp, chiêm bao chớ không phải an giấc ngàn thu.

Bài viết “Lễ Đức Mẹ hồn xác lên trời: Sự khác biệt” của linh mục Anphong Nguyễn Công Minh, ofm đăng trên trang web Người Công giáo Việt Nam chấp nhận từ “Mông” bộ Thảo nhưng lại giải thích:

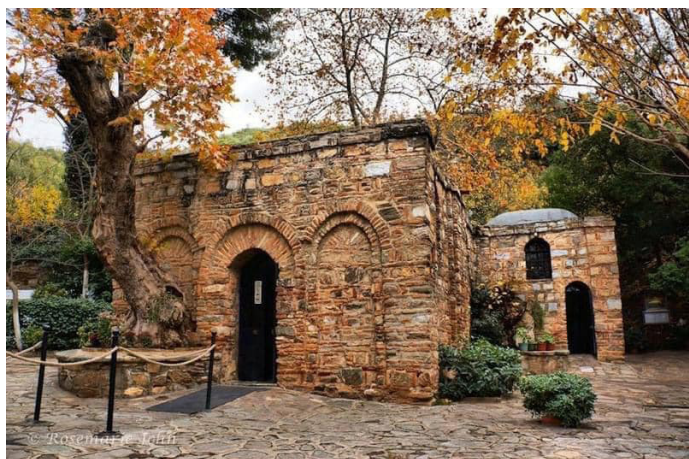
“Có lẽ từ ngữ xưa, Lễ Mông triệu, nói được ý này hơn. Mẹ được triệu về nơi cao xa. Mông là cao xa: mông lung, mênh mông. Triệu là gọi về, gọi đến. Triệu tập”

Từ “Mông” trong “Mông triệu” thuộc bộ Thảo có nghĩa là “bị, chịu, được”. Ví dụ: Mông ân=chịu ơn/ Mông nạn=bị nạn/ Mông triệu=được vời... Đức Maria sau khi an giấc ngàn thu như bao người trần thế, được chôn cất, sau đó được “Mông Chủ (Chúa) sủng triệu” (Được Chúa ưu ái vời về trời).

Kinh Tiền tụng đọc trong ngày Lễ Đức Trinh Nữ Maria Hồn Xác Lên Trời xác tín: “... Chúa đã chẳng muốn để cho Người chịu cảnh hư nát trong mồ, vì Người đã sinh hạ Con Chúa là nguồn mọi sự sống, vì là Đấng đã nhập thể trong lòng Người cách kỳ diệu”.

Như vậy dùng từ “Mông” bộ Thảo với nghĩa “Được” trong “Mông triệu” mới đúng ý nghĩa của ngày Lễ Đức Trinh nữ Maria hồn xác lên trời.

NGÔI NHÀ ĐỨC MẸ Ở TRƯỚC LÚC LÊN TRỜI



Đức Giáo Hoàng Piô XII, vào năm 1951, dựa trên tín điều Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời, đã gọi ngôi nhà của Đức Mẹ Maria Đồng Trinh là thánh địa. Thánh Giáo Hoàng Gioan XXIII đã xác thực vĩnh viễn sự công nhận ngôi nhà này. Hình: Tư liệu

Cách thị trấn miền biển Kusadasi (Thổ Nhĩ Kỳ) trên bờ tây của biển Aegea khoảng 27 km là một địa điểm linh thiêng trong các chuyến hành hương của cả tín hữu Công giáo lẫn Hồi giáo.

Nơi đây tọa lạc Meryem Ana Evi, tức “Ngôi nhà của Đức Mẹ Maria Đồng Trinh”, trên núi Koressos thuộc vùng Ephesus. Tương truyền, Đức Mẹ Maria

đã được Thánh sử Gioan đưa đến cư ngụ tại ngôi nhà bằng đá này cho đến ngày Đức Mẹ lên trời.

Ngôi nhà của sự nhiệm mầu

Ngôi nhà khiêm tốn có cấu trúc toàn bằng đá, được xây dựng theo kiến trúc La Mã thời xưa, và hiện đã trở thành nhà nguyện nhỏ. Các nhà khảo cổ học giám định nơi này cho rằng hầu hết cấu trúc có niên đại từ thế kỷ VI hoặc VII, trong khi nền tảng của nó có thể còn xa hơn gấp nhiều lần, và có lẽ có niên đại từ thế kỷ thứ nhất, tức vào thời Đức Mẹ Maria còn tại thế. Theo thời gian, phần còn lại của ngôi nhà được người đời sau bổ sung, như các cảnh quan sân vườn và kiến trúc phía ngoài.

Vào mùa hè trong năm, những hàng người dài dằng dặc nối đuôi nhau đến đỉnh Koressos, chờ đợi đến lượt mình tiến vào nhà nguyện nổi tiếng. Khi bước vào, người hành hương sẽ thấy trước mặt là hai hàng ghế hai bên, nơi bạn có thể quỳ xuống và cầu nguyện. Một số người lại chọn quỳ trước bàn thờ. Trên bàn thờ có đặt một bức tượng nhỏ của Đức Mẹ Đồng Trinh, xung quanh là những đóa hoa đầy màu sắc. Thông thường, không được phép chụp ảnh bên trong nhà nguyện, trừ trường hợp đặc biệt như các chuyến thăm của Đức Giáo Hoàng. Bên ngoài ngôi nhà có một “bức tường ước nguyện”, trên đó treo đầy những tờ giấy hoặc mảnh vải ghi lại những mong ước chân thành của người hành hương đến nơi này. Một đài phun nước gần đó được kể rằng có thể chữa

lành bệnh tật hoặc mang lại khả năng làm mẹ cho phụ nữ.

Sự phát hiện kỳ diệu

Theo sách của tác giả người Đức Clemens Brentano (1778-1842), ngôi nhà này được phát hiện vào thế kỷ 19 theo sự mô tả trong thị kiến của Chân phước Anne Catherine Emmerich (1774-1824), nữ tu dòng thánh Augustinô ở Đức. Chân phước Emmerich từ năm 1802 cho đến khi qua đời đã mang trên người các vết thương của mào gai, và từ năm 1812, có hằn dấu thánh trên ngực và một vết thương tương đồng với vết giáo đâm. Nhà văn Brentano, đã gặp nữ tu vào năm 1818 và túc trực bên cạnh cho đến khi bà mất vào năm 1824, ghi chép lại các thị kiến về những ngày cuối đời của Chúa Giêsu, cũng như chi tiết về cuộc đời Đức Mẹ Maria và chuyến di cư của Mẹ tới Ephesus từ khoảng 2.000 năm trước.

Nhờ vào một trong những thị kiến được ghi lại, linh mục người Pháp tên Julien Gouyet vào năm 1881 đã tìm đến ngôi nhà của Đức Mẹ Maria Đồng Trinh. Theo Wikipedia, Chân phước Emmerich từng mô tả ngôi nhà là do thánh Gioan Tông đồ đã xây dựng ở Ephesus cho Đức Maria, nơi mà Mẹ đã cư ngụ cho tới khi về với Chúa. “Đức Maria không cư ngụ ở Ephesus, nhưng ở một nơi gần đó... Nhà Đức Maria ở trên một ngọn đồi phía bên trái con đường hướng đến Jerusalem, cách Ephesus khoảng 3

giờ rưỡi. Ngọn đồi này dốc đứng về phía Ephesus.... Những đường đi bộ hẹp dẫn về phía nam tới ngọn đồi gần đỉnh của nó là một cao nguyên không bằng phẳng, đi mất khoảng nửa giờ”.



Liên tiếp nhiều Giáo Hoàng đã đến thăm địa điểm thánh thiêng của Đức Mẹ. Hình: Tư liệu

Chân phước Emmerich cũng mô tả các chi tiết khác của ngôi nhà, chẳng hạn như được xây bằng những viên đá hình chữ nhật, các cửa sổ đặt cao lên gần mái nhà bằng phẳng và ngôi nhà gồm 2 phần với nền bếp lò ở giữa ngôi nhà. Ngài còn tả thêm vị trí của các cửa ra vào, hình dạng của ống khói ... Cuốn sách liệt kê các chi tiết trên có tựa đề “The Life of the Blessed Virgin”, được xuất bản năm 1852 ở München, Đức.

Các chuyến thăm của nhiều Giáo Hoàng

Giáo hội Công giáo chưa hề công nhận hoặc bác bỏ tính xác thực của ngôi nhà vì thiếu chứng cứ khoa học cụ thể. Tuy nhiên, Đức Giáo Hoàng Lêô XIII, vào năm 1896, đã làm phép cho đoàn hành hương đầu tiên đến viếng nơi này, chứng tỏ quan điểm tích cực của Giáo hội đối với ngôi nhà lịch sử tại Ephesus. Bản thân ngài cũng đích thân viếng thăm ngôi nhà. Đến thời Đức Giáo Hoàng Piô XII, vào năm 1951, dựa trên tín điều Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời, đã gọi ngôi nhà của Đức Mẹ Maria Đồng Trinh là thánh địa, và Thánh Giáo Hoàng Gioan XXIII sau đó đã xác thực vĩnh viễn sự công nhận đó cho nơi này.

Liên tiếp nhiều Giáo Hoàng đã đến thăm địa điểm thánh thiêng của Đức Mẹ. Chân phước Phaolô VI đã tới viếng ngày 26.7.1967, sau đó là Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II ngày 30.11.1979, còn Đức Bênêdictô XVI cũng theo bước những người tiền nhiệm khi đến nơi này ngày 29.11.2006 nhân chuyến tông du 4 ngày ở Thổ Nhĩ Kỳ.

Kinh Thánh

Thánh sử Gioan viết lại, Chúa Giêsu trước khi chịu khổ hình trên thập giá đã tin tưởng nhờ cậy ngài chăm sóc mẹ mình. “Đây là mẹ của con”, và kể từ giây phút đó, thánh Gioan đã xem Đức Maria như mẹ ruột. Sách Công vụ tông đồ sau đó đã ghi lại số phận của các thánh tông đồ sau khi Chúa Giêsu qua

đời. Thánh Stêphanô bị ném đá đến chết vào năm 37. Thánh Giacôbê bị chặt đầu vào năm 42. Và những vị thánh tông đồ khác bắt đầu việc rao giảng Lời Chúa. Thánh Gioan truyền giáo tại Tiểu Á, và ngài đã đưa Đức Maria theo để bảo vệ.



Bên ngoài ngôi nhà có một “bức tường ước nguyện”, trên đó treo đầy những tờ giấy hoặc mảnh vải ghi lại những mong ước chân thành của người hành hương đến nơi này. Hình: Tư liệu

HỒ DZẾNH - CON THIÊN NGÀ HÓT TRƯỚC KHI NHẮM MẮT

NGUYỄN KHẮC XUÂN

Tôi mê thơ Hồ Dzếnh từ những năm xưa, khi tập thơ Quê Ngoại được xuất bản ở Hà Nội, năm 1943. Tôi cũng đã thích thú đọc Một truyện tình 15 năm về trước, ký tên Lưu Thị Hạnh. Có một tập sách ít người để ý tới, đó là quyển *Tác phẩm đầu xuân*, cũng do Nguyễn Hà xuất bản năm 1944, trong đó ngoài mấy bài thơ văn ký tên Hồ Dzếnh còn có mấy bài mang tên Lưu Thị Hạnh, Lê Minh Thu, Phạm Văn Lựu. Năm 1946 khi *Hoa Xuân Đất Việt* được phát hành ở Hà Nội, tôi đã mua ngay và thích thú đọc và cho học trò học.

Năm 1983, khi tôi về Hà Nội, tôi được gặp nhà thơ, lần đầu trong đời. Nhưng hai chúng tôi cảm thấy gần gũi như thể đã quen biết từ lâu. Chị Hồ Dzếnh – Hồng Nhật – cũng rất đáng mến. Chúng tôi đã nhiều lần gặp nhau, rủ nhau đi ăn sáng hoặc họp nhau ở nhà anh chị dùng cơm hay thưởng thức những món ăn Hà Nội mà chị rất sành sỏi. Vào những năm này,



Chân dung Hồ Dzếnh do AI Trustpilot phục hồi.

anh vẫn còn khỏe, người gầy và cao, dáng dấp nhẹ nhàng: người về già có vóc hạc là biểu hiện sống lâu trăm tuổi.

Nhưng mấy năm về sau, anh không được như trước: bệnh hen suyễn vẫn hành hạ. Ở Pháp có nhóm người yêu thơ của anh, trong đó có người em gái kết nghĩa làm bác sĩ, đã giúp gửi thuốc men và bồi dưỡng cho anh, thế nhưng bệnh vẫn không thuyên giảm. Và anh đã ra đi vào tháng 8 năm 1991.

Năm 1983, khi tôi được biết anh thì đồng thời, tôi cũng được biết Người Em gái, Nàng Thơ của Nhà Thơ, người con gái nói trong *Em cứ hẹn nhưng em đừng đến nhé*, lúc này đang sống ở Pháp với chồng

và con. Hai gia đình chúng tôi thân nhau và thường đi lại thăm hỏi nhau.

Một hôm, sau khi đi Hà Nội về, chị khoe với tôi có đem một tác phẩm hồi ký của Nhà thơ, đó là bản thảo quyển *Truyện Không Tên*, do chính nhà thơ viết. Cuốn *Truyện Không Tên* được in ở Hà Nội năm 1994 hay 1995.

Nhưng việc đọc đáo hơn hết là việc Nàng thơ của Nhà thơ – như đã nói – hiện còn sống ở Pháp - Người Em gái của Thi sĩ, đã cho tôi biết một số các bài thơ Hồ Dzếnh viết tặng chị vào những năm rất gần đây, kể từ 1979, khi chị ở Pháp đã bắt liên lạc với anh ở Hà Nội. Chị cũng đã về Hà Nội - Nàng Thơ trong *Quê Ngoại*, sau trên dưới bốn chục năm xa cách, đã gặp Nhà thơ lúc này đang sống với chị Hồng Nhật. Gia đình thi nhân chấp nhận người em gái một cách tự nhiên và rất thân thương. Thế là khởi đầu một nguồn cảm hứng mới đối với nhà thơ của chúng ta sau bốn chục năm - như đã nói.

- Tết Kỷ Mùi 1979, thi sĩ viết:

Mái tóc đời ta dù đã bạc

Nhưng lòng thanh thản mãi không thôi

Vì chung nguồn gốc tình yêu mẹ

Sáng mãi thanh xuân với đất trời.

(Tặng HP).

Quả thực năm 1979, nguồn thơ lai láng đã trải đầy trên mấy bài rất trù mẫn. Năm 1977 khi viết bài *Núi Vọng Phu*, Hồ Dzếnh chỉ nói tới:

*Bốn nghìn năm ấy bao sương gió
Mà vẫn đỉnh ninh thiếp đợi chàng.*

Cũng như năm 1978, khi viết *Sông Lý Quê Em*, thi nhân mới ám chỉ xa xa trong những lời:

*Chạnh nhớ bao người xa cách sông
Sáng nay xuân tới hắt nao lòng
Muốn làm một cánh chim về tổ
Sông Lý thương và sông Lý mong.*

- Nhưng năm 1979, có những bài như bài Paris' Mùa Nắng, rất rõ rệt nói tới mối tình nối lại sau bốn chục năm:

*Xao xuyến vương theo từng ngọn cỏ
Rừng Boulogne nắng bóng chen cây Musset yêu
Georges Sand trước*

*Âm hưởng thơ còn vọng đến nay.
Giờ khắc hai phương chênh sáng tới
Địa cầu này vẫn địa cầu chung
Em ơi! Khói lửa mai đây tắt
Triệu cánh tay ta kết một vòng.*

Cũng trong năm 1979 này, trong bài *Anh viết cho em*, có lời kết:

*Ôi hồn kỷ niệm xôn xao
Thời gian thoát bỗng tan vào không gian Tình ta
đâu có lỗ làng
Đời ta đâu có muện màng hời em!*

Thực ra có lỗ làng rồi chứ, thi nhân không lấy được Nàng thơ nên mới thành Nhà thơ, Nhà thơ lớn, nhưng nếu thành duyên thành phận thì biết

đâu không còn thơ. Dẫu sao, như để vớt vát, sau bốn chục năm xa cách, gặp lại nhau thì kể như chưa đến nỗi lỡ làng, Hồ Dzếnh có ý nói thế chăng? Và thi nhân hạ những lời chung kết đau thương và chua xót:

*Ôi Người Em Gái anh mơ
Yêu nhau, ta chẳng bao giờ cưới nhau*
(30-8-1979)

Cũng năm 1979 này, có Bài thơ tạm biệt, với bốn câu kết thúc:

*Có thể nào quên những phút giờ
Bên Em, chuyện thực đẹp như mơ
Phong thư tiếp nối đường liên lạc
Ta lại thương nhau, lại đợi chờ.*

Lại đợi chờ, bởi vì hai người hai phương trời cách biệt và mỗi người đều còn gia đình riêng rẽ. Gia đình thì sĩ chấp nhận Nàng thơ như người em gái trong nhà, mỗi lần nàng về thủ đô.

- Năm 1980, Nhà thơ viết tặng Nàng thơ bài *Gặp nhau* trong đó có câu mở đầu:

*Gặp nhau cuống quýt, rộn ràng
Lời chưa nói kịp, lá vàng đã bay!*
Và câu kết thúc:

*Yêu em, dù nói nghìn lời
Cũng không vơi được một phần nhỏ nhoi.*

Bài này thi nhân viết tại TP. Hồ Chí Minh khi đi tiễn Người Em Gái trở về Pháp.

- Năm 1981, có bài *Hoa Sen* viết lại kỷ niệm Rủ

nhau đi chợ Đồng Xuân, sau bốn chục năm xa cách,
sau Em cứ hẹn nhưng em đừng đến nhé, thời xa xưa.

Rủ nhau đi chợ Đồng Xuân

Mà như đi giữa băng khuâng thuở nào

Với lời kết có một chút náo nùng, đau xót: *Nhớ em, nhớ đến khôn cùng*

Hương sen càng mát, nỗi lòng càng đau...

(Tặng HP)

Cũng năm 1981, trong *Cổ bài tam cú*, gợi lại một kỷ niệm xa xưa, thi nhân buông lời kết nói lên lòng chung thủy của mối tình đầu, không kém phần ai oán:

Dù tóc đời ta điểm bạc

Bể dâu thời thế phơi pha

Em ạ, cổ bài tam cú

Vẫn thơm nguyên vẹn tình ta!

- Năm 1986, nhân dịp đến thăm cụ bà thân sinh của Em Gái trở bệnh nặng, cũng là cụ bà phần nào đã không muốn gả Nàng thơ cho mình, cách đây đã gần nửa thế kỷ, ngồi bên giường bệnh, Nhà thơ đã cảm hứng viết tại chỗ *Bài thơ chép lại* với câu mở đầu thanh thản, không hờn giận, không trách than

Khi hai đứa mình còn trẻ

Mẹ không cho ta cưới nhau

Mẹ nói: lấy chồng thi sĩ

Sẽ nhiều vất vả, lo âu.

Và câu kết thúc nhẹ nhàng như “mỉm cười trong nước mắt...”

Hôm nay trở về thăm mẹ

*Bệnh già gần phút lâm chung
Ta chẳng còn xa nhau nữa
Mỉm cười, mắt mẹ rưng rưng...*

(18-12-1986)

Chúng tôi không nhắc tới mấy bài thơ quen thuộc viết vào năm 1988 như bài *Nhớ tiếc Thanh Tịnh*, bài *Cầu Giát*, cũng như bài *Mối tình đầu*, viết năm 1989.

Nhưng cũng năm 1989 này có bài *Hoa mẫu đơn*, “hay đến rợn người” - lời của chị Hồng Nhật - với câu kết:

*Đêm Giáng sinh này em ở đâu
Nghe chuông có nhớ thuở ban đầu?
Ước chi sống lại thời xưa nhỉ
Để trở ra và để hẹn nhau!*

(Noel 1989)

Nên nhớ năm 1989 này thi nhân đã tròn 73 tuổi thọ và hứng thơ không có tuổi, thi nhân vẫn còn mong ước được “hẹn nhau” nhưng “đừng gặp nhau”, trong hoàn cảnh hai người hai phương trời như đã nói.

Trong mấy bài thơ cuối cùng thi nhân viết năm 1990, có bài *Cỏ Lau*, nhân giỗ đầu người bạn thân, nhà văn Nguyễn Minh Châu và bài *Sông Xuân* rất ngắn gửi HP. Phải chăng đây là lời trời trăng cuối cùng thi nhân gửi Người Em Gái. Cái trần trở, cái oan khiên vẫn đeo đuổi nhà thơ, hình ảnh Người Yêu, Nàng Thơ vẫn canh cánh bên lòng, không sao nguôi đi được, cho dầu tuổi đã 74, cho dầu đã tới

giây phút gần đất xa trời, hay gần trời xa đất, bởi vì thi nhân mất năm sau, 1991.

*Sông sâu hẹn chở hết lòng
Đò xuân đem hết chờ mong tới bờ
Trăm năm thôi lỡ hẹn hò
Bến sông vẫn đó, con đò vẫn đây.*

(1990)

Thế là thi nhân như muốn từ biệt Người Yêu và đã ra đi. Lần cuối cùng tôi được gặp là năm 1989.

Sau khi nhà thơ mất, chị Hồng Nhật đã sưu tầm được một số bài và thơ còn bỏ quên trong các giấy tờ, kèm với tất cả những bài báo viết về thi nhân và gửi cho tôi. Đồng thời HP cũng trao cho tôi tất cả những sáng tác thi nhân gửi tặng và còn thêm một số bài rất “xưa” thi nhân làm tặng Cô áo trắng Trường tư thực Thanh Hóa vào những năm 1938-1940 mà “Cô” còn nhớ thuộc lòng cho tới ngày “nay”, như bài “vô đề”:

*Anh đợi đến ngày em lấy chồng
Anh về lấy vợ thế là xong
Vợ anh không giống em là mấy
Anh lấy cho anh đỡ lạnh lòng.*

Hai bài đã có đăng trong một tờ báo thời đó năm 1942, bài *Nhớ Chiêu Quân*, rất cảm động và có ảnh hưởng tới nhiều đề tài bài thơ sau này của thi nhân, bài viết khi được tin Người Em Gái đi lấy chồng:

*Hôm nay Em lấy chồng đây
Gấp tư tờ lịch nhớ ngày Em đi
Bây giờ mới biết mình si*

Đời yêu thêm một bài thi “Lấy chồng”.

Và sau mấy câu chúc, thành thực và thanh thản, thì nhân viết:

Chiều nào nghe xuống hoàng hôn

Tôi rười rượi nhớ, quay hồn về mơ

Chiều Quân biệt Hán sang Hồ

Có buồn cũng đến như là... thế thôi!

Thi nhân đã coi Người Em Gái như Người Đẹp nhà Hán đem cống rợ Hồ phương Bắc, “Chiều Quân cống Hồ!”

Tất cả những bài hai người thân trao cho tôi, chị HN và chị HP, tôi đã có ý định cho ấn hành sau khi nhà thơ mất. Thực ra, tôi phải chờ hai năm sau mới thực hiện được, bởi lẽ những bài thơ tâm tình thì thuộc riêng tâm khảm người nhận, không thể đem ra công chúng được. Không ai phơi bày lòng mình ra cho người ngoài thấy, người ngoài biết, trái với niềm thận trọng và sự kín đáo của con người. Tôi mất nhiều công phu thuyết phục đại khái như sau. Hồ Dzếnh đã thành nhà thơ của dân tộc, của quần chúng Việt Nam, cho nên tất cả những tác phẩm, những sáng tác của anh cho dù có thuộc quyền sở hữu của người nhận, nhưng thực ra là di sản chung của văn học Việt Nam. Những bài thơ đau đớn đến xé gan xé ruột của Alfred de Musset đã vĩnh cửu hóa người yêu của ông là Georges Sand. Cũng vậy bài thơ Hồ (Le Lạc) của thi sĩ Lamartine đã để tới ngàn thu tên người yêu xấu số là Elvire.

Sau cùng, tôi đã thành công. Hôm nay tôi viết bài này để tưởng nhớ nhà thơ, tôi lại nhớ câu nói lúc sinh thời của Hồ Dzếnh: “Có hai tiếng hát thánh thót nhất, đó là tiếng chim sơn ca hát trước bình minh và tiếng con thiên nga hát trước khi nhắm mắt lìa đời”. Nhà thơ ám chỉ những bài thơ sau cùng của cuộc đời mình vậy.

*MÀ HÌNH BÓNG CŨ,
THIỆT TRONG TÔI,
MỖI KHI NGHE CHIỀU RƠI*



PHẠM HIỀN MẬU

I. Nhạc sĩ Hoàng Thi Thơ

Hoàng Thi Thơ sinh năm 1928 tại Quảng Trị. Không chỉ là một nhạc sĩ tài năng, ông đồng thời còn là ông bầu, nhà tổ chức các sự kiện âm nhạc lớn và đưa các đoàn ca vũ nhạc kịch do mình thành lập như đoàn Văn Nghệ Việt Nam, đoàn Văn Nghệ Maxim's đi rất nhiều nơi trên thế giới biểu diễn. Năm 2001, ông qua đời tại California, Hoa Kỳ, thọ bảy mươi ba tuổi.

Ông là tác giả của hơn năm trăm ca khúc, bao gồm các chủ đề tình ca, quê hương, dân ca, nhạc kịch. Với số lượng và chất lượng sáng tác này, chúng ta hoàn toàn có thể xếp ông vào hàng nhạc sĩ thượng thặng, chỉ sau Phạm Duy, như Trịnh Công Sơn, Lam Phương, Anh Bằng, Trần Thiện Thanh.

II. Ca khúc *Đường xưa lối cũ*

Ca khúc nào ông soạn cũng hay. Nhưng, hể nhắc tới Hoàng Thi Thơ, người ta không thể nào không nhắc tới ca khúc bất hủ, để đời, khiến tiếng tăm ông vang dậy, ca khúc *Đường Xưa Lối Cũ*.

Một khán giả ở Pháp, đã viết cho Hoàng Thi Thơ, trong đó có một câu, mà tôi cho rằng, ngay cả các nhà văn siêu tài, thì cũng khó mà nghĩ ra được một câu hay đến vậy. Câu ấy như sau: *Chỉ cần một bài Đường Xưa Lối Cũ, tên tuổi của nhạc sĩ đã thành vĩnh viễn rồi.*

Đường Xưa Lối Cũ được Hoàng Thi Thơ sáng tác vào năm 1958, trong lần trở về thăm quê ở Bích Khê, Quảng Trị sau nhiều năm loạn lạc, chia cắt vì chiến tranh. Trên tựa đề bài hát khi xuất bản, có ghi “Viết kính dâng mẹ và tặng em”. Em đây là em gái ruột của ông.

Không chỉ là mẹ, là em gái, trong một cuốn sách dạy nhạc, ông cũng trân trọng ghi lời đề tặng “Gọi là một nén tâm hương, kính dâng hương hồn Phụ Mẫu và Anh”. Xướng hàng, ông ghi tiếp “Thân yêu gửi Tân Nhân. Mùa đau thương 1955. HTT”.

Đây vốn là tập tục văn hóa, lối ăn ở có trước có sau, có tình có nghĩa, một trong những tánh cách rất tốt đẹp, rất đáng được kính trọng và ngợi ca, của người Việt Nam xưa.

Đường xưa lối cũ

*Đường xưa lối cũ có bóng tre bóng tre che thôn nghèo
Đường xưa lối cũ có ánh trăng ánh trăng soi đường đi
Đường xưa lối cũ có tiếng ca tiếng ca trên sông dài
Đường xưa lối cũ có tiếng tiêu tiếng tiêu ru hồn ai
Đường xưa lối cũ có em tôi tóc xanh bay mơ màng
Đường chiều dịu nắng bóng em đi áo nâu in đường trăng
Đường xưa lối cũ có me tôi rừng rưng trong hôn hoàng
Lòng già thương nhớ nhớ đến tôi lom khom đi tìm con
Khi tôi về bồi hồi trong nắng
Ước rằng người em hân hoan đứng đón anh về
Nào ngờ người em sang ngang khi xuân chưa tàn
Con đò nào đây đưa em tôi vào xa vắng*

*Khi tôi về ghen ngào trong nắng
 Tưởng rằng mẹ tôi rừng rưng đứng đón con về
 Nào ngờ mẹ tôi ra đi bên kia cuộc đời
 Không lời từ ly cuối cùng trước khi phân kỳ
 Chạnh lòng thương nhớ
 nhớ phút xưa phút xưa qua qua rồi
 Lạnh lòng tưởng nhớ
 bóng dáng ai in sâu trong lòng tôi
 Đường xưa còn đó nắng vẫn lên vẫn trăng treo ven đồi
 Mà hình bóng cũ thiếu trong tôi mỗi khi nghe chiều rơi.*

II.1. Đường xưa lối cũ, có bóng tre, bóng tre che thôn nghèo

*Đường xưa lối cũ có bóng tre bóng tre che thôn nghèo
 Đường xưa lối cũ có ánh trăng ánh trăng soi đường đi
 Đường xưa lối cũ có tiếng ca tiếng ca trên sông dài
 Đường xưa lối cũ có tiếng tiêu tiếng tiêu ru hồn ai*

Cả bốn câu trong khổ nhạc thứ nhứt này, Hoàng Thi Thơ đều cho lặp đi lặp lại cụm từ “đường xưa lối cũ”. Đường thì xưa rất là xưa, mà lối thì cũng cũ ơ là cũ. Xưa tới mức, cũ tới mức, có nhắm mắt lại, người ta cũng có thể lần ra đến nơi, cũng có thể lần về đến chốn.

Đường xưa rất là xưa, và lối cũ ơ là cũ, nên thân thiết, nên quen thuộc, nên gắn bó, nên thương yêu.

Đường xưa lối cũ, khác gì máu thịt.

Đường xưa lối cũ, là một cách nói khác đi, về quê hương, xứ sở, bản quán, nơi chôn nhau cắt rún, nơi

mà dòng tộc, muôn đời muôn thuở, kể từ ngày ông tổ, ông sơ, chọn nơi này để ở lại, để lập làng lập xóm, lập họ mạc, bà con.



Đường xưa lối cũ là nơi có nhiều kỷ niệm.

Là nơi có hàng tre để che bóng mát cho thôn nghèo, để mỗi chiều gió lên, lá xô vào nhau, nghe xào xạc.

Là nơi có ánh trăng soi sáng con đê đầu làng, cho trẻ thơ chạy nhảy, đùa vui. Ánh trăng soi sáng con đường đất nhỏ, dẫn về nhà, mẹ đương kéo cà kẻo kịt, gánh mớ thóc chín mới vừa phơi. Ánh trăng soi sáng cho anh học bài, cho bên cạnh nhà, nàng vừa đan áo, vừa mơ mộng về một ngày mai.

Là nơi có tiếng ca trên sông dài, của thuyền ghe qua lại, của bãi đò bến chờ.

Là nơi có tiếng tiêu ngân nga, ru hồn, đưa người vào giấc êm đềm, cùng với biết bao niềm nhớ nhung và mong ước.

Đường xưa lối cũ, với bóng tre, với ánh trăng, làm xốn xang lòng bao kẻ còn xa quê, còn đương gọi quê hương mình là cố hương, cố quận.

Đường xưa lối cũ, với bóng tre, với ánh trăng, còn làm man mác buồn, xốn xang lòng bao kẻ cô đơn, vẫn đương ở tại quê hương, nhưng lại thấy quê hương mình, sao mỗi ngày mỗi thêm lạ huơ lạ hoắc.

II.2. Đường xưa lối cũ, có me tôi, rừng rưng trong hôn hoàng

*Đường xưa lối cũ có em tôi tóc xanh bay mơ màng
Đường chiều dịu nắng bóng em đi áo nâu in đường trăng
Đường xưa lối cũ có me tôi rừng rưng rưng trong hôn hoàng
Lòng già thương nhớ nhớ đến tôi lom khom đi tìm con*

Đường xưa lối cũ, lại tiếp tục được Hoàng Thi Thơ phác họa bằng những hình ảnh vừa rất thật, rất đẹp, rất nên thơ nên đầy xuyên xao và xúc động.

Là nơi có em tôi, tóc xanh bay mơ màng, khi em nghĩ về tương lai với niềm tin tràn đầy hy vọng.

Là đường chiều dịu nắng, và bóng em đi, chiếc áo nâu giản dị, lấp lóa in lên màu trắng, một màu trắng ngọc ngà, tinh khiết.

Là nơi có mẹ tôi rừng rưng rưng trong hôn hoàng, đếm ngày, đếm tháng chờ cha.

Là nơi có lòng già, thương nhớ đến tôi, lom khom

lần ra bậu cửa ngóng trông, lom khom lần ra đầu ngõ, đợi con.

Trông tin con. Tìm con.

II.3. Nào ngờ người em sang ngang khi xuân chưa tàn

Khi tôi về bồi hồi trong nắng

Tưởng rằng người em hân hoan đứng đón anh về

Nào ngờ người em sang ngang khi xuân chưa tàn

Con đồ nào đây đưa em tôi vào xa vắng

Và rồi cũng đến một ngày, tôi trở về. Đứng trước cổng nhà, khi ánh nắng chiều gần tắt, tôi bồi hồi tưởng tượng.

Tôi đã tưởng tượng rằng, người em gái thân thương của tôi, sẽ hân hoan, chạy ùa từ trong nhà ra, ôm chầm lấy tôi, để mừng đón anh về.

Mà nào có ngờ đâu, em của tôi, đã sang ngang khi mà tuổi xuân vẫn còn đương trào dâng phơi phới.

Tôi nghe lòng mình thật buồn, rồi trách, con đồ nào, con đồ nào đã đưa em tôi đi lấy chồng, để bây giờ, căn nhà của mẹ cha vốn vắng vẻ, nay lại càng vắng vẻ hơn, vốn cô đơn, nay lại càng cô đơn lạnh lẽo.

II.4. Nào ngờ mẹ tôi ra đi bên kia cuộc đời

Khi tôi về ghen ngào trong nắng

Tưởng rằng mẹ tôi rừng rừng đứng đón con về

Nào ngờ mẹ tôi ra đi bên kia cuộc đời

Không lời từ ly cuối cùng trước khi phân kỳ

Em gái đi lấy chồng, về không gặp, đã khiến lòng tôi buồn lắm rồi. Thế mà đau khổ hơn thế, sầu não hơn thế, khiến tôi ghen ngào không thể nói được câu, chính là lúc tôi nhận hung tin, mẹ tôi đã ra đi về phía bên kia của cuộc đời.

Cứ ngỡ mẹ sẽ rừng rừng chờ tôi, nắm tay tôi, ôm đầu tôi vào lòng mà mừng tôi hôm nay, nguyên vẹn trở về. Nào ngờ, nào có ai ngờ, nào có ai ngờ được.

Mẹ đi mà không chờ tôi để mẹ con gặp nhau lần cuối, để được thốt lời từ ly sau cùng, trước khi phân kỳ, âm dương cách biệt.

II.5. Chạnh lòng thương nhớ, nhớ phút xưa, phút xưa qua qua rồi

Chạnh lòng thương nhớ

nhớ phút xưa phút xưa qua qua rồi

Lạnh lòng tưởng nhớ

bóng dáng ai in sâu trong lòng tôi

Đường xưa còn đó nắng vẫn lên vẫn trăng treo ven đồi

Mà hình bóng cũ thiếu trong tôi mỗi khi nghe chiều rơi.

Những ngày xưa, những ngày của lúc còn thơ, những ngày vô cùng êm đẹp và như mộng ấy, nay còn đâu nữa, chúng đã qua mất rồi.

Qua mất thật rồi.

Để cho tôi, mỗi lần nhớ đến là mỗi lần lại chạnh lòng, xúc động, thương quá, người xưa, chuyện xưa, đã in đậm dấu trong tâm hồn tôi.

Để cho tôi, mỗi lần nhớ đến là mỗi lần lại chạnh

lòng, nhớ hoài đến bóng dáng mẹ cha khuất núi, đến anh chị em, giờ đây, mỗi người mỗi ngả, mỗi người mỗi phương trời, cách xa diệu vợi.

Đường xưa thì vẫn còn đây, nắng vẫn lên vàng bên hàng giậu biếc, và trăng, trăng vẫn treo lủng lơ ven đồi non cỏ.

Nhưng, những người xưa, giờ đây không còn nữa, những hình bóng cũ ấy đã thiếu vắng trong tôi, làm tôi buồn khôn xiết.

Mỗi khi nghe chiều rơi!

Chiều rơi, đã làm tôi chạnh nhớ đến ca khúc Nhạc Sầu Tương Tư của Hoàng Trọng, viết năm 1953.

III. Đường xưa còn đó, nắng vẫn lên, vẫn trăng treo ven đồi

Trời phú cho Hoàng Thi Thơ, không chỉ thông minh, mẫn cảm, và có một tâm hồn nghệ sĩ khoáng đạt, bay bổng, tự do, mà ngay cả đến giọng nói của ông, trời cũng tặng cho ông một chất giọng rất hồn hậu, nhiệt thành, nồng nàn và tha thiết.

Tổng thể ấy, hồn vía ấy đã in dấu vào các tình ca của Hoàng Thi Thơ. Dấu là tình yêu quê hương hay tình yêu nam nữ, mẹ con, anh em ruột thịt, bạn bè, tất cả đều rất chân thành, vẹn nguyên, không suy suyễn, không đổi thay.

Rất nhiều các sáng tác của ông được xem là bất hủ. Và thật khó lòng để ghi ra hết những tác phẩm ấy ở đây: *Ai Nhớ Chẳng Ai*, *Tà Áo Cưới*, *Xe Hoa Một*

Chiếc, Rong Chơi Cuối Trời Quên Lãng, Hỏi Người Còn Nhớ Đến Ta, Cô Lái Đò Bến Hạ, Chuyện Tình Người Trinh Nữ Tên Thi, Duyên Quê, Gạo Trắng Trăng Thanh, Trăng Rụng Xuống Cầu, Ruốc Tình Về Với Quê Hương, Đưa Em Qua Cánh Đồng Vàng, Túp Lều Lý Tưởng, Cái Trâm Em Cài.



Bên "kỷ niệm" của sáng tác phẩm *Bài thơ cuối cùng*. Hình: Tư liệu

Ông là một nhạc sĩ tài hoa đúng nghĩa. Ông xuất sắc trên nhiều lĩnh vực như: nghiên cứu và sáng tác các điệu múa; sáng tác và làm đạo diễn các nhạc kịch; đạo diễn điện ảnh; đào tạo ca sĩ; tổ chức và chỉ huy các chương trình biểu diễn tổng hợp ca múa nhạc kịch với dàn diễn viên tham gia lên đến hàng trăm người.

Phạm Duy, Văn Cao, Đặng Thế Phong, Hoàng Trọng, Nguyễn Văn Đông, Nguyễn Đình Toàn, Trịnh Công Sơn, Lam Phương và rồi, cả Hoàng Thi Thơ, một thế hệ tài hoa âm nhạc, lần lượt trước sau, đã về miền xa tít tắp.

Chợt thấy những câu trong ca khúc Những Ngày Thơ Mộng của Hoàng Thi Thơ, sao mà hết lời tiên tri.

Lời tiên tri cho một trăm năm rất hữu hạn, kiếp người: *Tìm đâu những ngày thơ ấu qua / Tìm đâu những ngày xinh như mộng / Tìm đâu những ngày thơ / Tìm đâu những chiều mơ / Tìm đâu biết tìm đâu đâu giờ* (Những Ngày Thơ Mộng).

IV. Mà hình bóng cũ, thiếu trong tôi, mỗi khi nghe chiều rơi

Ca sĩ, diễn viên kịch Túy Hồng, từng nhận xét: Hoàng Thi Thơ là một tên tuổi lớn. Các chương trình văn nghệ do anh sinh ra, đều là những chương trình cao đẹp, có vóc dáng, có nội dung của một cái cách tinh thần nào đó.

Còn Hoàng Thi Thơ, thì từng tâm sự về ca khúc Đường Xưa Lối Cũ như sau:

“Tôi được sinh trưởng trong một ngôi làng nhỏ bé, nhưng lại rất thơ mộng, đó là làng Bích Khê. Nơi đây đã khắc vào lòng tôi, khắc vào tâm khảm tôi, và trong cả cuộc đời tôi nữa, những hình ảnh không bao giờ xóa nhòa.

Đó là những hình ảnh về hàng tre xanh ngát, về con sông Thạch Hãn rất thơ mộng. Trong làng, có một cánh rừng, và có những buổi trăng lên, treo trên đồi rất đẹp. Đặc biệt là ở đó còn có mẹ và em gái của tôi.

Thế nhưng trong cuộc đời, đôi lúc không thể bám

chặt lấy làng quê, nhất là vào thời cuộc lúc đó, cho dù nó có thơ mộng biết bao nhiêu. Tôi bỏ nhà đi kháng chiến mười năm. Ra đi, tôi ôm theo hình ảnh đó trên suốt những nẻo đường xa.

Một lần, khi có cơ hội được trở về, trong lòng tôi cứ tưởng là, hàng tre chờ mình sẽ vẫn xanh, con sông Thạch Hãn vẫn đẹp, ngọn đồi vẫn nên thơ, và nhất là mẹ tôi vẫn còn đó đón tôi, em tôi đợi tôi về rồi mới sang ngang.

Nhưng, hôm ấy, tôi mới hay, mẹ tôi không còn nữa, bà đã qua bên kia thế giới xa xôi, còn em tôi thì đã theo chồng. Những giọt nước mắt không chỉ chảy dài lúc đó, mà chúng còn chảy hoài, chảy mãi trong suốt cuộc đời còn lại của tôi.”



Gạo trắng trăng thanh, một tác phẩm khó quên khác. Hình: Tư liệu

Sáu mươi bảy năm đã qua đi, mà Đường Xưa Lối
Cũ, đến nay, mỗi khi ai đó cất lên giọng hát, vẫn tiếp
tục làm rung động, chạm vào nỗi buồn tủi và gợi biết
bao là nhớ nhung, đến những tâm hồn, những người
con Việt Nam vẫn đương còn luân lạc bốn phương.

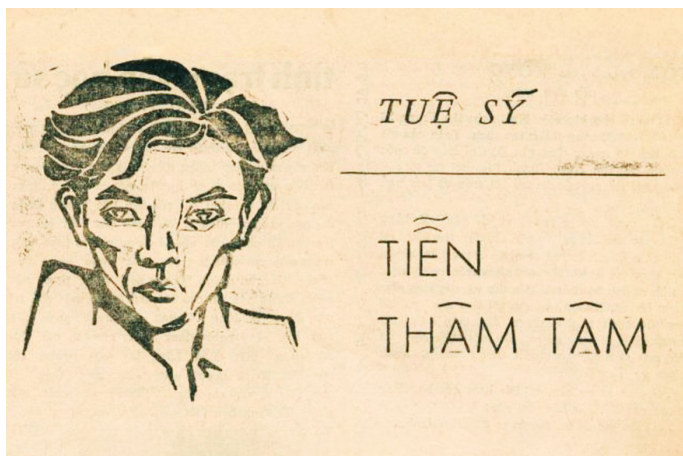
Nước non vẫn còn.

Nắng vẫn lên ngọn tre.

Bóng trăng vẫn treo ven đồi.

*Mà hình bóng cũ, thiếu trong tôi, mỗi khi nghe
chiều rơi!*

Sài Gòn 13/08/2025



Nhân 75 năm (18.8.1950), ngày thi sĩ Thâm Tâm (1917–1950) rời cõi tạm, kính mời đọc lại bài viết của Thầy Tuệ Sỹ.

Từ đó mô ai rệt cỏ vàng

(Chết)

Từ đó là lúc nào vậy? Người ta hẹn nhau qua những màu xanh. Người ta nhớ nhau trong những lời ca vu vơ của con họa mi. Người ta nằm mộng thấy một ngôi sao tròn như đôi môi ngại ngừng bằng tiếng “nếu...”. Nếu con họa mi dừng ca mãi trên cành dương này, thì người nằm mộng chắc thấy mình còn biết chờ đợi vì một ước hẹn nào đó. Nếu lũ khách không buồn dây dưa, vì ven trời bao giờ cũng lạnh và ráo, thì hạt cát trên chiếc giày chắc không ngủ quên trong quán trọ. Bây giờ là buổi sáng hay buổi chiều, mà đất này sao giá buốt? Chỉ có:

*Dăm người tuổi tác qua thăm viếng
Một buổi rồi quên mất độ đường.*

(Chết)

Bây giờ người nằm mộng cũng quên mình nằm mộng, có phải từ đó tóc trắng kết thành cỏ vàng để hẹn với ly khách?

*Mây thu đầu núi, gió lên trăng
Cơn lạnh chiều nao đổ bóng thâm
Ly khách ven trời nghe muốn khóc
Tiếng đời xô động, tiếng hồn câm.*

(Tống biệt hành)[*]

Từ khi tóc trắng kết thành cỏ vàng để hẹn với ly khách, bao nhiêu hào khí đều bốc lên trong những hơi thở hương nồng, nhẹ như cơn gió thoảng lên trăng, như bóng chiều lạnh lùng đổ xuống trong âm thầm. Người khách này có bao giờ biết kể chuyện? Kể xong một câu chuyện rồi bước đi lững thững. Góp lại những dấu chân làm thành một câu chuyện. Trong câu chuyện, lời như hư không. Người vì tha thiết mà ở lại, ta vì tha thiết mà ra đi.

Người đi thực?

*Người đi? Ừ nhỉ! Người đi thực!
Mẹ thà coi như chiếc lá bay,
Chị thà coi như là hạt bụi
Em thà coi như hơi rượu cay.*

(Tống Biệt Hành)

Người đi thực. Nghe như hăng hái lắm, nhưng sao lại có vẻ dãn dãn? Đi lững thững như vậy, sao lại

đi vì hẹn ước? Không, có hẹn. Hẹn gì thế? Nơi ven trời là sự im lặng. Người đứng đây từ già, nhưng ở phương xa kia, ai mừng tượng nó sẽ là gì. Ở đây chưa là mùa thu, nhưng đầu núi kia là mây thu. Ở đây có đôi mắt đắm ướt của em nhỏ ngây thơ, nhưng ở ngoài xa nơi ven trời, ly khách nghe muốn khóc mà không khóc. Chiếc lá rơi quá nhẹ, nhưng mặt đất lại bỗng quá nặng nề. Thà là gì cũng được, nhưng nếu người đi thực? Một người ra đi cúi đầu chào những người ở lại bao nhiêu là tiếng “nhưng... nhưng” mấp máy đầu môi: Thà đừng đi, hay không ở lại, như chiếc lá, như hạt bụi, như hơi rượu, nhưng rồi cũng chia tay. Đây là buổi chia tay:

Ta biết người buồn chiều hôm trước

Bây giờ mùa hạ, sen nở tốt,

Một chị, hai chị cũng như sen.

Khuyên nốt em trai giòng lệ sót.

Ta biết người buồn sáng hôm nay

Trời chưa mùa thu tươi lắm thay,

Em nhỏ ngây thơ đôi mắt biếc

Gói tròn thương tiếc chiếc khăn tay.

Tôi muốn tặng ông một bài thơ, nhưng trông ông có vẻ lạnh lùng. Đi, gặp gió hay không gió, người ta cũng thấy lạnh. Nhưng gửi theo gì được, khi đi với kẻ lạnh lùng. Tôi cũng đi, từ lúc còn quá nhỏ; ba tôi tiễn chân bằng một cái bạt tai. Trên mười năm rồi, tôi chưa nghĩ ra là đã từng có hẹn điều gì không; chưa lần nào trở về để hỏi ba tôi xem tôi có

hẹn gì không. Tôi nhớ, có lần tôi gửi thơ về thăm. Em gái tôi đọc thơ mà khóc. Thế này thì bao giờ anh mới ghé về thăm nhà một chuyến. Khi em đã đi lấy chồng rồi anh mới về, bấy giờ ai mang khăn cho anh phủi bụi? Ai may cho anh áo quần mới? Bấy giờ em tôi đi lấy chồng thực. Không biết có ai làm bài thơ nào gửi nó hay không. Ông Thâm Tâm chết khi tôi mới ba tuổi và em gái tôi được một tuổi. Thoảng như có ai chép vài câu thơ của ông tặng nó; duyên gặp gỡ của người chết và người sống cũng kỳ. Ông hình như chỉ làm thơ để tiễn mình và tiễn người. Lối tiễn của ông như đứng xa bờ mà nhìn xuống những dòng nước chảy:

Tiếng xe trong vớt bụi hồng

Nàng đi thuở ấy, nhưng trong khói mờ.

Ông tự tiễn mình cũng trong lối cách xa như thế:

Đưa người ta không đưa sang sông

Sao có tiếng sóng ở trong lòng?

Bóng chiều không thăm, không vàng vọt

Sao đầy hoàng hôn trong mắt trong?

Người ta nghe ra những tiếng nói mơ hồ của một cái nhìn lạnh nhạt, trong cái nhạt của hoàng hôn, một thứ buồn lơ đãng thấp thoáng bên song cửa, một tâm hồn đang mở ra hai phương hướng. Tiết nhịp của đoạn thơ buông lơ chậm chạp, như mái tóc buông xuôi lay lắt theo cung bậc của tiếng đàn. Âm vận của đoạn thơ lại càng nghe ra như âm hưởng ngạt ngào phẳng phất trên mười đầu ngón tay.

Cũng trong cách điệu ấy, khi ông tiến người, lại nghe như cái ngọt ngào, pha mặn của những giọt mưa từ mái tóc qua đầu môi:

Hơi đàn buồn như trời mưa

Các anh tắt nốt âm thừa đi thôi.

(Gởi TT. Kh.)

Đầu hôm sửa soạn để đi, thấy mình như ngọn lửa bốc cháy trên đỉnh núi. Em gái trao cho một chiếc khăn tay, hỏi bao giờ anh trở về. Bao giờ trở về ? Trên đỉnh núi, một con chim đang đốt tổ để bay đi, còn nơi nào để về lại hay không?

Chí lớn chưa về bàn tay không

Thì không bao giờ nói trở lại!

Ba năm mẹ già cũng đừng mong.

Mộng lớn và chí lớn, chim nhận chim hồng rét mướt bay. Vuốt cạp chân voi còn lặn đạn. Người đi thực. Con chim hồng đã đốt tổ, ngọn lửa đã bốc cháy trên đỉnh núi. Chỉ còn lại tiếng gió trong hư không và những đám mây trắng đuổi theo. Chắc ông cũng nhờ một lời hẹn không thành lời của em nhỏ: khi nào những đám mây trắng là đà vắt ngang qua dòng sông, anh nhớ ghé thăm nhà một chuyến. Ông có thấy gì nơi những chiếc lá đâm sương sớm? Nốt ruồi buồn thiên cổ.



Giáo xứ Gò Muồng được thành lập vào năm 1671, là một trong những giáo xứ lâu đời của địa phận Nha Trang. Cha Thanh trụ trì ở đây vào những tháng năm khó khăn nhất sau 1975. Hình: Trang web GXGM

Tầu tháng 6 năm 1967, trong cái nóng hừng hực giữa trưa hè miền Phan Rang nắng gió, từng đoàn xe nối đuôi nhau lũ lượt chạy về quận lỵ Du Long, cách thành phố Phan Rang khoảng 35km về hướng bắc, ranh giới hai tỉnh Ninh Thuận và Khánh Hòa. Dẫn đầu là những chiếc Lambro 550 loại ba bánh, trên mui xe gắn hình Thánh giá, hai hàng cờ vàng trắng, cờ xanh trắng, cờ Vatican, phần phật trong gió, theo sau những chiếc Lambro là hai làn xe gắn máy, Honda dame, Honda 66, 67, Goebel tự lực, Sachs, Puch, Mobylette đủ loại, mỗi xe hai người, cờ xí rợp trời, người dân hai bên đường ngạc nhiên

TƯỞNG NHỚ MỘT NGƯỜI THẦY

NGUYỄN LỤC KHOA 67

“chưa bao giờ có hiện tượng lạ lùng như vậy”. Tiếng nhạc trầm hùng của bài ca “Hướng về Vatican” vang lên, khi chiếc Peugeot 404 màu đen tuyền chạy từ hướng Nha Trang, dừng lại trước ranh giới hai tỉnh, bốn vị tân Linh mục trong màu áo chùng thâm bước xuống, các Ngài là những người con ưu tú, đồng thời cũng là những linh mục đầu tiên của bốn giáo xứ Gò Đền, Hòn Thiên, Hộ Diêm, Cà Đú vừa được thụ phong chức LM tại Huế.

- Lm Giuse Trương Phúc Tinh (Gò Đền);
- Lm Giuse Trần Văn Láng (Hòn Thiên);
- Lm F.A Nguyễn Tôn Sùng (Hộ Diêm); và
- Lm Tadeô Lê Văn Thanh (Cà Đú).

Khi đoàn rước về đến các giáo xứ, bà con giáo dân tập trung hai bên đường nghinh đón. Trong niềm vui hân hoan ngày vinh quy bái tổ của các Ngài, giúp người tín hữu nhận ra rằng, dẫn thân theo Chúa ngoài Thánh Giá trao ban, còn được ân thưởng vinh phúc gấp bội lần ở đời này và được gấp trăm ngàn lần ở đời sau. Giáo xứ Cà Đú đón tân

Linh mục Tadêô Lê Văn Thanh, trong niềm vui của một xứ nghèo, nhưng hạnh phúc, tiệc tùng ba ngày ba đêm, bà con không phân biệt giàu nghèo đều chung hưởng niềm vui này. Sau những ngày trăng mật là hành trình mục tử. Tháng 8 năm 1967, lớp SB 67 chúng tôi bước vào Tiểu chủng viện, cha Tadêô là thầy dạy môn Việt văn. Các cha giáo ngày xưa không được đào tạo chuyên ngành, chuyên nghiệp về chuyên môn, nhưng được tấm lòng nhân hậu nhiệt tình, nên việc trồng người cũng đạt nhiều kết quả. Từ giữa năm 1968-1969 cha được điều về làm phó sở giáo xứ Hộ Diêm. Sau đó được bài sai ra làm phó xứ Gò Muồng, đặc trách Ninh Hòa, thời gian này cha dạy học tại trường tư Thực Đức Linh.

Đời Linh mục như lính thú ngày xưa, lúc phục vụ nơi này, khi nơi khác. Nhưng cha Tadeo đã gắn bó với vùng Ninh Hòa, Gò Muồng, hơn ba mươi ba năm. Từng ấy thời gian giáo dân xem cha như người bản xứ với tiếng gọi thân thương là “Cha Mười”, “Ông Mười”. Sau năm 1975, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, cha vừa làm mục vụ vừa phải lao động để nuôi sống bản thân, dầu đèn cho thánh thất... cha làm đủ mọi nghề từ làm ruộng, trồng mía đến nuôi heo... Nhiều giai thoại kể về cuộc sống của cha lúc bấy giờ nếu được nghe lại, có lẽ chúng ta cũng cảm thấy chạnh lòng. Ngài sống như thánh Phaolô đã từng nói: “Tôi chưa từng ăn không của ai, nhưng đêm ngày làm lụng khó nhọc để khỏi lụy người nào trong anh em”(2 Tesalonica 3.8). Trong một lần có dịp ghé thăm cha, Ngài hỏi tôi có thích ăn bánh xèo không. Đây là món bánh quê hương xứ Cà Đú của chúng

tôi, từ người giàu nứt vách đổ tường, đến nghèo rớt mùng tơi đều thích. Thế là cha con hì hục, xay bột thái mỡ, lật rau. Đến công đoạn đổ bánh, không có than củi, đành phải dùng lá mía đun bếp. Mùa tháng mười mưa bão, lá khô, lá ướt, lửa khói mịt mù ăn được đĩa bánh xèo Cha con nước mắt ràn rụa... Rồi theo ngày tháng, tuổi cao sức yếu, sau gần tám năm quản thêm giáo xứ Hà Dừa và Cửu Lợi, cha Tadeo về hưu dưỡng tại quê nhà năm 2011, trong vòng tay con cháu. Mười ba năm sống hưu dưỡng âm thầm lặng lẽ, như chiếc lá cuối mùa... lúc nhớ lúc quên. Chủ nhật ngày 30/06/2024 khi trời vừa tảng sáng, Ngài trút hơi thở cuối cùng già từ cõi tạm sau 84 năm chung sống. Sau 57 năm làm Linh mục của Chúa. Mưa giữa mùa hạ tiễn đưa Ngài nặng hạt. Xin đốt nén hương trầm dâng lên cha để tưởng nhớ một người Thầy, một người Cha, một người Đồng hương niên trưởng. Tạm biệt cha, với niềm tin sẽ gặp lại.



NGỰ TRƯỜNG AI CÓ QUA CẦU MỚI HAY

NGŨ UÊN 67

Mắm ruột – một đặc sản của dân từ Bình Định cũ trở vào đến Khánh Hòa cũ – được kể như một thứ mỹ học của cái xấu. Cái màu đen thui đen thùi của nó không thuyết phục được ngoại dân mấy tỉnh này cầm đũa xăn xái thử miếng mắm, theo tôi, đáng xếp vào hàng trân tu mỹ vị.

Một người bạn kể lại câu chuyện ông nội bản thuật rằng ngày xưa tới mùa cá ngừ ồ, các nhà lều hấp, hoặc muối nguyên con để đem bán trên nguồn... Ruột và mang cá thải ra thiệt nhiều, và “họ đã làm ra món mắm rất chi là đặc trưng”. Một câu chuyện kể về nguồn gốc mắm ruột. Nếu đúng như bản kể thì tại sao món trân tu ấy lại không được sản xuất quy mô nhà lều, như các nhà lều nước mắm ở Bình Thuận (cũ) nữa? Cá ngừ ồ, ngừ bò vẫn còn nhiều kia mà. Nhứt là ngừ ồ làm mắm ruột được dân nấu xấp nhứt hạng ngon.

Trong vòng một tháng tôi được ăn hai thứ mắm ruột. Một của miền Trung, một của miền Tây.



Mắm ruột miền Trung được làm từ ruột cá ngừ bò là chính. Hình: Ngũ Yên

Món mắm ruột miền Trung tôi ăn nhà Phật gọi là duyên. Ở chợ Rạch Ong gần đây xuất hiện một sạp treo bảng bán cá Phú Yên của một nậu rồi còn trẻ. Được cổ hủi dân miền Trung biết ăn mắm ruột không. Tôi sáng rõ miệng: biết chớ sao không. Vài tháng sau, ở hàng cổ, nơi tôi, kẻ suốt đời thềm cá biển, thường ghé, có bày ra mấy hủ chao đen thui. Và tôi được tặng, nhứt định tặng chớ không bán, một hủ chao đen thui đó. Với kẻ tha hương thềm mắm như tôi, muốn mua mấy hủ, các có bị tặng, coi như đứng hình ở một hủ. Mua nữa e người ta nghĩ mình tham. Nhưng mình vốn không có làm quan mà.

Kể từ khi có làn sóng sản phẩm “nhà làm”, mắm ruột nhà làm ở Nha Trang rao bán om sòm. Chớ trước đó, chuyện nhà lều mắm ruột không còn thấy. Mắm chỉ ở qui mô nhà làm chánh cống hiệu con nai vàng. Chớ không có kiểu nhà làm mà nhà cũng bán xình xang luôn. Khi tôi duyệt qua thông tin về mắm ruột trên mạng tôi còn gặp “mắm ruột cá thu” rao bán. Rao hàng kiểu này người tinh ý biết ngay là người bán hàng không tử tế, vì cá thu không nhiều như cá ngừ bỏ vào những ngày mùa cá ngừ. Cá thu cũng không mấy nhà quê có đủ tiền để mua nguyên con về lấy ruột làm mắm.

Chỉ có cá ngừ bỏ, nhứt là cá ngừ bỏ sọc dưa – còn được gọi tên là “tự diễn biến – vào mùa, cá về đầy chợ, giá rẻ, dân nghèo ở các chợ quê dư sức mua nguyên con. Suốt mùa cá ngừ, các nhà nghèo ấy có khi ăn được hai ba lần mắm ruột. Hồi xưa nữa mùa cá, cá được gánh lên trên nhà nậu ruộng phía núi bán ăn tới mùa đông lúa trổ.

Má tôi cũng biết làm mắm ruột. Làm mắm ruột dễ như trở bàn tay. Mấy bà má quê miền Trung ai cũng biết làm. Cá ngừ bỏ mua về, các má tự làm cá. Phần ruột và thịt ít ỏi khi móc mang được bằm nhỏ và cho liền vào một cái tô kèm theo một nhúm muối cục. Tỷ lệ áng chừng nầy chỉ có các má biết, má này biểu má kia. Không yên tâm với mấy cụ chatbot và mấy trang web hướng dẫn về tỷ lệ, tôi mới nhờ hỏi một số bà chị ở xứ nẫu. Tỷ lệ của các chị: ruột nguyên, sáu ruột

một muối, ruột bằm năm ruột một muối. Đúng với từ “nhúm” muối mà tôi thấy má làm.

Cứ hể bữa nào mua cá về, má làm cá và ruột và mang bằm cho vào tô kèm nhúm muối. Tô mắm đó được cất trong garde-manger. Cho đến ngày ruột cá vừa đầy tô, má để cho tô mắm ngủ hai, ba ngày gì đó. Hôm nào thấy trong rổ đi chợ của bà có miếng thịt ba rọi cỡ hai ngón tay dài chừng một bàn tay là biết ngay bữa cơm sẽ có mắm ruột kho. Hồng biết dao bén cỡ nào mà miếng thịt được xắt nhỉnh hơn đầu mút đũa một chút và dài cỡ lóng ngón tay người lớn. Những xú thịt ba rọi ấy được kho chung với trả mắm

Mắm ruột ngon nhất là chấm cà dĩa xắt mỏng. Nhiều đó cho một bữa cơm quê đã là thịnh soạn đủ dần rồi. Nồi cơm bữa có mắm ruột không còn hột cơm nguội nào cần lấy thảo.

Mắm ruột đen thui như nữ hoàng xứ Sheba châu Phi trong Kinh Thánh (cho đến nay xứ này ở đâu còn gây tranh cãi), theo thiên nghĩ, có lẽ là do sắt trong máu cá. Màu đen trong món ăn thường không kích thích mắt, thậm chí còn là màu của độc hại. Nhưng đối người dân gốc quê nào ở Bình Định, Phú Yên và Khánh Hòa xa quê mà thấy nó không bồi hồi nhớ đến những bữa cơm mắm ruột với những xú thịt cơ ơi là cơ, cầu ơi là cầu. Từ ngàn xưa, người Do thái đã có thú mỹ học của cái đen này: “hỡi người con gái xứ Jerusalem, em tuy đen nhưng em đẹp” (Nhã ca 1:5).

Khi duyệt về thông tin mắm ruột trên mạng trước khi viết bài mới hay thiết là đủ thú hủ lớn về món ăn mỹ lệ của người dân nghèo miền Trung. Nhà tour TopTravels thì cho rằng mắm ruột làm từ ruột cá cơm, cá trích, cá nục..., AI của Google lại biểu mắm ruột có thể ăn sống được. ChatGPT trả lời rằng mắm ruột thường ủ lâu (3-6 tháng)... Cách này (tỷ lệ muối) còn được áp dụng cho nhiều loại mắm ruột khác như mắm ruột cá cơm, cá thu, cá chù.

Vì là món nhà quê, mà nhà quê ít ai biết đến internet, nên thông tin bị nhiễu đến mức nguy hiểm như mắm ruột có thể ăn sống.

Nhưng mắm ruột miền Tây có thể ăn sống. Cách đây mấy năm, khi chu du các lò mắm, hồi trước dịch Vũ Hán một chút, tôi có hỏi thì anh Hoàng mắm BGK5 chỉ còn một hủ.

Mắm ruột miền Tây còn là từ dùng để chỉ mắm thái. Thái là làm cho một thứ nào đó nhỏ ra, từ này gốc miền ngoài. Đáng ra trong Nam phải gọi là mắm phay. Cũng có người ngộ nhận mắm thái là mắm xiêm không biết chừng. Mắm thái/ mắm ruột làm bằng mắm lóc xé mỏng thịt ra trộn với đu đủ. Mắm được chao đường đúng bài là lượng đường vừa đủ (như tá được trong thuốc tây) và phải là đường thốt nốt chánh tông (anh Hoàng BGK5 cho biết bây giờ đường thốt nốt giả nhiều lắm). Mắm thái như thế mới đáng mặt vàng để gỏi vì thơm lừng, mặn ngọt để huê. Mắm Thái ở chỗ Bà Chúa Xứ lóng rày chao

đường quá tay chẳng thua gì Nguyễn Du nghiêng Kiều lỗ tay. Bắt nằng ý môn mại tiểu¹ tới 15 năm mới khấu hao, thanh lý dưới sông Tiền Đường.



Mắm ruột miền Tây được Hoàng Mắm của hãng Bà Giáo Khỏe làm bằng ruột cá lóc. Phải chọn ruột cá thiệt tươi, rửa thiệt sạch. Hình: Ngử Yên

Lúc xùy ra một hủ mắm ruột duy nhứt với mấy anh em, mà tôi được trao tận tay, Hoàng than: “Mắm ruột này hiếm lắm. Vì muốn làm mắm ruột, phải chọn con cá lóc thiệt tươi, mới giữ lại ruột và bao tử”.

Mắm ruột miền Tây khác như hai mặt bàn tay so với mắm ruột miền Trung. Nó trắng như Bạch Tuyết. Cái cô nàng nổi tiếng về bảy lỗ kim² sau khi qua cửa

¹ Dựa cửa bán môi cười.

² Xem thêm Đặng Trần Huân, *Cô gái đồng trinh* trong *Chuyện cấm đàn bà*, Sài Gòn xuất bản 1971, phụ lục cuối bài..

phụ khoa tầm soát, các thiên thần phát hiện báo cáo và được thánh Phao-lô xuê xoa cho qua.

Mắm ruột miền Tây phải tốn thời gian dài ruột cá mới mềm lại. Bằng không khi ăn phải phay tươi mỏng ra, trộn với mắm thái. Lúc đó miếng mắm có khi gặp mảnh ruột có độ sần sật.

Như đã nói, tôi được ăn hai món mắm ruột cách nhau không xa, vì vừa có chuyến đi Châu Đốc về. Châu Đốc nói riêng và An Giang nói chung có lẽ là đất mẹ của cá, mắm. Chẳng những mắm Kinh mà còn mắm Miên. Sau đó mới tràn lan ra cả miền Tây. Trước tiên vì đây là xứ cá, lại cá ngon. Nói vậy thế nào Hoàng BGK5 cũng giơ ngón tay cái lên.

Khi chuẩn bị dọn món mắm ruột miền Tây, ra chợ, mới hay bà già bán mắm Thái đã xiêu dạt phương nào. Lần mua mắm trước, bà đã già lắm rồi. Tay chân đã run khi lấy hàng cho khách... Đành thông tay về chợ³. Thịt ba rọi luộc xong xắt thiệt nhỏ, trọng hơn xiu thịt của má ngày xưa. Không có mắm thái thì chơi mắm ruột thuần... thành. Săn trong tủ lạnh còn trái xoài. Xắt xoài thay đu đủ. Xoài được tạo chua ngọt bằng nước cốt riêng – nước mắm đường kinh điển, chờ cho thấm mới trộn mắm và thịt chung lại. Nghiễn chuyện ngoài sách vở mà món mắm ruột miền Tây bữa đó cũng ngon “de kiêu”. Tới nay muốn

³ Từ thành ngữ chữ Hán “Thùy thủ xuất thị” - hoài phí công sức của kẻ đi chợ.

ăn lại món mắm ruột, vẫn không thấy bà già bán mắm. Lẽ nào bà đã cưỡi phụng bay theo Lộng Ngọc – một miệng sáo trẻ, tài sắc – lên trời rồi. Bèn phải xé phay mắm linh trộn xoài và đu đủ với mắm ruột. Chẳng những cho phong phú mà cũng để bớt hao cái hủ mắm ruột nhỉnh hơn hủ chao một chút. Kéo: Mai sau còn có bao giờ, Mở ve mắm ấy mời bờ môi kia.

Cô gái đồng trinh

- phụ lục cho bài mắt ruột -

ĐẶNG TRẦN HUÂN

Một cô gái xinh đẹp, ngây thơ tới cửa Thiên Đàng.
Một vị thánh hỏi:

- Con còn là gái đồng trinh chứ?



Cảnh trong phim *Bạch Tuyết và bảy chú lùn* do hãng Disney sản xuất năm 1937. Hình: AP Images

- Dạ... con cũng tin như vậy!

- Thế nào? Sao con không xác nhận được điều đó mà

lại chỉ tin mà thôi? Con hãy vào phòng bên để thiên thần phụ trách sản khoa khám nghiệm. Nếu thật con còn đồng trinh thì con sẽ được nhập Thiên Đàng... Nhưng ít nhất cũng phải có bằng chứng...

Sau khi khám nghiệm, thiên thần phụ trách sản khoa râu rằng:

- Nếu nói rằng cô gái này còn đồng trinh thì cũng được. Chỉ có điều hơi lạ lùng khác những cô gái khác. Cô có bảy lỗ thủng nhỏ, như những lỗ kim.

Thánh Phao Lô ngạc nhiên:

- Sao? Những lỗ thủng bằng lỗ kim thôi ư! Chúng ta không thể đẩy một thiếu nữ xuống địa ngục vì lý do đó! Ta chấp nhận cho cô vào Thiên Đàng. Nhưng trước khi qua cửa cô cho biết tên.

Cô gái đồng trinh bẽn lễn đáp:

- Tên con là Bạch Tuyết.

Trích từ Chuyện cấm đàn bà

IN MANUS TUAS DOMINE

VATICAN ANTIPHONALE

$\text{♩} = 80$



In má - nus tu - as Dó - mi - ne



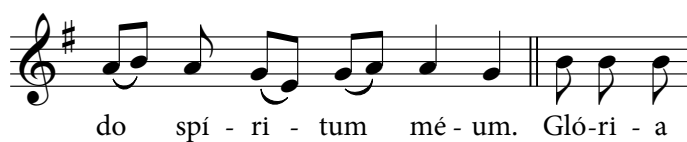
Com-men - do spí - ri - tum mé-



um. Re-de - mí - sti nos Dó - mi - ne,



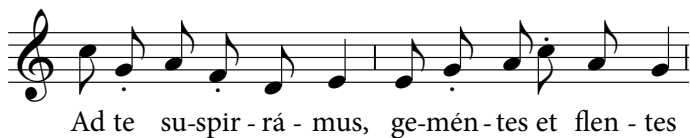
Dé-us ve - ri - tá - tis. Com-men

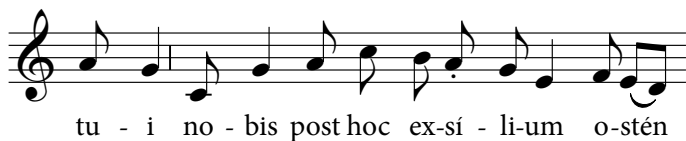
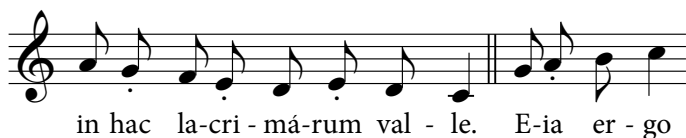


SALVE REGINA

NHẠC HERMANN OF REICHENAU

LỜI LATINH VÔ DANH





VENI, CREATOR SPIRITUS

GIOVANNI VIANINI



1. Ve - ni Cre - á - tor Spí - ri - tus,
2. Qui dí - ce - ris Pa - ra - cli - tus,
3. Tu sep - ti - fór - mis mú - ne - re,
4. Ac - cén - de lu - men sen - si - bus,
5. Hos - tem re - pel - las lón - gi - us,
6. Per - te sci - á - mus da Pa - trem,
7. De - o Pa - tri sit gló - ri - a,



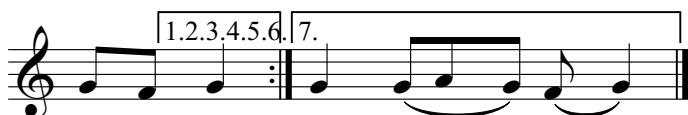
1. Men - tes tu - ó - rum ví - si ta: Im -
2. Al - tis - si - mi do - num De - i, Fons
3. Dí - gi - tus pa - ter - næ déx - te - ræ, Tu
4. In fú - nde a - mó - rem cór - di - bus In -
5. Pa - cem - que do - nes pró - ti nus: Duc
6. Nos - cá - mus at que Fí - li - um, Te -
7. Et Fí - li - o qui a mór - tu - is Sur



1. ple su - per - na gra - ti - a
2. vi - vus, i - gnis, cá - ri - tas,
3. ri - te pro - mis - sum Pa - tris,
4. fir - ma nos - tri cór-po - ris
5. to - re sic te præ-vi - o
6. que - utri - us que Spi - ri - tum
7. ré - xit, ac Pa - ra - cli - to.



1. Quæ tu cre - as - ti
2. Et Spi - ri - tá - lis
3. Ser - mó - ne di - tans
4. Vir - tú - te fir - mans
5. Vi - té - mus - om - ne
6. Cre - - dá - mus om - ni
7. In sæ - cu - ló - rum

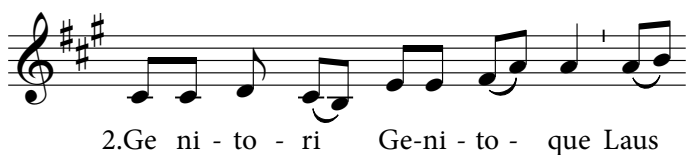


1. péc - to ra
2. únc - ti - o.
3. gút - tu - ra.
4. pér - pe - ti.
5. nó - xi um.
6. tem - po - re.
7. sæ - cu... - ...la. A - men.

TANTUM ERGO

ANTON BRUKNER





LỜI CẦU NGUYỆN

TRÌNH ĐÌNH BIỂN 69



1. Lạy Chúa, con chỉ là bé dại thơ, biết
2. Lạy Chúa, con tuổi đời thích mộng mơ, biết
3. Lạy Chúa, con tuổi nhọc sức cần lao, biết
4. Lạy Chúa, con tuổi bụa góa còn xanh, biết
5. Lạy Chúa, con tuổi cận xế chiều mây, biết



1. dâng Chúa gì đây? Câu kinh mẹ ru con
2. dâng Chúa gì đây? Thương cha tận tâm yêu
3. dâng Chúa gì đây? Lo toan miệng ăn không
4. dâng Chúa gì đây? Thâu đêm mộng sâu mong
5. dâng Chúa gì đây? Thân đau bệnh dai đeo



1. ngủ, lời nguyện mẹ dạy đêm khuya Con
2. mẹ, bài học miệt mài canh khuya Con
3. xuế, nhọc nhằn muôn phần đôi vai Con
4. ngủ, độc hành tinh trường khuya mai Con
5. đuổi, gây phiền đồng hành miền man Con



1. xin được dâng lên Ngài. (ĐK1) ĐK1. Lạy
2. xin được dâng lên Ngài. (ĐK1) ĐK2. Lạy
3. xin được dâng lên Ngài. (ĐK1)
4. xin được dâng lên Ngài. (ĐK2)
5. xin được dâng lên Ngài. (ĐK2)



Ngài, lòng này ngảy thơ Lời cầu còn nhiều ngu
Ngài, hồn này chơ vơ Lời cầu còn nhiều vu



ngơ Lễ vật phàm hèn đơn sơ Lạy
vơ Giữa trần đời này bơ vơ Lạy



Ngài, lòng thành dâng lên Lễ vật là lòng khiêm
Ngài, lòng thành dâng lên Lễ vật là lòng khiêm



cung Hợp cùng hiến lễ hy sinh dâng Ngài.
cung Hợp cùng hiến lễ hy sinh dâng Ngài.

CỦA LỄ HẢI NHỊ

TRÌNH ĐÌNH BIÊN 69



1. Vào đêm đông giá ấy, nơi sa mạc
3. Tình yêu thương chất chứa, Giê - su phận
5. Bạn thân ơi có biết Giê - su tận
7. Mòn chân không khúc trúc, bao không bạc
9. Giật râu đau, tát mắng, gian ngoa và



1. buồn, Con Người sinh ra Làn da non tươi
3. Trời cho đời ươm hoa Rối thân chiến hy
5. tình thương người con hoang Tình Giê - su tha
7. tiền, ăn thừa cơm ban! Hầu mong muôn ơn
9. gầy, gai cài vương trao! Toàn thân đau loang



1. mát lạnh giữa đời trần, hang lửa xiêu
3. tế, gọi lỗi phạm trần, cung lòng bao
5. thiết, nệm đầm lòng người, muôn đời trung
7. thánh, vọng mãi tầng trời, cho đời thăng
9. máu, đậm vải thịt mềm, lưng còng vai



1. nghiêng, tội trần muôn khiên.
3. la, vạn lần khoan tha.
5. kiên, vạn nguồn ơn thiêng.
7. hoa, tựa đầu sao sa.
9. tan, giọng trần miền man.



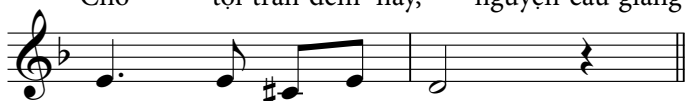
ĐK. Cho tình Ngài lớn lên, tình Ngài ấm



êm giữa lạnh lùng sương đêm



Cho tội trần đêm nay, nguyện cầu giang



tay, xin Ngài thứ tha.



2. Từ đêm đông thánh đỏ, ôm thân phận
4. Bạn thân ta mến quý, sao nghi ngại
6. Dù gian lao khốn khó không quan ngại
8. Què, phung, bãng huyết, yếm, ma cô lụy
10. Giờ hy sinh tế hiến, cô đơn phận



2. người, vương nghèo như ta.
4. hoài tim hồng Ta trao
6. đường, thương hoài loan tin
8. phiền, trong mồ đi ra!
10. người, hơi thấm thương sao!



2. Làm thân Con Chiên gánh tội trĩu ngàn
4. Rồi thân Ta dâng hiến, tội lỗi thời
6. Cầu mong muôn ơn phúc, gọi vẫy cùng
8. Nằm rên rên cơn sốt, bệnh vẫn gần
10. Phàm nhân ta trao nốt, Mẹ sẽ gần



2. phần, ban tình thương tha, tận cùng phơi pha.
4. tiên tan vào hư vô, một thời ban sơ.
6. miên Giuđê vàng chân xa, lộng đường hoan ca.
8. kẻ, tay cầu giảng cao, lệ lủi, vui trao.
10. kẻ! Cha đành quên sao? Mệnh hồn bay cao.

